

THIÊN - GIANG

NGUYỄN - HIỀN - LÊ

LỊCH - SỬ
THẾ - GIỚI

Quyển 7

THỜI - TRUNG - QUỐC



THIÊN-GIANG

LỊCH-SỬ²
THẾ-GIỚI¹

QUYỂN II

THỜI TRUNG-CỔ¹



Nhà xuất bản NGUYỄN HIỂN-LÊ

50, Monceaux — Saigon

Sách của THIÊN-GIANG



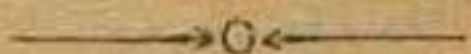
Đã xuất bản :

Vấn chương và xã hội	Nam-việt
Nghệ thuật và nhân sinh	Nam-việt
Tìm hiểu biện chứng pháp (dịch)	Nam-việt
Đề đào tạo nên người học trò hoàn toàn	Nam-việt
Vấn đề nông dân Việt Nam	Chân trời mới
Dân chủ và dân chủ	Nam-việt
Lao-tù (hồi ký)	Nam-việt
Muốn thành học trò giỏi	Phạm văn Tươi
Giữa chốn ba quân (Tiểu thuyết dịch)	Đông-phong
Dạy con	Phạm-văn-Tươi
Lịch-sử thế-giới — Thời Trung-Cồ	Nguyễn Hiến-Lê

ĐƯƠNG SOẠN :

Lịch-sử thế-giới — Thời Cận-dại
Đề hiệu Việt-sử

Sách của NGUYỄN HIẾN LÊ



Tổ-chức công-việc theo khoa-học
Đề hiệu văn phạm
Luyện văn
Nghệ thuật nói trước công chúng
Tự học để thành công
Bảy ngày trong đồng Tháp Mười
Thế hệ ngày mai
Tổ chức gia-đình.
Kim chỉ nam của học sinh
Săn-sóc cách nào cho sự học con em mau tấn-tới ?

ĐƯƠNG SOẠN :

Nghề viết văn
Luyện văn Cuốn II
Lịch sử thế-giới — Thời Hiện-dại
Sống một đời sống mới

PHẦN THỨ NHẤT

THỜI TRUNG-CỔ

CHÂU-ÂU



CHƯƠNG I

Tình hình thế giới vào cuối thời Thượng Cổ

1. Hai đế-quốc cầm đầu văn-minh nhân loại. Đế quốc La mã và đế-quốc Trung-Hoa
2. Thế giới chia làm hai vùng riêng biệt.

1

VÀO đầu kỷ - nguyên Da-tô thế-giới chia thành nhiều quốc-gia lớn có thể liên lạc với nhau bằng đường thủy lẫn đường bộ. Tựu trung có hai đế-quốc chi phối cả hoàn-cầu : đế quốc La-mã ở phương Tây và đế-quốc Trung-hoa ở phương Đông. Hai đế quốc ấy, đều có một nền văn-minh rất cao và có thể làm thành trung-tâm bảo vệ hòa-bình cho nhân-loại.

Thời kỳ chiến tranh tàn khốc trước kỷ nguyên Da-tô đã qua rồi. Các dân tộc lớn đều có thể tiến triển một cách yên ổn và tự do về mọi mặt.

Ngọn đuốc soi sáng cả châu Âu là đế quốc La-mã. Các dân tộc trong đế-quốc ấy như muốn lia bỏ tình thần chủng-tộc địa-phương để hòa lẫn nhau trong một đoàn thể rộng lớn vượt ra ngoài quốc giới. Tình nhân loại nơi họ đã phát-triển đến chỗ họ muốn quên ngôn ngữ riêng để cùng dùng thứ ngôn ngữ có tánh cách phổ biến, đại đồng là tiếng Hi-lạp và La-tinh.

Ở Trung-hoa, tình hình xã-hội cũng tương tự như thế. Sau khi Tần-Thủy-Hoàng thống nhất lãnh thổ và nhà Hán thay thế nhà Tần xây đắp nền quân chủ, Trung quốc đã thành một đế quốc hùng cường về đủ các mặt kinh tế, chánh trị, xã-hội, văn hóa.

Ở Ấn-độ, ánh sáng văn-minh không kém phần rạng rỡ. Patali poutra (Pa-ta-li-pu-tra) là một thủ-dò huy hoàng, tráng-lệ vào bậc nhất hoàn-cầu. Khoa-học văn-nghệ xứ ấy đã tiến được những bước chưa từng thấy trên lịch-sử.

Đế quốc Sace (xa cơ), chiếm trọn miền bắc xứ Ấn-độ, là nơi tập hợp các nguồn văn Hi-lạp, Ba-tư, Ấn-độ Trung-hoa.

Ba-tư cũng có một nền văn-minh đáng kể, nhưng vì Ba-tư bị đóng khuôn giữa đại lục, nên văn-minh của nước ấy còn giữ thái độ chững tặc của một quốc gia cô lập chỉ biết có địa vực của mình.

Trừ văn-minh Ba-tư, văn-minh La-mã, Trung-hoa Ấn-độ đều có tánh cách đại-đồng, có một sức hấp dẫn huyền diệu tràn ra khắp thiên hạ và lôi cuốn mọi giống người xung quanh.

2

Ngoài những đế-quốc và quốc-gia văn-minh nói trên, thế giới còn chia ra hai vùng riêng biệt.

Vùng duyên hải từ Alexandrie (A-léc-dân-dri) qua Ấn-độ, đến Trung-hoa. Các quốc gia thuộc vùng này đều nằm trong phạm-vi ánh sáng văn-minh của

phương Đông và phương Tây. Người Ả-rập đã mở được những hải cảng rất phồn thịnh ; quốc gia Méoré (Mè-ô-rê) do các hoàng tử Ai-cập thành lập giữa Soudan (Xu-dăng — châu-Phi) vào thế-kỷ thứ 6 trước kỷ-nguyên Gia-tô và xứ Abyssinie (A-bít-xi-ni) đã từng tiếp xúc mật thiết với Ai-cập và đã thấm nhận nhiều ảnh hưởng tốt đẹp của xứ này và của La-mã ; các nước nằm khoảng giữa Ấn-độ và Trung-hoa : Miến-điện, bán đảo Ấn-trung, bán đảo Mã-lai, Giao-chi, Chân Lạp đều chịu ảnh hưởng văn-minh Ấn-độ và Trung-hoa chi phối.

Nhưng sau lưng vùng duyên hải ấy còn có một vùng ánh sáng văn-minh không rọi tới, gồm có những phần đại lục mênh mông chiếm cả Trung-Âu, Bắc Á, cao nguyên Tây-Tạng và gần trọn châu Phi.

Làm chủ vùng này là những giống dân du mục dã man : người Hung-nô, Mông-Cổ ; Thổ-nh -kỳ, Tây Tạng ở châu Á ; người Germain (Giéc-manh), Scythes (Xit) ở châu Âu. Trình độ văn hóa còn thấp kém, họ sống bằng chăn nuôi và cướp giết. Họ làm thành một biển người luôn luôn chuyển động, tràn từ chỗ này đến chỗ kia, lấy chiến tranh làm lễ sống. Mục đích chiến tranh của họ là chiếm đoạt của cải và bắt người làm nô-lệ, và chiến-tranh họ gây ra bao giờ cũng tàn khốc tột bậc.

Khi các đế quốc Tây phương và Đông phương còn cường thịnh, giống rợ háo chiến ấy không thể vượt khỏi các biên giới khu vực họ sanh sống. Nhưng đến thế kỷ thứ 3 sau T. C. đế-quốc La-mã cũng như đế-quốc Trung-Hoa, bắt đầu lâm vào tình trạng khủng

hoảng, biến hóa và suy nhược, không đủ sức ngăn cản họ được nữa. Đến cuối thế-kỷ thứ 4, họ vượt qua, tràn ngập vào các nước văn-minh như nước vỡ bờ. Đầu thế kỷ thứ 5, họ nghiêm nhiên làm chủ cả Tây Đế quốc La-mã.

Trong cuộc khủng hoảng ghê gớm này chỉ có đế quốc Trung-Hoa còn đứng vững được mà thôi. Phía Bắc nó thu hút các rợ, phía Nam nó tiến ra tới bờ biển, và đầu thế kỷ thứ 6, ảnh hưởng của nó đã lan tới đảo Tích Lan, phía Nam Ấn-độ. Tuy nhiên về sau một phần vì sự phát triển về mặt biên giới dần, một phần vì người Thổ-nhĩ-kỳ quấy rối ở Trung Á làm cho sự giao thương với phía Tây gặp nhiều khó khăn, đế quốc Trung-Hoa trở thành cô lập giữa một thế-giới mỗi ngày một già cỗi. Uy quyền của nó bao trùm từ Giao-chỉ đến Triều-Tiên và nền kinh tế thống nhất của nó đủ cho nó sống trong cái tình trạng cô lập ấy. Trong lúc thế giới bị tan rã, phân chia từng lãnh-vực phong kiến, thì nó tìm được quân binh trong chế-độ chuyên chế với những đặc điểm, dựa vào đó nó tồn tại ngót hai ngàn năm sau.

Toát - yếu

—O—

1.) Cuối thời Thượng cổ trên thế-giới đã có nhiều đế-quốc văn-minh : Đế-quốc La-Mã, đế-quốc Trung-Hoa, đế-quốc Ấn-Độ, đế-quốc Sace (Xa-xơ), đế-quốc Ba-Tur. Trong các đế-quốc ấy, đế-quốc La-Mã ở phương Tây và đế-quốc Trung-Hoa ở phương Đông có một ảnh

hưởng mạnh hơn cả.

Đế-quốc La-Mã cầm đầu các nước chung quanh bờ biển Địa-trung-hải ; đế-quốc Trung-Hoa chi phối các dân-tộc Á-đông.

2.) Tuy nhiên bên cạnh các dân-tộc văn-minh còn có nhiều giống người Dã-man hợp thành một biển người chiếm trọn Trung-Âu, Đông-Âu, Bắc-Á, cao-nguyên Tây-Tạng và gần hết đại-lục châu Á-Phi. Các giống người man-rợ này sống bằng nghề chăn nuôi và giặc cướp.

Cuối thế-kỷ thứ 4, nhân các đế-quốc La-Mã và Trung-Hoa suy yếu, họ xâm lăng các vùng Tây và Bắc Trung-Hoa, chiếm cứ Tây đế-quốc La-Mã, đánh phá các nước Địa-trung-hải, Đông-Âu và mở đầu thời kỳ Trung-cổ ở châu Âu.

CHƯƠNG II

Đế quốc La-mã sau khi các rợ xâm lăng

- 1.— Các rợ xâm-lăng Tây đế-quốc La-mã.
- 2.— Vương quốc Franc và giòng Mérovingien.
- 3.— Tình hình xứ Gaule dưới triều Mérovingien.
- 4.— Đông đế-quốc La-mã và vua Justinien.
- 5.— Đế-quốc Hy-lạp.

Cuối thế-kỷ thứ 4, đế-quốc La-mã chia ra làm hai : Đông đế-quốc và Tây đế-quốc. Trong khoảng thế-kỷ thứ 5, người German bị người Hung-nô đánh đuổi phải tràn vào Đế quốc La-mã, mà trước kia họ đã ở rất đông.

Khi xâm-lăng các quốc-gia văn-minh trong đế quốc, người Dã-man này khép lại một thời kỳ, thời kỳ thượng cổ, và đánh dấu một thời kỳ mới, thời kỳ trung-cổ, trong lịch-sử loài người ở châu Âu.

Tuy nhiên trong các cuộc xâm-lăng này, giống rợ không thể đặt chân lên toàn bộ đế quốc La-mã. Ở Đông đế quốc, các hoàng-đế La-mã còn sức chặn đứng họ lại, và giữ được một vùng đất khá rộng gồm có bán đảo Ba-nhi-cán đến Danube (Đa núp ở châu

Âu), Tiểu-Á và Syrie (ở châu Á), Ai-cập và Cyrénaïque (Xi-rê-nai-ích). Tại vùng ấy có những đô-thị quan trọng như Athènes (A-tên) Alexandrie (A-lếch-dăng-dri) và Constantinople (Công-xit-lăng-ti-nốp).

Tây đế-quốc thì trái lại, lọt hẳn vào tay người rợ. Người Vandale (Văng-dan) chiếm cứ phía Nam Tây-ban-nha và Phi-châu ; người Ostrogoth (Ốt-trô-gốt), xứ Ý ; người Visigoth (Vi-si-gốt) xứ Tây-ban-nha và phía Nam xứ Gaule (Gôn) cho đến sông Loire (Loa) ; người Burgonde (Buyết-gông), lưu-vực sông Rhône (Rôn) ; người Franc (Frăng), toàn xứ Bỉ.

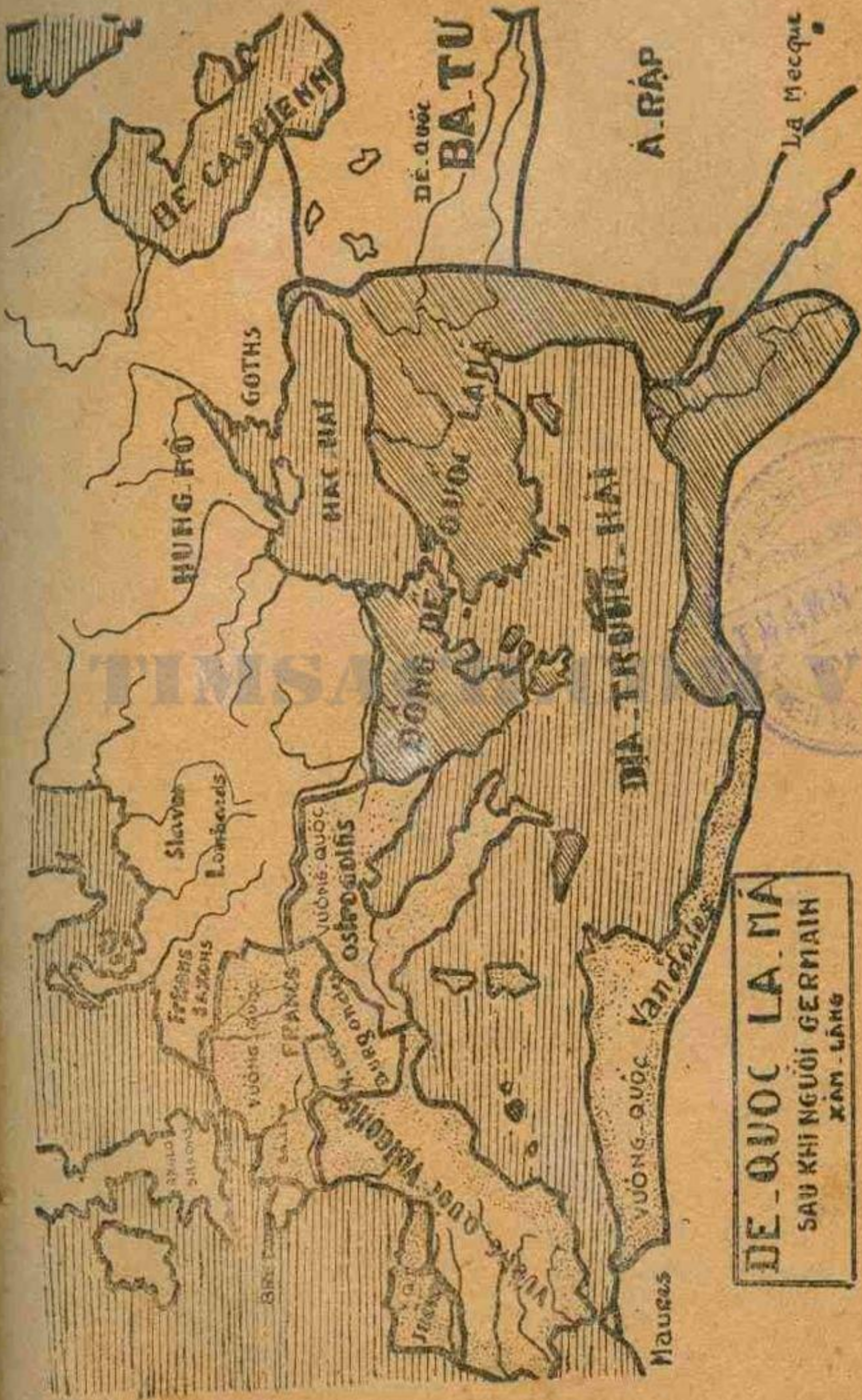
2

Cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 6, Clovis (Clô-vít-xơ) một ông vua Franc thuộc nhóm Salien (Xa-liêng) (1), từ Bỉ xưa quân qua xứ Gaule, chiếm cứ toàn xứ ấy.

Có sức khỏe và mưu-lược, Clovis đánh diệt dần các tù-trưởng bộ-lạc khác, buộc toàn thể các người Franc tôn mình lên làm vua, rồi do đó thống nhất được một dân-tộc hùng-cường trên một địa-vực rộng từ đây

(1) Người Franc rất can-dảm và thiện-chiến. Khi lâm trận, họ hay dùng búa cán ngắn, giáo lưỡi bằng, đoản-thương buộc dây có thể thay thế cho cây lao. Họ không đội mũ, mang giáp mà chỉ dùng cái khiên bằng gỗ hoặc bằng « miên-liêu » (một thứ liêu cánh mềm bọc da).

Người Franc chia thành hai ngành : Salien (Xa-liêng) và Ripuaire (Ri-pu-e). Mỗi nhóm lại chia thành bộ-lạc. Mỗi bộ lạc có một ông tù-trưởng.



DE QUOC LA MA
SAU KHI NGUOI GERMAIN
XAM LANG

Pyrenées (Pi-rê-nê) đến sông Weser (Vê-de), Danube bao gồm cả xứ Thuringe (Tuya-ranh), Germanie (Giéc-ma-ni) và vương-quốc thuộc người Burgondes (Buyết-gông).

Sở dĩ Clovis chiến thắng được dễ dàng là nhờ có phái tăng-lữ Da-tô giúp sức. Khi lên làm vua, Clovis vốn là người ngoại đạo. Nhưng vì kết hôn với một công chúa trong đạo Da-tô (1), ông chịu làm phép rửa tội. Do đó phái tăng-lữ Da-tô mượn tay ông để trừ diệt các tù trưởng theo nguy-giáo thường làm trở ngại sự phát triển quyền lợi vật chất, tinh thần của người trong đạo Da-tô.

Các vua Mérovingien (Mê-ro-vanh-giêng), nối dõi Clovis, giữ nghiệp được tới năm 751.

Nhưng sau khi Clovis chết rồi, tục phân chia tài-sản làm cho dân tộc Franc trở thành rời rạc. Mỗi lần có một ông vua chết thì trong nước lại sinh loạn vì tục phân chia ấy. Các hoàng-tử đánh nhau quyết liệt để giành đất, giành ngôi khiến vương-quốc franc phải bị qua phân.

Những vua trị vì vào khoảng 639-752 đều là bất lực, và lười biếng. Chánh quyền lọt vào tay bọn đại thần.

Vua càng yếu thì bọn võ-sĩ, bấy lâu được vua

(1) Clotilde (Clô-tin)

(2) Sự rửa tội này xảy ra năm 496 do giáo-sĩ Sainte Rémy ở Reims. Clovis chịu phép rửa tội cùng với 3000 võ-sĩ của mình. Từ đó Clovis trở thành một người phụng-sự đắc lực đạo gia-tô.

cắt đất ban thưởng công lao mạnh dần lên và hợp thành một đẳng cấp địa-chủ qui tộc rất cường ngạnh. Rồi lại vua không cầm giữ được chánh quyền nữa. Quyền ấy lọt vào tay quan cung-trưởng (1). Chức quan này ban đầu chỉ là kẻ hầu cận của vua, sau thành ra một vị phó-vương quyết đoán hết mọi việc triều đình.

Trong thời kỳ suy vong, xứ Gaule chia làm nhiều khu vực tổ-chức thành những vương-quốc riêng biệt : xứ Austrasie (Ối-tra-di) ở vùng sông Meuse (Mơ) sông Rhin (Ranh), xứ Neustrie (Nót-tri) ở vùng Tây-bắc xứ Gaule, xứ Burgondie ở vùng sông Saône (Xôn) và sông Rhône (Rôn), xứ Aquitaine (A-ki-ten) ở vùng Nam sông Loire (Loa). Hai xứ Austrasie và Neustrie luôn luôn xung đột nhau. Chỉ có hai xứ Burgondie và Aquitaine còn giữ được ảnh hưởng của văn minh La-mã thôi.

3

Thời đại Mérovingien (Mê-rô-vanh-giê), sử-gia cho là thời đại man-rợ hoặc có khuynh hướng trở lại tình-trạng man-rợ.

Chánh trị trong thời đại này bao gồm một mô tập tục của người man-rợ và người cổ La-mã hỗn-hợp. Vua chỉ giữ được một hư-vị và thường bị phế, bị giết. Bọn võ sĩ không có ý phò vua mà dựa vào thế lực vua để cướp giết.

Muốn tái lập uy-quyền, vua cố bắt chước các hoàng-đế La-mã, tự xưng tước hiệu, lập cung điện,

(1) Người quản đốc cung điện vua.

tổ-chức triều đình nghi vệ như các hoàng đế ấy. Nhưng rốt cuộc họ chỉ mô phỏng được một cách vụng về cái vỏ bên ngoài, không đủ tạo cho họ một chút uy-quyền nào đáng kể.

Pháp luật và cách tổ-chức xử phạt cũng đều có tánh cách man-rợ. Mỗi xứ có một thứ pháp luật riêng và khi xử tội, quan tòa phải dùng pháp luật của từng xứ mà xử người của xứ ấy. (1)

Phong-tục cũng dã-man và thô lậu tột bậc. Hầu hết các vua đều phạm tội sát nhân. Vua Clotaire 1er (Clô-te đệ nhĩ) dùng dao bầu giết cháu, và cho xử giáo cả con để là Chram (Sơ-ram).

Nạn nhân chánh của chế-độ tàn khốc ấy là dân dân chúng hèn yếu. Họ phải ẩn núp dưới bóng giáo đường. Và lúc ấy chỉ có giáo-đường là còn đủ sức

(1) Nếu phạm nhân chối và quan tòa không đủ bằng chứng để xử thì pháp-luật cho viện đến cách thí-nghiệm và cách cầu Chúa xử phạt. Thí-nghiệm thì người ta dùng nước và lửa. Kẻ bị cáo phải nhúng hai bàn tay vào nước đương sôi, hoặc cầm một thoi sắt nung đỏ, đi ít bước. Ba ngày sau, nếu tay không bị bỏng hoặc dấu bỏng có một trạng thái đặc biệt nào đó thì tội nhân được coi là vô tội. Cầu Chúa xử phạt thì người ta cho nguyên cáo và bị cáo hoặc những võ sĩ đại diện cho người ấy đấu kiếm với nhau. Bên nào được là người vô tội, vì theo họ Chúa không bao giờ để kẻ có tội phải thua phải chết.

Những cảnh xử phạt này cũng tương tự như cách xử phạt của vài giống Mọi ở núi Trường-Sơn nước ta. Những Mọi ấy bắt bị cáo nhân uống thật nhiều rượu, hoặc trầm mình trong nước, hoặc đưa tay vào lửa mà không việc gì thì được coi là vô tội.

đương đầu với bọn vua chúa. Nó che chở nhân-dân, ra lệnh cấm tàn sát nô-lệ. Nhờ nó mà văn-miuh La-Mã ở xứ Gaule được cứu vãn một phần nào.

4

Trên đây là tình hình đế-quốc La-Mã ở phía Tây. Còn phía Đông thì vào cuối thế-kỷ thứ 5, Đế-quốc La-Mã còn tồn tại được, nhưng đã yếu ớt như một ngọn đèn sắp tắt.

Tình hình trong ngoài đều hỗn độn. Bên ngoài thì các rợ đe dọa. Người Hung-nô, người Slave (Sít-la), người Bảo-gia-lợi tàn phá vùng biên giới Danube ; người Ba-Tư, Á-Rập toan xâm chiếm các tỉnh Á-châu. Bên trong thì những cuộc mưu phản bạo nghịch nhen nhúm cùng khắp. Vua thì sa dọa, ngôi vua nằm trong tay bọn dân bà, bọn võ tướng. Dân-chúng cũng khổ, hết sức phẫn uất và chực có dịp là nổi loạn.

Giữa tình thế nguy-ngập ấy, Justinien (Juýt-ti-niêng 527-565) đứng lên khôi phục lại đế-quốc. Lần lượt ông đánh dẹp được người Vandale, người Ostrogoth, người Wisigoth, thâu lại những lãnh thổ Bắc Phi (533-534) Ý-dại-lợi (535-554) và vùng Đông-nam xứ Tây-ban-nha (554). Trừ xứ Gaule và các tỉnh ven biển Đại-tây-dương của xứ Tây-ban-nha, đế-quốc La-Mã thâu hồi lại được gần hết đất đai cũ.

Đánh dẹp xong rồi, Justinien quay sang kiến thiết. Về pháp-điển ông cho sưu tập lại nguyên bản những pháp-lý La-Mã, lọc bỏ những phần tương-phản để làm thành một bộ pháp-điển mang danh là Pháp-điển jus-

linien và Digeste (Đi-jết) tổng hợp tất cả các khuynh-hướng căn bản pháp-lý La-Mã.

Ông cho kiến trúc khắp đế-quốc những thành trì, cầu cống, bệnh viện, nhà tắm công-cộng, tu-viện, giáo-đường, cung điện. Giáo-đường Sainte Sophie (thánh Sô-phi) là một kiến trúc vĩ đại, hùng tráng nhất ở thành Constantinople.

Nhưng vua Justinien xa-xỉ quá độ. Cái võ ngoài huy-hoàng, trang-lệ mà ông tạo ra cho mình đó không đủ che đậy cái thối-nát, cái đồi-bại bên trong. Phần thì chiến-tranh tốn kém, phần thì triều-đình hoang-phí, dân-chúng không kham nổi gánh nặng mỗi ngày một chồng chất thêm lên vai, phải sa dân vào cảnh khốn cùng. Vì vậy mà bờ cõi tuy được mở rộng, đế-quốc lại nghèo nàn kiệt-quệ. Vua Justinien về sau bị dân-chúng oán ghét.

5

Ông chết không được bao lâu thì bờ cõi Đông đế-quốc La-mã bị thu hẹp lại. Cuối thế kỷ thứ 6, người Lombard (Lôm-ba) chiếm phía Bắc nước Ý; người Visigoth đoạt lại miền Đông-nam xứ Tây-ban-nha. Thế kỷ thứ 7, người Slave (Sít-la) và người Bảo-gia-lợi, kéo vào Ba-nhĩ-cán, người Ả-rập làm chủ các xứ Syrie Ai-cập và Bắc-Pai. Thế kỷ thứ 8, người Franc chiếm gần hết nước Ý: Dần dần đế-quốc La-mã gom lại trong phạm vi đế-quốc Hy-lạp mà người cùng ta cũng gọi là Đế-quốc Byzantin (Bi-dãnh-tanh), (1) gồm những xứ

(1) Gọi là Đế-quốc Byzantin vì thủ-đô là Constantinople trước kia gọi là Byzance.

thuộc ảnh hưởng Hy-lạp là xứ Hy-lạp, xứ Macédoine (Ma-xê-đoan) xứ Thrace (Tra-xe), Tiểu-Á.

Đế-quốc Byzantin tồn tại tới năm 1453, tức là năm quân Thổ-nhĩ-Kỳ chiếm cứ Constantinople. Trong khoảng thời-gian chín thế kỷ, đế quốc gặp nhiều biến cố xảy ra liên tiếp : tôn giáo xung đột, đảo chánh, bạo loạn. Mỗi lần thay đổi triều đại là mỗi lần có bi kịch đẫm máu diễn ra.

Tuy nhiên đế-quốc hy Byzantin cũng để lại được những trang sử khá vẻ vang. Nó bảo vệ được bờ cõi, chiến thắng những kẻ địch tới xâm lấn không ngớt. Người Á-rập, người Bảo-gia-lợi, người Nga đến xâm lấn Constantinople, lần lượt bị thảm bại trước thành này Đế-quốc Byzantin lúc ấy quả thật là trung-tâm văn minh của mọi châu Âu bị người Rô-ma giày đạp. Các dân tộc Đông-Âu người Serbe (Xét-bô) Bảo-gia-lợi, Nga chịu ảnh hưởng văn-hóa Byzantin cả. (1)

Toát - yếu

—C—

1.— Đầu thế kỷ thứ 5, các Rô-ma chiếm cứ toàn cõi Tây đế-quốc La-mã. Đại bộ phận xứ Gaule lọt vào tay người Burgonde, Wisigoth và Franc.

2.— Người Franc chia làm hai ngành Franc Salien là Ripuaire. Tù-trưởng ngành Franc Salien là Clovis theo đạo Đa-lô và nhờ phái tăng lữ giúp đỡ, chi phối

(1) Xem chương V : Đế quốc BYZANTIN vào thời Trung Cổ.

được một lãnh-thổ từ dãy Pyrénée đến sông Weser. Nhưng khi Clovis chết, các vua kế nghiệp — gọi là Mérovingien — chia xứ Gaule ra nhiều vương quốc nhỏ nhỏ : Austrasie, Neustrie, Burgondie, Aquitaine

3.— Các vua này đều lười biếng, bất lực. Cách cai trị thì vụng-về ; phong tục thì mọi rợ. Văn minh La-mã đã đến hồi xế bóng. Dân chúng hết sức điêu linh, chỉ còn trông cậy một phần nào vào sự che chở của giáo-hội mà thôi.

4.— Đến thế kỷ thứ 6, Đông đế-quốc La-mã cũng tới lúc lâm nguy. Bên ngoài thì người Rợ xâm lấn, bên trong thì bạo loạn nổi lên. Nhưng Justinien lấy lại được xứ Ý đại-lợi, Bắc-Phi và một phần Tây ban-nha và lo tổ chức lại việc cai trị, đặt pháp-diền, kiến-trúc nhiều đền đài nguy-nga. Nhưng Justinien cũng là một ông xa-xỉ, về sau làm cho nước nghèo dân khổ.

5.— Justinien chết, người Rợ lại xâm lấn. Đế-quốc của Justinien bị thâu hẹp lại thành quốc-gia Byzantin. Nhưng đến giữa thế kỷ mười lăm, khi quốc-gia này tiêu diệt, văn minh của nó vẫn còn rực rỡ.

CHƯƠNG III

Sự bành trướng của đạo Da-tô

- 1.— Nguyên nhân phát triển của đạo Da-tô.
- 2.— Giáo hoàng Grégoire le Grand và quyền-vị Giáo hoàng.
- 3.— Đạo Da-tô toàn thịnh

1

Đầu thế kỷ thứ 5 khi quân đội La-mã rút khỏi đảo Bretagne. (Bơ-rơ-tan) thì người Rợ Angle (Ăng-glơ) và Saxon (Xa-xông) từ vùng Elbe (Ên-bơ), kéo tới xâm chiếm đảo này, dựng lên xứ Angleterre (Ăng-glơ-te) (1). Đến thế kỷ thứ 6, họ tổ-chức thành nhiều vương quốc nhỏ.

Ở Ý, sau khi vương-quốc của người Ostrogoth bị quân đội Justinien tiêu diệt, uy-quyền các hoàng đế Constantinople được tái lập. (555) (2)

Nhưng Ý lại bị người Lombard (Lom-ba) thuộc giống Germain xâm lấn. Người Lombard kéo vào đồng

(1) Angle : người Angle ; terre : đất : Angleterre : đất của người Angle

(2) Kinh-thành La-mã lúc ấy, sau nhiều lần bị bao vây cướp giết, bày ra một cảnh tượng hoang-phế. Lâu đài tráng lệ biểu hiệu của một nền văn-minh rực rỡ chỉ lưu lại đồng đá, gạch. Dân số một triệu chỉ còn được 50 ngàn.

bằng Pô, thẳng tay tàn phá, cướp giết (568). Hoàng-đế La-mã cầu viện với người Franc xứ Austrasie, nhưng vẫn không đuổi được quân địch. Sau hai mươi năm chiến tranh, người Lombard làm chủ trọn miền Bắc nước Ý và nhiều thái-ấp khác trong bán đảo lúc ấy đã bị tàn phá một cách kinh-khủng.

Tình hình hỗn-loạn ấy gây tai họa thường trực trong dân gian. Mọi người đều sống trong cảnh khủng khiếp, biết có nay mà không biết có mai. Họ phải cầu đấng thiêng liêng che chở và tìm nguồn an ủi nơi cầu kinh, tiếng kệ. Người theo đạo thì vào nhà tu nương tựa. Tôn giáo nhân đó mà phát triển mạnh, chi phối chẳng những đời sống tinh thần mà cả đời sống chánh trị của mọi người.

Giáo hoàng trước kia chỉ là một đại diện tối cao của tôn giáo, một giáo sĩ, uy-quyền chỉ nằm trong phạm vi tôn giáo mà thôi. Nhưng vì nước Ý bị xâm lấn, đất đai bị chia xẻ, quyền hoàng-đế không được tôn trọng, nhiều đô-thị lâm vào tình trạng vô chánh phủ. Giáo hoàng thừa cơ hội ấy bước lên sân khấu chánh trị tranh giành quyền lợi, địa vị với vua chúa.

2

Grégoire le Grand (Đại-giáo-Hoàng Go-rê-go) (590-604) là một giáo hoàng đầu tiên biết lợi dụng tình hình nói trên. Xuất thân từ một gia đình quý-tộc la-mã, ông đem tài sản xây cất nhiều tu-viện, rồi từ một lãnh-chúa phong kiến ông biến thành một tu-sĩ. Ông

mượn tôn giáo để tạo lấy một địa vị quan trọng. Được cử làm giáo hoàng, ông coi mình là chúa tể trong nước. Ông đảm nhận trách nhiệm phòng thủ đế-quốc, trưng-mộ binh lính, tổ chức việc mua bán vật thực, thương-nghị với quân giặc đang vây thành, đề phòng mọi nguy biến có thể xảy tới. Đồng thời ông coi sóc việc quản trị tài sản của toàn thể giáo-hội, nhất là ở Ý. Uy quyền của Giáo hoàng do đó vượt khỏi phạm vi thành La-mã, lan rộng ra khắp nước.

Trong giáo-hội, Giáo-hoàng thi-hành nhiều cải-cách, cho soạn sách dạy tăng lữ và lo tăng cường đức tin của giáo-dồ. Ông đem tôn-giáo tuyên-truyền vào các nước người Rô-ma chiếm cứ, cố đem họ đặt dưới uy quyền của giáo đường La-mã. Người Wisigoth, người Lombard, nhất là người Anglo-saxon theo đạo Da-tô rất đông.

3

Giáo-hoàng Grégoire chết, nhưng công việc truyền đạo vẫn được tiếp tục rất mạnh. Toàn thể người Anglo-saxon đều thành giáo-dồ. Vào cuối thế kỷ thứ 7 (685), một giáo hội của người Anglo-saxon được thành lập. Giáo hội ấy trung thành với hội thánh La-mã hơn hết. Khoảng thế kỷ thứ 7 và thứ 8, các tu viện của giáo hội ấy là cơ-sở khảo-cứu khoa học và văn chương quan trọng nhất ở châu Âu.

Phong-trào truyền giáo lan rộng vào cả xứ Germanie. Đến giữa thế kỷ thứ 8, nhờ sự hoạt-dộng của

giáo-sĩ Boniface (Bô-ni-phát), chẳng những cả Tây-Âu và một phần xứ Germanie tuyên-truyền đạo Đa-tô mà tất cả các giáo hội đều phục tùng tòa thánh La-mã.

Thế kỷ thứ 8 (756), những quốc gia thuộc giáo hội (Etats de l'Eglise) được thành lập, khiến uy quyền Giáo-hoàng càng to hơn. Nguyên khi Người Lombard đến chiếm quận Ravenne (Ra-vên) và đe dọa Đông đế-quốc La-mã, Giáo hoàng Etienne II (Ê-chiên đệ-nhi) cầu cứu với Pépin le Bref (Pê-pin lơ Bơ-rêp) một ông vua thuộc giòng Carolingien (Ca-rô-lin-giêng). Để đền ơn giáo hoàng đã làm lễ tôn vương cho mình, Pépin le Bref đến đánh đuổi người Lombard (754 - 756), lấy lại quận Ravenne, rồi không kể đến uy-quyền Hoàng-đế La-mã, đem đất ấy biếu cho Giáo-hoàng. Từ đó sự liên lạc giữa thành La-mã và Đông đế-quốc La-mã đoạn tuyệt hẳn. Giáo-hoàng lấy quận Ravenne lập thành quốc-gia của giáo hội và trở thành một vị chúa tể có uy-quyền thế lực, có thổ địa và triều đình như bao nhiêu đế vương khác. (1)

Toát-yếu

—O—

1.—Người Anglo-saxon xâm lấn xứ Bretagne, người Lombard xâm lấn nước Ý, làm cho tình hình

(1) Muốn biết gốc tích đạo Đa-tô và Jésus Christ người sáng lập đạo ấy thì đọc Thế-giới sử cuốn nhất của Nguyễn Hiến-Lê.

Đông đế-quốc La-mã bị xáo trộn. Do đó đạo Da-tô phục hồi mạnh mẽ. Tu viện mở nhiều và quyền vị giáo hoàng bành trướng.

2.— Đại Giáo-hoàng Grégoire đóng một vai trò quan trọng và lấn át cả hoàng-đế La-mã. Ông chủ trương việc truyền giáo cho người Anglo-saxon, và khắp mọi nơi ông tìm cách đặt quyền giáo hoàng lên trên giáo hội.

3.— Sau khi Grégoire chết, nhờ Boniface tận lực truyền đạo và nhờ sự thành lập các quốc gia của Giáo-hội mà quyền vị Giáo-hoàng càng tăng thêm mãi.



CHƯƠNG IV

Sự bành trướng của đạo Hồi

1. Hồi-giáo và giáo chủ Mahomet.
2. Đế-quốc Ả-rập.
3. Văn-minh Hồi-giáo.

1

Trong lúc ở phương Tây đạo Đa-tô bành trướng thì tại Ả-rập đạo Hồi xuất hiện.

Ả-rập nguyên là xứ sở của giống dân du mục thường hay đánh phá các vùng lân cận, hoặc cướp giết các thương đội. (1)

Đến đầu thế kỷ thế thứ 7, các giống ấy chưa tỏ dấu nguy hiểm lắm. Họ đã định cư và ở những vùng trồng trọt được, họ lập thành những làng xóm. Trên các con đường chánh các thương đội thường qua lại, họ dựng những thị trấn vào cỡ trung bình, đứng đầu có thị trấn Médine (Mê-din) và La Mecque (La-Méc) (2), dân số là 15000 và 25000 người.

(1) Hồi xưa đường giao thông chưa tiện, thương nhân hợp thành đội đi qua sa mạc.

(2) Hai thị trấn này nằm trên đường giao thương từ Hồng Hải sang châu Á.

Người Ả-rập vốn theo đạo đa-thần, mỗi bộ lạc thờ một vị thần khác nhau. Nhưng tất cả đều lấy thánh đường La Mecque làm chỗ lễ bái chung. Tại đây có một ngôi đền cổ gọi là Kaaba (Ca-ba) làm toàn đá đen trong đó người ta thờ một mảnh vân thiết (một mảnh tinh tú trên không trung rơi xuống). Mảnh vân thiết ấy được coi là vị thần tối cao đứng đầu các thần xứ Ả-rập. Đến Kaaba do một họ có uy thế nhất tức là họ Koraichite (Co-rai-sít) canh giữ. Mahomet, người sáng lập đạo Hồi thuộc về họ này.

Mahomet (Ma-hô-mét) sanh năm 570, quanh vùng La Mecque trong một gia-gình rất nghèo. (1) Thuở nhỏ ông chăn cừu rồi làm hướng đạo cho các thương đội qua sa mạc, đi khắp nơi này nơi khác. Về sau làm nô bộc cho một quả phụ giàu có, buôn bán lớn và kết với người này. Từ đó ông chấm dứt cuộc đời phiêu lưu. Đến bốn mươi tuổi, ông vẫn sống tầm thường như mọi người, chưa có dấu hiệu gì tỏ ra sau này ông là một giáo chủ. Từ tuổi này trở đi ông mới có những cử chỉ khác thường và bắt đầu đề xướng tôn giáo độc thần. Đến năm mươi tuổi, ông gặp loạn thất bại. Bọn hào phú La Mecque thấy ông gây nhiều ảnh hưởng trong đám dân nghèo có ý lo sợ, nên mỗi lần thấy ông giảng đạo thì chửi mắng đánh đập.

Lúc ấy tình hình thị trấn Médine không được yên ổn ; xung đột thường diễn ra. Dân chúng, nhất là

(1) Ông J. Pirrenne trong sách « Les grands courants de l'Histoire universelle » nói Mahomet thuộc về một gia-đình phú hảo và chuyên về thương mại.

người Do-thái, khi đến hành lễ ở La Mecque, tin theo Mahomet, bỏ lối thờ cúng của đạo đa thần. Mahomet được họ mời tới Médine.

Nhưng Mahomet không đi vội. Luôn hai năm, ông gởi dần tin đồ ở La Mecque tới Médine. Một ngày kia thấy thế lực của ông lớn quá, bọn bảo mục ở La Mecque định ám sát ông. Hay được tin ấy, ông trốn ra khỏi La Mecque đúng vào đêm thích khách tới nhà.

Người Hồi giáo gọi sự đào tẩu này là Hégire (È-jia) và dùng để đánh dấu kỷ nguyên Hồi giáo (622).

Tại Médine ông hoàn thành công cuộc tổ chức tôn giáo mới, cổ xúy thánh chiến để trừng phạt kẻ bội đạo.

Hồi nhỏ, nhận dân thương đội qua Syrie, ông gặp một giáo sĩ Da-tô và theo đạo này, khi tới Médine, gần người Do-thái, ông chịu ảnh hưởng đạo Do-thái. Cho nên đạo Hồi là một sự hỗn-hợp đạo Da-tô và đạo Do-thái.

Giáo lý đạo Hồi gồm có những cuộc đàm thoại Mahomet do tin đồ ghi chép lại trong thánh-kinh Koran (Co-răng). Kinh này không những giảng về đức tin mà còn dạy về khoa học, luật pháp và các qui tắc vệ-sinh nữa.

Giáo điều căn bản tóm tắt trong câu này : chỉ có một đức chúa duy nhất là Allah (A-la) và một tiên tri của ngài là Mahomet.

Giáo điều còn dạy phải phục tùng ý muốn của chúa : sự phục-tùng ấy gọi là Islam (I-xờ-lam). Khi chết rồi, con người còn phải chịu quyền phán quyết của chúa.

Cách cúng tế cũng giản-dị như giáo điều. Tín-dồ chỉ tuân theo bốn điều răn : mỗi ngày cầu nguyện năm lần ; tắm rửa trước khi cầu nguyện ; trong đời ít nữa phải đi lễ bái ở La Mecque một lần. Ngoài ra Mahomet còn dạy cữ rượu và thịt heo. Người nào chịu chiến đấu vì chúa sẽ được lên thiên đàng.

Mahomet đề xướng thánh - chiến chống người không theo Hồi-giáo. Người Ả-rập hưởng ứng rất đông, vì lòng mộ đạo cũng có, mà vì muốn dựa vào chiến-tranh để cướp giựt cũng có.

Khi trốn khỏi La Mecque tới Médine, ông bắt đầu cho đánh cướp các thương đội qua lại con đường này. La Mecque lo ngại, gọi quân tới chinh phạt. Sau trận Badr (Ba) quân La Mecque chết 50, 60 người và bị thương cũng số ấy. Mahomet lại cho giết một số Do-thái tỏ ý hồ nghi tài tiên tri của ông. Ngay lúc đầu đạo Hồi đã tỏ ra một tôn-giáo có tách cách xâm lược (1).

Để trả đũa và để tiêu diệt một mối họa, La Mecque gọi tới Médine một đội quân 10.000 người. Thay vì ra nghinh chiến, Mahomet cho xây thành và đào hào chung quanh thị trấn. Lối phòng thủ ấy, quân La Mecque cho là hèn nhát. Họ vây thành và chửi bới, nhục mạ thậm tệ. Nhưng Mahomet nhẫn nhục không

(1) Mahomet hô hào : « Ta sẽ gieo khủng bố vào lòng những kẻ không thừa nhận (tôn-giáo ta), bởi vì những kẻ ấy cho chúa (Allah) những ý xấu mà họ không đưa ra được bằng cứ... »

chịu ra quân. Mùa mưa tới, địch quân không chỗ ẩn náu; lương thực cạn dần, nấu nướng lại khó. Mọi người đều ngã lòng; ý kiến bắt đầu xung đột. Và không bao lâu đội quân ô hợp của La Mecque tự tan rã như cát rời gặp cơn lốc. Mahomet thừa dịp kéo tới một thị trấn nhỏ gần Médine, kết tội dân Do-thái thành ấy đã theo quân địch, giết hết 900 người đàn ông, còn đàn bà trẻ con thì bán làm nô-lệ.

Từ đó La Mecque không thêm đem quân tới Médine nữa, bọn hào mục lần lượt theo về Mahomet.

Nhưng Mahomet cũng muốn giảng hòa. Ông tỏ ý nhượng bộ một phần nào. Trước kia ông bài bác tôn-giáo đa thần, bây giờ thì ông bảo bên cạnh Allah các thần khác còn giữ được địa vị. Sau những cuộc điều đình khó khăn và một trận đấu cuối cùng, năm 630, ông được dân La Mecque mở cửa đón.

Tuy về sau ông còn gặp nhiều trở lực, những cuộc bội phản, tàn sát, chiến đấu nối tiếp diễn ra, nhưng uy quyền của ông một ngày một lớn. Đến năm 632, tức là lúc ông được 62 tuổi, khi lâm chung, ông làm chủ được toàn xứ Ả-rập. Một phần lớn các bộ lạc Ả-rập tôn ông làm giáo chủ.

Sở dĩ ông thành công được là nhờ xã-hội Ả-rập lúc ấy đã tới một trình độ mà tôn-giáo đa thần không thích hợp với sự tiến hóa nữa. Các giống dân du mục đã bắt đầu định cư và ranh giới bộ lạc đã bắt đầu bị xóa bỏ; các giống dân phải hòa hợp lẫn nhau để tạo thành một quốc-gia mạnh hơn, phải có một nền kinh-tế thống-nhất, một quân đội hùng cường để chống lại

ngoại xâm hoặc để xâm lấn các xứ khác. Ngoài lý do xã-hội và lịch-sử ấy ta có thể kể thêm tánh cách chiến đấu mạnh mẽ của Hồi-giáo, quả quyết đánh ngã đối phương bằng mọi phương tiện kể cả phương tiện khủng bố. Lý do thứ ba là tánh tình của vị giáo-chủ : Mahomei vừa có tài ngoại-giao vừa là người nham hiểm tàn ác, biết tùy lúc mà dùng võ-lực hoặc điều đình, tấn công hay nhượng bộ, nghĩa là ông có đủ tinh tình của « bất cứ một Quốc-vương Ả-rập nào ».

Trước khi làm chung một năm, ông đã rơi vào lòng tin-dở những lời nhàn từ vừa đúng với một vị giáo-chủ vừa thích hợp cái trật tự xã-hội ông đã dựng lên :

« Hồi thần dân ; con hãy nghe lời nói của ta đây ; vì không biết năm lời này ta còn sống với các con nữa không. Các con ai cũng biết coi sinh mạng, tài sản của đồng loại là thiêng-liêng, là bất khả xâm phạm, và phải nhớ như vậy cho đến khi thiên cũng địa tận.

« Chúa đã ban cho mỗi người một gia tài ; lời di chúc sẽ không hợp pháp nữa nếu người này lại xâm phạm đến kẻ kia.

« Kẻ làm con thuộc quyền sở hữu của kẻ làm cha. Ai xâm phạm đến luật hôn phối sẽ bị hành hạ.

« Ai nhìn nhận kẻ khác làm cha, coi kẻ khác làm thầy sẽ bị chúa, bị thiên thần và bị nhân loại trừng phạt.

« Hồi thần dân của ta ơi ! Dân ông có uy quyền đối với dân bà và dân bà cũng có quyền đối với dân ông. Dân bà, không được phạm luật hôn phối, làm những

việc dâm ô ; nếu bà phạm tội, con có quyền giam họ trong phòng riêng, dùng roi da mà đánh, song đừng đánh mạnh lắm. Nhưng nếu họ biết giữ mình thì nên cho họ ăn mặc đầy đủ. Hãy trọng đãi người vợ của con vì họ là những kẻ bị giam cầm trong tay con ; họ không có quyền hành gì cả trong những việc liên quan đến họ ; con tin lời chúa mà lấy họ, con dùng lời chúa mà ràng buộc họ với con.

« Đối với nô-lệ, con dùng thức ăn gì thì cho họ dùng thức nấy, con mặc thứ vải gì thì cho họ mặc thứ vải nấy. Nếu họ phạm một tội lỗi không thể tha thứ được thì con nên đem bán họ đi, vì họ là nô-lệ của chúa, con không nên làm khổ họ ».

Trong một xã-hội mà loài người chực ám hại lẫn nhau, giống dân này coi giống dân kia là thù địch, và trong lúc các tôn giáo khác chỉ là một lợi khí đàn áp xâm lăng, những lời lẽ tầm thường, giản-dị ấy của Mahomet được dân chúng Á-rập tin theo. Họ không cần biết Mahomet là người thế nào mà chỉ biết đức chúa tể do ông tạo ra là một đấng công-bình, bác-ái, có thể kết hợp mọi người trong tình thương lẫn nhau ở mặt đất cũng như ở thiên-đường.

2

Suốt một thế kỷ người Á-rập chiến thắng không ngừng. Họ bắt buộc kẻ địch phải chọn lựa mấy điều : nộp cống cho họ, thừa nhận vị chúa thật sự là Allah, hay là chết. Thật ra, trên con đường xâm lăng họ không bị sức cản trở của dân chúng. Nông dân ở đồng bằng Mésopotamie không quan tâm đến việc phải

theo đế-quốc Byzantin hay đế-quốc Ả-rập, vì đối với đế quốc nào họ cũng là kẻ bị trị và phải nộp thuế như nhau. Về lại triều đình Ả-rập lúc ấy còn tỏ ra khoan hòa, nhân đạo hơn các triều đình chuyên chế khác ở cận đông. Người Ả-rập trước kia theo đạo Đa-tô, nay bỏ đạo này theo đạo Hồi rất đông. Người Do-thái cũng vậy.

Chiến công của người Ả-rập được sắp vào hàng oanh liệt nhất trong lịch sử thế giới. Phía đông họ chiếm xứ Syrie (Xi-ri), Ai cập (634 — 639), xứ Ba-tư (642) tiến thẳng sang Ấn-độ và Tân-cương (thuộc-Trung quốc). Phía tây họ chinh phục Bắc-phi ; rồi từ Bắc-phi họ tiến sang Y-pha-nho, chiếm luôn xứ này. Đến nửa thế kỷ thứ 8, khi công cuộc xâm lăng hoàn thành thì biên giới Đế-quốc Ả-rập mở rộng từ sông Hằng (Gange) đến Đại-tây-dương.

Các vị quốc vương Hồi-giáo đầu tiên, Abou Kacr (A-bu-Cát) và Omar I (Ô-ma đệ nhất) là những người tánh tình cương trực và giản dị tuyệt đối. Cầm đầu một đế quốc to rộng như thế mà họ vẫn giữ lối sống đơn sơ, nghèo nàn của dân du mục trong sa mạc. Cho nên dân chúng coi họ là nhân vật siêu phàm. Nhưng đến đời vua Othman (Ôt-man) phong hóa đã suy đồi, các vua Ả-rập từ đó cũng tầm thường như bao nhiêu vua khác ở Đông-phương, thích đời sống xa-xỉ ụy-mị trong cung cấm.

Đế-quốc Ả-rập tồn tại không được lâu. Vừa thành lập xong, đế quốc ấy đã bị chia thành ba nước dưới quyền ba ông hoàng rất hùng cường vừa là lãnh tụ tôn giáo vừa là quốc vương chuyên chế, ngự trị tại ba

dò thị danh tiếng nhất là Le Caire (Lơ-ke) ở Ai-cập, Bagdad (Bát-đa) ở cận đông, và Cardoue (Các-đu) ở Y-pha-nho. Nước A-rập nơi phát hiện ra Hồi-giáo không còn là trung tâm sinh tồn của đế quốc nữa. Tất cả hoạt động căn-bản về kinh tế chuyển qua Ba-tư. Hồi giáo cũng không còn giữ được bản chất ban đầu. Cũng như bao nhiêu tôn giáo khác nó đã trở thành một lợi khí tinh thần phục vụ quyền lợi kinh tế của giai cấp thống trị.

Văn minh A-rập, tức văn-minh Hồi-giáo, không có gì đặc biệt mới mẻ. Nhờ đi sau, mà dân - tộc A-rập hưởng được gia tài của người đi trước. Họ tổng hợp các yếu tố căn bản của văn-minh Ba-tư, Ấn độ và Hy-lạp. Nhưng tinh thần người A-rập bấy lâu như lửa hồng vùi dưới tro, nay được ra trước gió, sáng bừng lên một cách chói lọi, không kém tinh thần Hy-lạp vào thời thịnh bao nhiêu. Cũng như người Hy-lạp, họ lo phát triển một cách rất có phương-pháp các khoa-học thực-nghiệm.

Họ học với người Cảnh-giáo (1) triết học của Aristote, (A-rit-tốt) y-học và thứ văn-chương có liên quan với toán học. Họ học cả với người Do-thái rải rác ở cái thị trấn lớn và hai tinh thần Do-thái và A-rập phản ứng nhau, tạo cho xã-hội một sinh lực văn-hóa tốt đẹp. Ngoài ra họ còn học với người Ấn-độ rất nhiều, nhất là toán học.

1. — Một phái của đạo Đa-tô, có tinh thần khoa học, coi chúa Jésus (Đê-đu) là người thường, (Nestorien)

A-rập sản xuất nhiều sử-gia và văn nhân có khuynh hướng giáo dục. Vào thế kỷ thứ 9 và thứ 10, người A-rập không những viết sách văn-phạm, mà còn viết tự-diễn và khai luận về ngôn ngữ học.

Nhiều trường đại học được thành lập ở các đô thị lớn, ảnh hưởng vượt ra ngoài biên giới đế-quốc hồi giáo. Sinh viên từ phương Tây và phương Đông kéo tới học rất đông. Tại đại học Cardoue có một số lớn sinh viên Da-lô từng học, và triết-học A-rập xâm nhập vào các đại-học-đường Ba-lê, Oxford (Ốc-pho), bắc bộ nước Ý, chi phối nền tư tưởng châu Âu.

Kỹ-nghệ chép sách (1) phát triển mạnh ở Alexandrie (A-léc-dàn-dri), Damas (Da-ma), Caire và Bagdad. Năm 970 tại Cardoue có 27 trường học mở cửa dạy con nhà nghèo không lấy học phí.

Về toán học, người A-rập tiếp tục công việc của các nhà toán học Hy-lạp. Con số không (zéro) đến thế kỷ 12 vẫn chưa có. Người thì nói con số ấy do người A-rập Ibn-Mousa phát minh. Người lại nói người Ấn độ.

Về kỹ-hà-học, người A-rập không thêm được gì mới. Nhưng họ phát minh đại số học; mở mang thêm viên-hình tam-giác-pháp (trigo - sphérique), đặt ra chính-huyền (Sinus), tiếp-xúc-tuyến (Tangente) và dư-thiết-tuyến (Cotangente). Về vật-lý-học họ phát minh quả lắc, viết sách về quang-học. Họ phát triển khoa thiên-văn, dựng thiên-văn-dài và chế tạo nhiều dụng

(1) Giấy và máy in hồi ấy chưa có, nên sách phải chép bằng tay.

cụ về thiên-văn-học đến ngày nay vẫn còn dùng. Họ tính được hoàng-đạo-giác (angle de l'écliptique) và phân-điểm biến-vị (précessions des équinoxes) khoa thiên-văn của họ thật là vĩ-dại.

Về y-học, họ tiến xa hơn người Hy-lạp. Họ nghiên cứu hình-thai-học và khoa vệ-sinh. Khi cụ y học của họ, ngày nay vẫn còn theo. Họ biết dùng thuốc mê trong việc mổ xẻ và mổ được những bệnh ngày nay vẫn chịu là khó.

Về hóa học, họ đi rất đúng đường. Họ tìm được nhiều chất mới, như rượu, potasse (bồ-tát), tiêu-toan-ngàn (nitrate d'argent) chất thăng-hoa găm mòn (sublimé corrosif), ninh-mông-toan (acide citrique), lưu-toan (acide sulfurique) (1)

Về kinh-tế, họ học cách trồng trọt và khoa tưới ruộng của người Ai-cập, người Mésopotamie bị họ xâm chiếm. Họ biết giá trị các thứ phân bón, biết làm cho cốc loại thích ứng với đất đai, gầy thêm giống cây có trái và hoa. Họ chế nước hoa, nấu xi-rô, làm đường mía, gầy rượu vang có tiếng. Họ truyền sang châu Âu những thảo mộc từ trước chưa có như lúa, mía, dâu, mơ, mãng-tây, đậu, gai, nghệ v.v...

Họ là những tay thủ công rất khéo. Sản phẩm họ chế tạo đã nhiều loại mà lại đẹp hơn tất cả những sản phẩm mà thế giới bấy giờ chế tạo được. Họ có thể luyện mọi thứ kim thuộc như vàng, bạc đồng, đồng đỏ, sắt, thiếc, Đồ thủy tinh và đồ gốm của họ ít ai bì kịp.

(1) Xem : Esquisse de l'Histoire universelle của H. G. WELLS

Họ biết những bí quyết của nghề nhuộm và làm được giấy. Họ đưa ra bán ở thị trường những đồ kim thuộc như lưỡi gươm, thiết giáp, chum đèn, mâm chạm, bản ; các thứ đồ gỗ cần xà-cừ, khảm bạc, nam ngà. Thành Damas sản xuất thảm lót nhà có tiếng nhất thế giới ; dệt và thêu các thứ vải gai, nhung, lụa. Thành phố Cardone và xứ Maroc sản xuất da thuộc, nhũ-kim. Thương-nhân A-rập vận tải các sản phẩm ấy vào nội địa châu Phi, tận Soudan và sang chxu Á, tận Trung-hoa.

Về chính-trị, người A-rập biết tổ-chức một quốc gia có tánh cách tiến-bộ. Cũng như bao nhiêu các quốc gia quân-chủ chuyên-chế khác, quốc-gia hồi giáo chứa đựng rất nhiều mâu thuẫn (mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc), bộc lộ dưới hình thức bạo loạn, nội-chiến, âm mưu, giết chóc... Nhưng đế-quốc A-rập nhờ tinh-thần vừa mềm dẻo vừa độc đoán của Hồi-giáo, nhờ chánh trị chuyên chế mà duy-trì được.

Về nghệ thuật, người Hồi giáo thiên về kiến trúc. Họ học người Ba tư cách xây cột mảnh khảnh, vòng cung nhọn, nhất là hình móng ngựa ; học theo người Byzantin cách xây vòm tròn. Họ thích lối trang hoàng rực rỡ, ưa dùng hồi văn, nước nhũ kim, chạm trổ, giếng phun nước v.v... Về văn chương thế-giới ngày

(1) Có người cho rằng động lực tiến hóa của người Hồi-giáo lúc ấy là giấy. Giấy từ Trung hoa truyền sang được người A-rập dùng trước hết rồi từ đó mới truyền lần sang châu Âu.

nay không thể quên được bộ tiểu-thuyết « Ngàn lẻ một đêm » làm nổi ớc tưởng tượng phi thường của người A-rập.

Toát-yếu

—O—

1.) Khi đạo Da-tô bành-trướng ở châu Âu thì đạo Hồi xuất hiện ở A-rập. Giáo chủ đạo này là Mahomet. Người A-rập vốn theo đạo đa thần. Mahomet đề xướng đạo độc thần. Lúc đầu ông bị bạc-dãi. Ông trốn khỏi La Mecque tới Médine. Sự đào-tẩu này người Hồi-giáo gọi là Hégire. Tại Médine ông hoàn-thành công việc tổ-chức tôn giáo và hơ hào thánh chiến. Giữa La Mecque và Médine xảy ra nhiều cuộc xung đột lưu-huyết. Kết-quả Mahomet thắng và năm 630 ông được về La Mecque.

2.) Trong vòng một thế kỷ, người Hồi-giáo đánh chiếm các xứ Syrie, Ai-cập, Ba-tur, Bắc-phi, Y-pha-nho, thành lập một đế-quốc rộng từ sông Hằng đến Đại-tây-dương. Các vị quốc vương đầu là những người cương trực, giản-dị, nhưng các quốc-vương kế nghiệp lại hoang-dâm xa-xỉ, trong đế-quốc thường xảy ra xung-đột, thành thử đế-quốc vừa dựng lên đã bị qua phân.

3.) Người Hồi giáo tổng hợp các yếu tố của văn minh Ba-tur, Ấn-độ, Hy-lạp, xây dựng một nền văn minh rực rỡ. Họ làm cho gia-lai của các dân tộc nói

trên lớn thêm, tìm được nhiều cái mới về y học, toán-học, thiên-văn-học và tất cả các ngành khoa-học thực-nghiệm khác. Họ mở mang nghề trồng trọt, truyền sang châu Âu nhiều sản phẩm tinh xảo nổi tiếng khắp thế-giới ; mở đại học đường, trường học, truyền bá học-thuật, ảnh hưởng sang đến đại-học đường châu Âu. Họ lưu lại đời sau những công trình nghệ thuật vĩ đại.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG V

Đế quốc Byzantin thời Trung cổ

Tình hình kinh tế, chánh trị, xã-hội, văn hóa.

Vào thế kỷ thứ 9-10, khi đại lục châu Âu bị ngột thở dưới gót các giống rợ thì Byzance (Bi-dân-xơ) đủ sức gạt ra ngoài ảnh hưởng của Hồi-giáo, giữ vững địa vị một quốc-gia dân-chủ chuyên chế theo đạo Đa-tô. Kinh tế, xã-hội, pháp-lý, tài chánh trong nước đều được triều đình sắp đặt ổn đáng cả. Chánh trị địa phương thì giao cho các quân nhân và quan lại được chọn lựa kỹ càng. Triều đình và chánh phủ mỗi bên có quyền riêng biệt. Và để tránh cái họa quyền thần truyền từ lưu tôn, các chức vụ cao trọng cũng do thái giám (1) đảm nhiệm.

Nhà nước có một ngàn khổ dôi dào thành lập với tiền thuế ruộng đất, thuế nhân khẩu, thuế gián thu, thuế thông hành, thương-chánh, thuế 10 phần trăm trong số xuất, nhập cảng.

(1) Những người bị cắt bỏ bộ sinh dục từ khi còn nhỏ. Triều đình Trung-hoa cũng dùng thứ quan lại này gọi là hoạn quan.

Nhà nước kiểm soát mọi ngành hoạt động ; tôn-giáo, học vấn, kinh-tế. Tôn-giáo là nòng cốt của tinh thần dân tộc. Ai nghịch lại với tôn-giáo sẽ bị coi là theo tà giáo và bị trừng phạt nặng. Học vấn được coi là nền tảng công việc cai trị và văn hóa. Quan lại tuyển chọn theo trình độ học thức.

Nhưng nhà nước chú trọng vấn đề kinh tế hơn hết. Ngoại thương rất phát đạt nên trong đế quốc có những thương cảng rất lớn.

Chánh sách kinh tế chỉ huy được áp dụng. Nhà nước giữ độc quyền những kỹ-nghệ cần bản như kỹ-nghệ dệt lụa, kỹ-nghệ chế tạo khí giới. Những ngành hoạt động do tư nhân chủ trương thì có nhà nước hạn định. Mỗi kỹ nghệ phải hợp thành nghiệp đoàn (corporation), nhân viên tự cử lấy chủ tịch nhưng do nhà nước kiểm soát. Nghiệp đoàn tự mua lấy nguyên liệu rồi phân phát cho người chế tạo. Hàng hóa đem bán với giá nhà nước đã định sao cho lợi cả hai bên : kẻ tiêu thụ và người sản-xuất. Phẩm chất của hàng hóa cũng do nhân viên nhà nước kiểm soát và đóng dấu bảo đảm. Nhờ sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước và nghiệp-đoàn mà nạn trung gian tránh được. Trong địa hạt thương mại mọi người được tự do, nhưng số chứng-khoán và lợi suất bị hạn định.

Về mặt xã-hội nhà nước lo cho mọi người đều có công ăn việc làm. Những kẻ thất nghiệp được nhà nước thu dụng trong các sở công-tác hay được các cơ quan từ thiện tìm cho việc làm. Về tiền tệ nhà nước chỉ dùng độc thứ huỳnh kim và từ thế kỷ thứ 4 đến

thứ 10 giá tiền tệ được giữ vững.

Sống giữa những giống dân dã-man, đế quốc vì lẽ an-ninh phải canh phòng chặt chẽ những thương nhân ngoại quốc. Các thương nhân này được phép lưu trú tại đô thành Byzance ba tháng. Quá thời hạn ấy họ phải bán hết hàng hóa và ra khỏi nước. Những người có đặc quyền lưu trú lâu dài phải có hiệp ước ký kết đảm bảo.

Ngoài vòng đô thị, các nhà phú hộ có quyền mua đất, nhưng nhà nước cố sức ngăn ngừa bọn qui lộ địa chủ lấn đất của nông dân tự-do. Thế kỷ thứ 9, nền kinh tế phục hưng làm cho số đại địa chủ giảm bớt, một số nông nô được giải phóng, và nhiều vùng tiểu nông nghiệp nhờ chánh phủ bảo vệ thoát khỏi sự chi phối của lực lượng phong kiến lúc ấy đã bắt đầu phát triển.

— Trừ vài cuộc bạo loạn khốc liệt ít nhiều, người Byzantin, nhờ đời sống tương đối dễ dãi, mà có một tinh-thần ôn hòa bình tĩnh. Phong trào quần chúng gần như không xảy ra ở kinh thành, cho nên phương pháp trừng phạt cũng không nghiêm khắc. Chỉ có kẻ phạm tội mưu phản thì bị lên án chặt tay chặt chân mà thôi.

Người Byzantin không thích chiến tranh, nhưng họ tổ chức sự tự vệ rất chu đáo. Ở những phiên trấn, nhà nước bắt nông dân đảm đương quân dịch để phòng khi hữu sự thì việc trưng mộ dễ dàng. Kể cả những đội lính chuyên nghiệp, số quân trong nước được chừng 12 vạn, có đủ các số quân nhu, y-tế và công binh.

Nhưng thủy binh quan trọng hơn bộ binh. Nhờ có đội chiến thuyền mạnh, đế quốc Byzantin mới làm bá chủ được mặt biển và giữ cho sự cường thịnh vững bền.

Kinh thành Byzance, với dân số một triệu người là một đô thị đẹp nhất thế giới. Nghệ thuật kiến trúc một phần chịu ảnh hưởng của La-mã, một phần của các nước Cận-Đông, tổng hợp được mọi vẻ mỹ-lệ, huy hoàng. Trong lúc ở phần nhiều đô thị lớn Tây-Âu, nhà cửa lụp xụp, tối tăm, đường sá chật hẹp bẩn thỉu thì tại Byzance đã có một hệ thống đường cống và những công viên rộng rãi sắp đặt đúng thể thức một đô thị văn minh ngày nay.

Đến thế kỷ 11, đế-quốc Byzantin bắt đầu suy vong. Nguyên nhân đầu tiên là người Thổ-nhĩ-kỳ xâm lấn, nam-bộ nước Nga làm cho sự giao thương với các đô thị Nga gián đoạn. Kết quả là tài chánh trong nước thiếu hụt, bắt buộc vua Basil II (Ba-din đệ nhị) phải giảm bớt các phí khoản quốc gia. Kế đến trận giặc chống người Bảo-gia-lợi (1018) gây nhiều tổn thất quá. Triều đình không đủ sức bảo tồn đội chiến thuyền để cho quyền bá chủ mặt biển Adriatique lọt vào tay người Venise (Ý). Thương-mãi bị khủng hoảng nặng. Giai cấp quý tộc địa chủ chiếm dần ưu thế, bỏ hẳn mặt biển, quay về phía đại lục tức là nguồn lợi căn bản của họ. Văn-hóa cũng theo với kinh tế mà trượt xuống. Học-vấn bị coi như là một xa xỉ phẩm tốn kém và nguy hiểm cho quốc-gia. Trường đại học Constantinople đóng cửa.

Từ đó ánh sáng sáng văn-minh Byzantin mờ dần trước bóng tối của chế độ phong kiến tràn dần tới.

Toát-yếu

—O—

Thế kỷ thứ 9, 10, trong lúc các nước Tây Âu đã hoàn toàn suy đọa thì ở phía Đông đế-quốc Byzantin còn cầm vững ngọn đuốc văn-minh. Chánh-phủ áp-dụng chánh sách kinh tế chỉ huy giữ cho dân-chúng một mức sống dễ dàng. Chánh thể chuyên chế, nhưng vua quan đều làm đúng phận sự, cho nên tình hình trong đế-quốc tương đối an ninh. Bạo loạn ít xảy ra, hình phạt không hà khắc lắm. Dân-chúng sống trong cảnh tương đối thái bình giữa một thế giới đương biến chuyển. Đến thế kỷ 11 người Thổ-nhĩ-kỳ xâm lấn Nam bộ nước Nga, làm cho nền ngoại thương, nguồn binh lực của đế-quốc Byzantin, bị tổn hại, do đó đế-quốc này phải suy bại dần.

CHƯƠNG VI

Tình hình xứ Gaule, ở Tây Âu

- 1.— Giòng Carolingien thay giòng Mérovingien cai trị Gaule.
- 2.— Vua Charlemagne và công việc chinh phục toàn cõi Tây-Âu
- 3.— Tình hình chánh-trị, xã-hội, văn hóa Tây Âu trong thời kỳ Charlemagne
- 4.— Vương quốc Charlemagne suy vong và chế độ phong kiến thành lập.

Khí các Rợ xâm lăng Tây đế-quốc La-mã, thì Clovis cầm đầu giống người Franc vào chiếm-cứ xứ Gaule và dựng nên triều đại Mérovingien. Giòng Mérovingien truyền ngôi cho nhau đến thế kỷ thứ 7 thì suy nhược. Sau khi vua Dagobert (Đa-gô-be) chết (639) chánh quyền lọt vào tay bọn cung-quan (maires du Palais) tức là quan cai quản cung điện).

Đầu thế kỷ thứ 8, một trong những cung-quan này là Pépin d'Héristal (Bê-panh Hê-rit-xờ-tan) về mặt thực tế đã làm chủ vương quốc Franc. Con trai Pépin d'Héristal là Charle Martel (Sát-lờ-Mác-tên) nhờ ngăn được quân A-rập đến tấn công thành Poitiers (Boa-chê) (732) mà được giáo hội Da-tô tín nhiệm coi như là người phụng sự đặc lực của giáo hội. Các giáo-hoàng

liền giúp cho giòng Carolingien thay thế giòng Mèrovingien, cũng như trước kia họ từng giúp Clovis thắng những kẻ địch của đạo Da-tò vậy.

Năm 751, Pépin le Bref con Charles Martel bắt Childeric (Sin-dè-rich) ông vua cuối cùng của giòng Mèrovingien, giam vào tu-viện rồi xưng làm vua. Từ đó giòng Carolingien được giáo hội Da-tò ủng hộ thành lập một nền quân chủ có uy quyền tuyệt đối tồn tại cho tới ngày cách mạng Pháp nổi lên.

Pépin le Bref đem đất đai chia cho hai con là Charles (Sát) và Carloman (Các-lô-man); Carloman chết (771), Charles tập trung quyền binh trong nước vào tay mình và lên làm vua tức là Charlemagne (Sát-lô-man).

2

Charlemagne là một vị quốc vương danh tiếng nhất thời Trung-cổ.

Hào chiến và xâm lược, trước hết ông lo mở rộng lãnh-thổ. Trong khoảng thời gian 45 năm trị vì, ông đánh dẹp không dưới 55 lần. Các cuộc chiến tranh ông gây ra phần nhiều có tánh cách tôn-giáo và chinh-trị. Quan trọng nhất là những trận xảy ra trên đất Ý, Y-pha-Nho, Germanie, tại đó Charlemagne đánh thắng được người Lombard, Sarrazin và Saxon.

Charlemagne tỏ ra một ông vua tàn bạo. Để trả thù cho những giáo-sĩ bị người Saxon (Xắc-xông) giết, Charlemagne cho xử tử trong một ngày tại Verdun (Véc-

dun) đến 4500 tù nhân. Nhiều bộ lạc bị ông cho dày-ải. Trong công việc chinh phục này giáo hội Đa-tô đóng một vai trò quan-trọng. Nó rời bỏ nhiệm vụ ban đầu là binh vực kẻ bị áp bức để phụng sự giải cấp quý tộc phong kiến. Chính giáo-hoàng đã trở thành một lãnh chúa trong tay có thái địa, và cả một lực lượng tôn-giáo. (1)

Khi chiếm cứ xứ Germanie, Charlemagne gặp giống rợ khác : người Slave (Xít-la) đóng bên kia sông Elbe (Èn-bơ), người Danois (Đa-noa) hay Normand (Noóc-măng) ở bán-đảo Julard (Juy-la), người Avars (A-va) từ châu Á sang đóng tại xứ Hung-gia-lợi. Để ngăn người Slaves, Charlemagne tổ-chức tại Germanie nhiều vùng quân-sự sau này là những yếu tố lập thành xứ Phổ-lỗ-sĩ. Một vùng quân sự khác được tổ-chức ở Danube để ngăn người Avars và sau này lập thành nước Áo.

Năm 800, chiếm cứ được toàn thể Tây-Âu rồi, Charlemagne xưng là hoàng-đế La-mã và được coi như là lãnh-tụ tin đồ Gia-tô, uy thế rất lừng lẫy.

3

Charlemagne vốn là người ít học, nhưng siêng-năng, can-dảm và có tài tổ-chức. Ông đặt Chánh-phủ tại đền vua. Chung quanh vua có đình-thần họp thành một triều-đình. Đình-thần gồm có những vị sau này :

(1) Xem lại chương III : Sự bành-trướng của đạo Đa-tô.

Một vị coi về toàn-thể việc cai trị gọi là quan Chắp chánh (1) (Comte du Palais), một vị coi về việc tín-ngưỡng, tôn-giáo gọi là quan tư-tể. Dưới hai vị này có quan đại-pháp coi về văn-thư, quan Thị-tùng cai-quản phòng ngân-khố (2). Ngoài những chức-vụ quan trọng ấy còn có quan coi việc ăn uống của vua gọi là quan ngự-thiện, quan giữ rượu của vua gọi là quan tửu-giám, quan coi ngựa và linh hầu gọi là quan đốc-quân. Bao nhiêu chức-vụ nói trên đều giao-phó trong tay những nhân-vật quan trọng nhất của triều-đình.

Tổ tiên vốn là Rô, Charlemagne tàn bạo trong khi chinh-chiến, cương quyết trong việc cai-trị. Nhưng ông lại không tỏ ra chuyên chế. Trong mọi vấn-đề công-lý, quân-sự, giáo-dục, tôn-giáo, mỗi năm nhà vua đều cho mở đại-hội trưng cầu ý kiến của dân chúng. Về việc cai-trị địa-phương, Charlemagne chia nước thành khu-vực gọi là « comté » (công-tê) giao cho một quan lại do vua bổ-nhậm và bãi-truất, gọi là comte (công-tơ) (1). Viên quan lại này kiêm cả quyền hành-chánh và quân sự, pháp lý và tài chánh. Việc tôn-giáo, tín ngưỡng thì giao cho một giáo-sĩ cũng là một quan lại của nhà nước.

Để kiểm-soát việc làm của các « comte » và giáo-

(2) Ngân-khố thuộc quyền vua.

(1) « Comté » ở Âu-châu vào thời trung-cổ có lẽ cũng tương-tợ như « lộ », « đạo » ở ta ngày xưa. Ngày nay là quận, tỉnh. Chức comte đây không phải là bá-tước dưới đời phong-kiến mà là chức quan lại như ngày xưa là Hành-khiển, nay là tổng-đốc.

sĩ, Charlemagne đặt chức khâm-sai (missi domini)-. Chức này cũng được tuyển trong hàng nhân-vật cao cấp của triều-đình, mỗi lần hai người, một trong giáo hội và một ngoài thế-tục. Khi đi công-cán, quan khâm sai lãnh huân lệnh của vua ; khi về, họ phải làm tờ biểu-tấu.

Vì hiếu học một phần, vì tin-ngưỡng một phần, Charlemagne lo chấn chỉnh việc học văn trong dân, gian đề các giáo-sĩ tiện truyền bá tôn-giáo. Nhờ đó mà văn-học nghệ-thuật dưới thời Charlemagne có mới hưng khởi lại.

Mỗi tu viện nhà vua bắt phải mở một lớp học, và các giáo sĩ, tăng lữ phải dạy cho dân tụng kinh, hát, tính toán, luyện văn pháp, tập viết chữ tốt. Nhiều tu viện hồi ấy đã sản xuất được sách viết tay rất dễ đọc. Nhà vua lại cho mở cạnh mỗi giáo đường một trường học cho dân chúng vào học không lấy tiền.

Về nghệ thuật thì không có gì đáng kể trừ một số đền đài cung điện, phần nhiều phỏng theo lối kiến trúc Byzantin. (1).

4

Nhưng không bao lâu đế-quốc Charlemagne bị qua phân.

Louis le Débonnaire (Lu-i le Đê-bô-ne) người kế vị Charlemagne phải cắt đất nhường lại cho ba con là Lothaire (Lô-te) Louis (Lu-i) và Charles le Chauve (Sạt-lơ-sô) để lập thành từng vương quốc riêng.

Năm 839, sau khi Louis le Débonnaire chết, ba

(1) Xem lại chương : Đế quốc Byzantin.

quốc vương ấy xung đột nhau. Rồi đến 843, do hiệp ước Verdun họ chia đế quốc ra làm ba: Lothaire xưng đế trên một lãnh thổ gồm có nước Ý và các vùng Rhône (Rôn) và Meuse (Mơ); Charles xưng vương ở Tây bộ xứ Francie (Phrăng-xi) lưu vực Escaut (Ét-cô) sông Seine (Xên), sông Loire (Loa), sông Garonne (Garon) ; Louis chiếm giữ vùng đông sông Rhin (Ranh) và xứ Germanie.

Suốt hai thế kỷ thứ 9 và thứ 10 biên giới của đế quốc lại bị các rợ đánh phá. Phía Đông người Slave (Sít-la) người Tchèque (Séc) và người Hung đánh phá xứ Germanie. Phía Nam, người Sarrazin (Xa-ra-danh) người Hồi giáo châu Phi đánh phía miền duyên hải Ý và vùng Provence (Prô-văng). Phía Tây, người Normand do đường biển kéo tới xâm lấn.

Các vua giòng Carolingien vì chỉ lo tranh giành đế vị mà trở thành suy nhược. Họ không đủ sức bảo vệ dân chúng nữa. Trong nước lại bày ra một tình trạng hỗn loạn mà nạn nhân bao giờ cũng là kẻ yếu. Các đại địa chủ, tức là các lãnh chúa, bắt đầu tổ chức quân lực riêng trong lãnh thổ mình để tự vệ. Thành tri phong kiến từ đó mọc lên như nấm. Dân chúng đua nhau đến xin lãnh chúa che chở. Ai muốn được che chở phải ký tờ cam kết chịu lệ thuộc kẻ che chở mình.

Đối với lãnh thổ nằm trong tay lãnh chúa nhà vua mất hết uy quyền. Lãnh chúa thâu địa tô không phải cho vua mà cho mình; chỉ huy chiến tranh không phải vì vua mà vì mình. Đất đai nước Pháp bị chia xẻ thành vô số thái địa.

Vào thế kỷ thứ 9 và thứ 10, một tổ chức xã-hội mới thành lập, trong đó người này tùy thuộc người kia : dân thôn quê và thành thị trong mỗi thái địa tùy thuộc một lãnh chúa ; lãnh chúa này làm chư hầu một lãnh chúa khác mạnh hơn ; lãnh chúa sau này lại làm chư hầu cho một lãnh chúa khác nữa hoặc cho nhà vua. Quyền lợi và trách nhiệm của mỗi hạng người đã được định sẵn trong một tờ hợp đồng do hai bên đều ký.

Tổ chức xã-hội mới này gọi là chế độ phong kiến.

Trong chế độ phong kiến lãnh chúa cắt một miếng đất gọi là thái địa (fief) nhường lại cho người tùy thuộc mình. Miếng đất ấy làm cơ sở cho các mối liên quan phong kiến. Người nhận đất đổi lại, phải nhận làm chư hầu của lãnh chúa tức người ban đất ; phải qui gối, ôm tay lãnh chúa thề phụng sự một cách trung thành. Khi người tùy thuộc thi hành lời hứa ấy thì họ có quyền hưởng trọn vẹn miếng đất đất lãnh chúa đã giao cho họ. Họ có thể cắt bớt trong miếng đất ấy một phần để làm một phong địa phong cho một chư hầu khác tùy thuộc họ và cam kết trung thành với họ. Thời Trung cổ chế-độ phong kiến lan tràn cả châu Âu, tuy mỗi nơi phát hiện một cách khác và dưới hình thức khác.

Tại Gaule trong lúc giòng Carolingien suy nhược thì một giòng khác nổi lên. Nhờ có công chống lại người Normands đến xâm lấn mà giòng này được nhiều uy tín, thế lực trong dân gian. Người đầu tiên là Robert le Fort (Ro-be lơ Phơ) một lãnh chúa mạnh đóng ở vùng đất giữa sông Seine và sông Loire. Con

Robert le Fort là Eudes (Ô-dờ), lãnh chúa ở Balé, vì có công phòng thủ thành này chống lại người Normand đến vây đánh (885), nên được tôn lên làm vua năm 888.

Đến lúc này vua xứ Gaule không còn chút uy lực nào nữa. Quyền phế lập nằm trong tay dân bà, bọn quyền thần và giáo sĩ. Họ muốn cho ai làm vua thì cho, bỏ ai thì bỏ. Khi thì họ tôn lên ngôi một ông thuộc giòng Carolingien, khi thì họ tôn một ông thuộc giòng Robertien tức con cháu Robert, nếu người được họ tôn lên đó biết hành động hợp ý muốn và quyền lợi họ. Ngôi vua không còn thể lập nữa mà lại do bầu cử.

Năm 987, các hoàng tử Carolingien vì không trả nổi tiền công bầu cử nên bọn đại thần tôn một người thuộc giòng Robertien là Hugues Capet (Huy-gơ Ca-pê) một lãnh chúa Pháp, lên ngôi. Từ đó giòng Carolingien bị dứt hẳn. Hugues Capet mở đầu triều đại Capétien (Ca-pê-chiên) và giòng Capétien này trị vì nước Pháp từ 987 đến 1792 mới dứt.

Đế-quốc Charlemagne, như vậy, đã hoàn toàn phân liệt. Ở Ý các lãnh chúa xứ Frioul (Phri-un) và Spolète (Sít-pô-lét) đánh nhau để tranh ngôi. Xứ Bourgogne (Buốc-gôn) và Provence (Prô-văng) tách ra để thành vương-quốc độc-lập.

Trong lúc ở Pháp chế-độ phong-kiến hành trưởng như vậy thì ở nước Đức nền quân chủ còn đứng vững được. Các vua nước Đức còn điều kiện làm chủ ở lục địa một cách tương đối trong trong vòng vài thế kỷ

nữa, nhưng họ không đủ sức bảo tồn nền văn minh
thượng cổ lưu lại.

Toát yếu

—O—

1.— Giòng Mérovingien suy yếu, Pépin le Bref trong họ Pépin làm cung quan xứ Austrasie chiếm ngôi vua và thành lập triều Carolingien (751).

2.— Charlemangue, con Pépin le Bref, là một tay xâm lược. Ông chi phối gần trọn tây bộ châu Âu và được giáo-hoàng làm lễ tấn phong hoàng-đế.

3.— Charlemagne là một nhà cai trị giỏi. Ông thường họp hội nghị để trưng cầu ý kiến của dân, công bố các pháp-lệnh, phái khâm sai kiểm soát các quan lại và giáo sĩ ở địa phương. Ông chú ý đến sự học hành chăm lo giáo hóa dân chúng. Ngôn ngữ và văn tự được tu chỉnh. Mầm văn-minh dưới đời Charlemagne như muốn phục hưng.

3.— Không bao lâu hiệp ước Verdun (843) chia đế quốc Charlemagne làm ba vương quốc : Lotharingie, Germanie, Francie, những vương quốc này lại bị các giống rợ, nhất là người Normand tàn phá. Các lãnh chúa phải xây dựng thành trì để tự vệ. Người không đủ sức tự vệ phải nhờ lãnh-chúa che chở, vì vậy mà chế độ phong kiến thành hình.

4.— Vương quyền đến lúc này suy nhược tới nỗi quyền phế lập do bọn qui tộc nắm giữ. Họ truất giòng Carolingien, lúc ấy đã kiệt quệ, và bầu Hugues Capet lên làm vua (987).

CHƯƠNG VII

Chế độ xã-hội trong thời Trung-Cổ : chế độ phong kiến.

1. — Chế độ phong kiến xuất hiện.
2. — Chế độ phong kiến ở Pháp.
3. — Giai cấp quý tộc : chủ tề, chư hầu, võ-sĩ, quan lại.
4. — Giai-cấp nông dân : nông-nô, nông dân tự do.
5. — Đời sống nông-nô.
6. — Giai-cấp thị dân : phú hào, công nhân.

1

Chế độ phong kiến là một chế độ xã-hội tất nhiên phải xuất hiện trong một thời kỳ lịch sử nào đó để giải quyết những vấn đề xã hội trong những điều kiện lịch sử nhất định. Thời đại lịch sử ấy, ở Tây Âu các đế quốc tan rã, văn minh thượng cổ suy vi, trật tự xã-hội đổ nhào. Con người chỉ biết đánh nhau, giết nhau. Chính trong cảnh hỗn loạn ấy một trật tự xã-hội mới được thành lập. Thoạt tiên những kẻ yếu, vì bản năng sinh tồn, cảm thấy sự cần thiết phải tự vệ. Họ tìm tới một người cầm đầu. Người ấy có thể là một tù trưởng dã-man, một giáo-sĩ, một quan lại, một tay địa chủ hay một tên gian hùng. Bất cứ người nào có

đủ sức mạnh, can đảm cũng được họ tôn lên để dẹp loạn, để lập lại an ninh trật tự. Người yếu tôn người mạnh, người mạnh ấy lại qui phục người mạnh hơn nữa. Cứ như thế sự đoàn kết tự nhiên giữa người mạnh và người yếu, người bảo hộ và người lệ thuộc biến thành cái hệ thống phong kiến.

Buổi đầu, người yếu muốn được người mạnh che chở phải đóng nộp một phần tài sản hoặc một phần thuế lợi để nuôi võ-sĩ sẵn khi giới, phải nộp một phần công xìy đắp thành trì. Thành trì này khởi đầu là chỗ mọi người tới ẩn núp hoặc cất của cải khi có giặc. Như vậy vì tự vệ mà buổi đầu mọi người bằng lòng tôn người cầm đầu, đóng góp để cho người ấy tổ chức binh đội và xây đắp thành trì. Dần dần số người lệ thuộc càng đông, uy quyền người cầm đầu càng lớn. Rồi trải qua một thời gian, người này đánh dẹp được người kia, đất đai tập trung vào một số ít người thật mạnh khi ấy đã thành ra hoàng đế, quốc vương, lãnh chúa người này tùy thuộc người kia và dưới cùng hết là đại đa số nông dân.

Đó là uyên nguyên chế độ phong kiến. Nhưng cái quá trình của mỗi nơi một khác, cho đến cái thể dạng của nó cũng vậy. Thể dạng thích hợp nhất là quân chủ, nhưng có nơi như ở Pháp, sau khi đế quốc Charlemagne tan-rã một thời kỳ rất lâu, vua gần như không có, thế mà chế độ phong kiến cũng rất ihanh hành. Còn như ở Anh khi chế độ phong kiến mới thành lập, Anh đã là một quốc gia quân chủ kiên cố dưới triều Guillaume le Conquérant. (Guy-dôm lơ Công-kê-răng).

Nhưng cái thế đang chánh trị không quan trọng lắm. Phần quan trọng ở nơi các mối liên quan kinh tế trong chế độ phong kiến.

2

Ở Pháp chế-độ phong-kiến phát-đạt mạnh nhất vào thế kỷ 11 và 12. Xã-hội chia nhiều giai-cấp : Quý tộc, nông-dân và phú hào.

Giai-cấp quý tộc lại chia ra chủ-tể và chư-hầu. Chủ-tể là một lãnh-chúa mạnh hơn hết có nhiều đất đai hơn hết và đã cắt một mảnh đất đai ấy làm thái-địa (hay phong-địa) cho một lãnh-chúa khác yếu hơn để đổi lấy công việc. Người nhận đất của chủ-tể là chư hầu. Nhưng trên vị chủ-tể này có thể có một chủ-tể khác mạnh hơn nữa, cho nên một lãnh-chúa có thể vừa là chủ-tể vừa là chư-hầu.

Một chư-hầu muốn làm chủ chánh thức một thái-địa phải chịu thần thuộc một lãnh chúa. Ngược lại lãnh-chúa phải tấn-phong chư-hầu, giao cho chư-hầu một vật gì có thể tiêu-biểu cho thái-địa (1). Từ đó lãnh chúa phải binh vực, che chở chư-hầu, Khi nào chư-hầu phản nghịch thì lãnh-chúa mới có quyền thu hồi đất (thái-địa) lại. Đối lại, chư-hầu phải phục dịch vị chủ-tể của mình, phải cùng chủ-tể của mình đi đánh giặc, phải nộp thuế, phải triều cống.

Làm chủ một thái-địa, lãnh chúa (chủ-tể, hoặc

(1) Vật ấy là tờ khế-ước chẳng hạn.

chư hầu) có uy-quyền của một ông vua trong thái-dịa ấy : thâu địa-tô, xử-đoán, đánh giặc, đúc tiền. Lãnh-chúa có thể lập triều-đình riêng, xây dựng lâu đài, thành quách riêng.

3

Lãnh-chúa trước hết là một tướng giặc. Muốn có đủ tư-cách làm lãnh chúa, người quý tộc khi còn thiếu niên phải cỡi ngựa, bắn cung, cầm gươm, giáo và phải học săn bắn. Lớn lên, phải theo hầu vua, tập cách phò tá. Sự giáo-dục đến đó mới được hoàn-thành và người quý tộc mới được vua phong làm hiệp-sĩ.

Ba việc làm cốt yếu của nhà quý-tộc là đánh giặc, săn bắn và cỡi ngựa đấu gươm. Một lãnh-chúa muốn khai-chiến với lãnh-chúa lân cận mình lúc nào cũng được. Mục đích chiến-tranh là bắt người, cướp của. Chiến-tranh giữa lãnh chúa thường xảy ra luôn : nó là một tai-họa bất tuyệt cho dân gian sống dưới chế-độ phong kiến.

Những lúc thái-bình thì các lãnh-chúa dùng các cuộc kỵ đấu (cỡi ngựa đấu gươm) để so tài với nhau. Đó là một cách tập nghề chinh-chiến : các lãnh-chúa lấy chiến tranh làm một nghề. Ngoài ra họ săn bắn : săn bắn là một phương-tiện cung cấp vật thực.

Các lãnh chúa thường mở yến tiệc để tiêu khiển. Họ lấy sự đãi-dâng nhau làm một vinh dự và quan khách thường đông vô kể. Nhiều lãnh chúa mang nghèo vì yến tiệc. Để giữ mực sống xa-xí ấy, họ đi vay nợ,

bóc lột nông dân, tổ chức những cuộc cướp giựt kẻ di đường.

Cảnh khổ họ gây ra cho dân chúng thật không kể xiết. Luồng phân-khí mỗi ngày xông lên một mạnh. Cái chế độ xã-hội ấy đứng vững được một phần lớn nhờ có giáo đường. Vai trò của tôn-giáo trong xã-hội giai-cấp này là điều hòa những mâu thuẫn xã-hội quá gắt gao. Giáo đường đứng ra làm cho tập tục phong kiến bớt tàn bạo, dã man : đặt ra lệ « Thiên chúa hưu chiến ». (Trêve de Dieu), định lại qui-chế chiến-tranh và hạn chế bớt sự bành trướng của nó. Giáo đường bảo rằng người hiệp-sĩ xứng danh hiệp sĩ, trước khi xuất chinh, phải thể làm tròn các nhiệm vụ này : phải ăn ở trong sạch, ngay thẳng, phải bảo vệ người tu hành, dân bà, trẻ con, người già yếu, cô-quả. Bao nhiêu nhiệm vụ ấy làm thành vinh dự cho người anh hùng phong kiến.

4

Hạng người đông hơn hết và bị dày dọạ khổ cực hơn hết dưới chế độ phong kiến là nông dân. Họ bị liệt vào hạng người hạ-tiện chỉ có bốn phận cày bừa, trồng trọt để cung cấp vật thực cho xã-hội. Và tuy sống nhờ họ, giai cấp quý tộc đối với họ chỉ biết khinh khi bạc đãi mà thôi.

Nông dân cũng chia ra từng hạng : nông nô và tự do. Trong chế độ phong kiến nông nô phải tùy địa chủ và không được rời bỏ miếng đất họ cày. Về mặt kinh tế mỗi tương quan giữa họ và địa chủ không có gì gắt gao chặt chẽ lắm. Miếng đất nằm trong tay,

họ đem công sức ra làm, rồi ăn một phần, còn một phần đem nạp địa chủ. Làm ít làm nhiều, làm hay làm dở tùy ở sức mình, chỉ lo nạp đủ địa tô thì thôi. Nhưng về mặt pháp luật thì mối tương quan giữa họ và địa chủ thật là gắt gao. Pháp luật là một phương tiện rất mạnh để đàn áp, bóc lột nông dân. Dưới chế độ tư bản một người thợ rời xưởng máy thì thất nghiệp, thì đói khổ, nhưng nếu họ không bằng lòng làm xưởng này và tìm được một chỗ làm trong xưởng khác thì có thể đổi chỗ được. Trái lại dưới chế độ phong kiến nông nô bỏ đất thì lãnh-chúa (địa chủ) có quyền truy nã và dùng võ lực giam giữ họ lại. Nông nô thuộc quyền sở hữu của địa chủ : họ có thể bị bán đợ hoặc làm quà tặng biếu theo với miếng đất họ trồng trọt. Nếu miếng đất ấy thuộc quyền nhiều địa chủ thì các chủ nhân miếng đất ấy có thể đem con cái nông-nô chia cho nhau. Tóm lại nông nô đối với địa chủ chỉ là một món đồ dùng, người chủ muốn dùng cách nào cũng được.

Nông dân tự do khác với nông-nô là không thuộc quyền lãnh chúa, có thể tự do kết hôn, dời chỗ ở và lưu tài sản lại cho con.

Nhưng cả nông nô lẫn nông dân tự do đều phải làm tròn những nhiệm vụ sau này đối với địa chủ :

1) Nộp cho địa chủ một số địa-tô và một phần mùa-màng, gia-súc của mình để đền bù miếng đất lãnh chúa giao cho mình hưởng ;

2) Nộp một số thuế thân ;

3) Chịu một số ngày công sưu tức là những ngày, làm thí công cho lãnh chúa hoặc để cày đất, chở rơm

hoặc vét hào chung quanh thành trì ;

4) Phải đem nho, lúa và bột đến ép xay và nướng tại bàn ép, cối xay và lò của lãnh chúa để rồi phải trả một món thuế.

Riêng đối với nông nô, địa chủ muốn bắt làm lao dịch hay nạp sưu thuế đến mức nào cũng được.

5) Từ buổi đầu chế độ phong kiến, nông-nô đã dính khắn với miếng đất rồi. Và ở miếng đất ấy họ gặp toàn khổ nhục. Tất cả sự hoạt động bền bỉ khó nhọc rồi cuộc chỉ nuôi được cái mạng sống của họ và cái mạng sống ấy không hơn mạng sống con vật bao nhiêu.

Họ ở trong những túp lều tranh thiếu khí trời, thiếu ánh sáng. Đồ đạc gồm có một cái thùng lớn vừa để đựng quần áo, vừa dùng làm chỗ nhồi bột làm bánh, giường nằm là một tấm ván lót trên đà và một bị rơm làm nệm cho cả nhà ; ghế ngồi là một bó rạ, đồ bếp núc toàn bằng gỗ ; thức ăn là những rau cỏ tự mình trồng lấy. Phương pháp trồng tỉa rất thô lậu ; mức sản xuất rất thấp. Gặp năm mất mùa hoặc chiến tranh thì phải chịu thiếu ăn. Nạn đói kém xảy ra không ngớt. Người ta phải giết chóc, cướp giựt lẫn nhau để sống. Bọn cướp đường hoành hành khắp nơi. Bọn lãnh chúa, bọn quý tộc giỏi ăn chơi và bóc lột mà không biết binh vực những kẻ phục dịch mình. Cùng quá, nông dân nổi lên làm loạn. Mỗi lần làm loạn họ bị đàn áp thẳng tay, (1)

(1) Thời trung cổ ở Châu Âu ngoài những cuộc bạo loạn nhỏ thường xảy ra có những cuộc lớn có tiếng trong lịch sử như phong trào Jacquerie ở Pháp, chiến tranh nông dân ở Đức phong trào Pougatchew ở Nga...

Nhưng lần lần về sau giai cấp quý tộc thấy rằng trong điều kiện sinh hoạt như thế, nông dân không thể làm việc đắc lực được. Quyền lợi của họ cũng vì đó mà giảm đi một phần rất lớn vì địa vị, sinh mạng của họ cũng không vững nữa. Họ tìm cách cải thiện đời sống cho nông-dân. Họ đề nông-dân được yên ổn làm ăn, cho phép nông-nô được dùng tiền chuộc lại tự do và trả một món thuế thân nhất định. Đối với nông dân tự do họ cũng giảm địa tô, bớt chiến dịch.

6) Dưới chế độ phong kiến thành thị cũng phải lệ thuộc lãnh chúa. Giai cấp thị dân (dân ở thành thị) cũng như nông-dân phải nộp địa tô, thuế thân, làm sưu dịch, chịu quyền xử phạt của lãnh chúa.

Nhưng trong lúc nông dân rời rạc trong đời sinh hoạt cá nhân, riêng lẻ ở thôn quê thì bọn phú-hào biết tổ hợp thành các đoàn thể tôn giáo, bọn thủ công biết liên kết trong đoàn thể công nghệ, bọn thương nhân biết qui tụ trong các đồng minh thương nghiệp. Nhờ vậy giai cấp thị dân thành một lực lượng mà lãnh chúa không dám khinh thường. Vào thế kỷ 12, nhân có chiến tranh thập tự (croisades) thương mãi phát đạt mạnh và tăng gia thế lực của thành thị. Trên đường tiến hóa của xã-hội, thương mãi và công nghệ là những mâu thuẫn giết chết chế độ phong kiến sau này.

Khi đã giàu và mạnh rồi, giai cấp thị dân do phú hào cầm đầu tìm cách hạn chế quyền độc đoán của lãnh chúa. Hầu hết, họ kết chặt hàng ngũ, và hợp thành liên minh. Hoặc dùng tiền để chuộc, hoặc dùng võ lực

đề đòi, nhiều thành thị giành lại được quyền tự trị. Quyền tự trị ấy do một hiến chương bảo đảm. Những thành thị đã thoát khỏi uy quyền lãnh chúa rồi thì gọi là thành thị tự trị hoặc thành thị phú hào (ville bourgeoise)

Các vua và lãnh chúa hồi thế kỷ 11 muốn dụ dân tới làm cho đất đai mình tăng thêm giá trị, tự ý thảo hiến chương bảo đảm quyền lợi cho họ. Do đó nhiều thành thị tự trị được thành lập thêm.

Tiến lên một bước nữa giai cấp phú hào tranh đấu đòi quyền mình cai trị lấy mình. Họ thành lập những đô thị có lãnh cách cộng-hòa dân-chủ. Họ tự cử những vị trưởng quan để cai trị thành thị. Các trưởng quan ấy họp thành hội đồng thị xã do một thị trưởng chủ tịch. Thị xã có quyền khai chiến hay ký hòa ước, quyền tổ chức quân đội và vệ binh, quyền dùng cờ xí, huy hiệu, ấn tỷ riêng. Nó vẫn tùy thuộc một vị chủ tể, nhưng cũng có thể thâu nhận chư hầu. Tóm lại nó y như một thái địa phong kiến.

Nhờ sự phát đạt của thương mại, bọn thương nhân mạnh dần lên. Họ bành trướng giữa giai cấp quý tộc và giai cấp nông dân và sau này họ làm thành giai cấp trung lưu mà trong lịch sử người ta gọi là đệ tam cấp (tiers état).

Toát-yếu

—O—

1.— Chế-độ phong kiến là chế độ xuất hiện trong một thời kỳ lịch sử nhất định. Trong thời kỳ ấy loài

người sống trong một tình trạng thiếu trật tự, thiếu an-ninh, khiến họ phải tôn lên người cầm đầu và góp tài sản sức lực để tổ chức sự tự vệ chung. Lâu ngày người cầm đầu ấy biến thành lãnh chúa, quốc-vương, hoàng đế, và quay lại thống trị người tôn mình lên.

2.— Chế-độ phong kiến Pháp phát đạt mạnh nhất vào thế kỷ 11 và 12. Xã hội chia ra nhiều giai cấp mà giai cấp căn bản là quý tộc và nông nô.

3.— Công việc quan trọng của giai cấp quý tộc là đánh giặc. Ngoài ra họ cỡi ngựa, đấu gươm và săn bắn. Họ gây nhiều thống khổ cho nhân dân. Giáo-dường phải đặt ra lệ « Thiên chúa hưu chiến » (Trêve de Dieu) để hạn chế chiến tranh và cải cách tập tục trong đẳng cấp võ sĩ.

4.— Giai cấp sanh sản là nông nô. Họ phải làm việc để phụng sự giai cấp quý tộc ; nộp địa tô, thuế thân và gánh mọi đảm phụ chiến tranh.

5.— Đời sống của nông nô thật là khổ cực. Ngay từ buổi đầu, họ đã phải dính khắn vào miếng đất. Họ bị bóc lột một cách tàn nhẫn. Lắm khi họ nổi loạn, nhưng dễ rồi bị đàn áp thẳng tay. Về sau giai cấp quý tộc cho họ được dùng tiền mua chuộc lại tự do.

6.— Ở thành thị giai cấp phú hào biết đoàn kết tranh đấu, bắt lãnh chúa trả lại tự do (tự do ấy được hiến chương bảo đảm). Trong các thị xã họ đòi được quyền tự trị.

CHƯƠNG VIII

Vai trò giáo-hội trong chế-độ phong kiến

1. — Xã-hội công-giáo và phong-trào cải-cách trong giáo-hội.
2. — Uy-quyền tôn-giáo thời Trung-Cồ.
3. — Chiến-tranh Thập-Tự — Nguyên-nhân và kết-quả.

1

Từ thế kỷ XI, uy quyền giáo-hoàng một ngày một lớn. Giáo-hoàng chỉ huy cả xã-hội công giáo. Ông tổ-chức việc cai-trị theo kiểu một quốc-gia quân chủ, trong đó ông là vua.

Giáo-hoàng dùng tăng-lữ làm lợi-khi cai trị, và tăng-lữ là người suốt đời chỉ biết phụng sự tôn-giáo. Tăng-lữ chia ra làm hai hạng, hạng thế-tục tức là sống lẫn trong tu-viện dưới quyền lãnh-đạo của tu-viện-trưởng.

Hạng tăng-lữ thế-tục gồm có tổng giám-mục (archevêque) coi giáo-dò trong một tỉnh ; dưới tổng giám mục có giám-mục coi một giáo-khu ; giám-mục lại có giáo-sĩ phụ tá ; sau hết là mục-sư coi giáo-đường trong làng hoặc trong thành phố. Uy quyền và sinh-hoạt của các vị giám-mục cũng tương-tợ như các lãnh chúa.

Hạng chánh-thư gồm tất cả tu-sĩ sống trong các tu-viện, tịnh-xa theo một giáo-qui nhất định đặt riêng cho mỗi thứ tu-viện, mỗi tịnh-xa. Những tu-viện cùng theo một giáo-qui thì hợp thành một đoàn-thể (ordre). Đoàn-thể phổ cập hơn hết là đoàn-thể giống Bénédictin (Bê-nê-đich-tanh). Từ thế kỷ 10 đến 12, nhân sự cải cách trong giáo hội mà có nhiều đoàn-thể như đoàn-thể giống Cluny (Co-luy-ni), giống Chartreux (Sát-trơ) v.v... ra đời nhằm mục-đích cải-cách tập tục, bình vực giáo-lý. (1)

Phong-trào cải-cách này không bền. Dần dần các đoàn-thể nói trên đều suy-đọa hết. Đến đầu thế kỷ 13, hai đoàn-thể khác, đoàn thể giống Franciscain (Frăng-xít-canh) và dòng Dominicain (Đô-mi-ni-canh) ra đời để tiếp tục công việc cải cách. Khác hẳn với các đoàn-thể trước, hai đoàn-thể này chống lại đời sống xa-hoa của giáo-sĩ, tuyên-truyền lối sống đạm bạc, nghèo khổ. Các tu-sĩ trong đoàn-thể không được giữ

(1) Trong chế-độ phong-kiến tôn-giáo đã thành ra một lợi-khi bình vực quyền lợi qui tộc, tăng-lữ. Vì vậy mà trong dân chúng, trong giới tu-hành phát ra một lực-lượng cải-cách, cố giữ lại đạo đức trong sạch. Phong-trào cải-cách Cluny do đó mà ra. Phong-trào này bắt đầu từ Bỉ ở vùng Flandre (Flăng) và Hainout (Hai-nô) rồi tiến-triển mạnh ở Cluny (Bourgogne). Mục-đích cải cách là giải-thoát giáo-hội khỏi sự chi phối khốc-hại của những uy-quyền do giáo-hoàng cầm đầu. Phong-trào lan rộng ra cả nước Pháp, tràn sang Ý và La-mã. Về phương diện văn-hóa phong-trào này đã làm sống lại nghệ-thuật kiến-trúc roman trong những tu-viện, giáo-đường thuộc phái Cluny. (Xem Les grands courants de l'histoire universelle của Jacques Pirenne).

tài-sản riêng. Họ phải làm lấy mà ăn hoặc sống nhờ của bố-thi. Bởi vậy đoàn-thể họ cũng được gọi là đoàn thể hành-khất (*ordre des mendiants*) mà lại lẫn vào trong dân chúng để giảngkinh như, các sư đồ đạo Đa-tô buổi đầu. Họ chủ-trương phải thương yêu kẻ bần-khố, và lo mở mang trí thức cho mọi người. Họ chiếm một địa-vị trọng yếu trong các đại học đương. Chính đoàn-thể hành khất này đã sản-xuất được những nhà đại tư-tưởng như Roger Bacon (Rô-gê Ba-công) và Thomas d'Aquin (Tô-ma Đa-canh).

2

Trong chế-độ phong kiến, vai trò giáo hội quan trọng lắm. Đẳng cấp tăng-lữ chẳng những kiểm soát đời sống của tin đồ mà còn chi-phối cả các thị-xã, một phần tòa án, bệnh viện và trường học.

Kỷ-luật giáo hội rất nghiêm-khắc. Đối với kẻ phạm tội nhẹ thì giáo hội bắt phải sám-hối, nhịn đói trong một thời hạn hoặc dài, hoặc ngắn, vào ổ tu viện, đi lê bái một nơi xa. Kẻ đến là bị phóng trục. Kẻ phạm tội bị loại bỏ ra ngoài đoàn thể tôn-giáo : không được dự thành-lễ, có khi không được giao thiệp với các tin đồ khác. Nếu tội nhân là một quốc-vương hay lãnh chúa thì giáo hội ra lệnh cấm chỉ mọi sự lễ-bái trong lãnh thổ của vua hay lãnh chúa ấy. Đó là một cách xúi giục tin đồ ép buộc vua hay lãnh chúa phải qui phục giáo hội (1).

(1) Lịch sử thuật lại cuộc xung đột lý thú giữa hoàng-đế Henri 4 xứ Germanie và Giáo hoàng Grégoire VII. Hoàng đế

Đối với những là đạo (tôn giáo tin ngưỡng hay tư tưởng trái với đạo Đa-tô) thì giáo hội dùng tới tôn giáo pháp-đình. Tin đồ tà đạo thường bị các thứ khổ hình rất ghê gớm và sau cùng bị hỏa thiêu. Đối với một vùng hay một nước theo tà giáo thì giáo hội chủ trương chiến tranh chinh phạt gọi là thánh chiến (1).

3

3. Từ năm 1096 đến 1270, có tám cuộc thánh-chiến lớn tức là chiến tranh thập tự.

không kể đến lời ngăn cấm của Giáo hoàng, tự tiện ban tu viện và phong giáo sĩ. Năm 1075 Hoàng đế hạ chiếu bãi chức giáo hoàng.

Được tin ấy Giáo Hoàng phong trực hoàng đế và hủy bỏ lời tuyên thệ của các chư hầu đối với hoàng đế. Việc này quan hệ lắm vì trật tự phong kiến căn cứ vào lời thề. Các lãnh chúa nước Đức ly khai với hoàng đế và hạn một năm, hoàng-đế phải quí thuận giáo hoàng. Lãnh chúa xứ Souabe toan khai chiến với hoàng đế nữa,

Thấy nguy, Henri 4 đến tại thành Canossa để xin lỗi giáo hoàng. Hoàng đế dắt vợ và con trai ba tuổi đi bộ qua núi Alpes chịu những đau khổ cùng cực. Đến nơi hoàng đế phải đứng chùn không trong tuyết ba ngày xin, giáo hoàng cho yết kiến. Khi giáo hoàng chịu tiếp, hoàng-đế nằm dưới đất dang tay như thập tự giá. Giáo hoàng động lòng tha tội.

Nhưng thời Trung-cổ người ta khinh thường sự trừng phạt nhục nhã. Henri 4 khi trở về xứ thì đánh dẹp vua xứ Souabe và khi thấy mình mạnh thế rồi, bỏ luôn lời cam kết với giáo hoàng.

(1) Vào thế kỷ 12, 13 ở miền Nam nước Pháp có nhiều thứ tôn giáo trái với đạo Đa-tô ra đời và gieo nhiều ảnh hưởng. Như dân thành phố Albi (An-bí) tin rằng có thần Thiện và thần Ác, linh hồn người ta có thể đầu thai vào thú vật và cấm ăn

Những cuộc chiến tranh này do tin đồ đạo Đa-lô Tây-Âu chủ trương để giải thoát thánh mộ chúa Jésus-Christ (Giê-du) lúc ấy bị tin đồ Hồi giáo chiếm cứ.

Vậy nguyên nhân đầu tiên gây ra chiến tranh thập tự là đức tin. Nguyên thánh mộ Jérusalem trước kia thuộc về tin đồ đạo Đa-lô. Nhưng vào thế kỷ 11 ở Đông Âu xuất hiện một dân tộc theo Hồi giáo gọi là người Thổ Seljoucides (Xên-ju-xid). Từ Tân cương đến, họ tiêu diệt đế-quốc A-rập ở Bagdad, chiếm Tiểu Á của Hi-lạp, chiếm Syrie (Xi-ri) và hăm dọa Constantino-ple. Năm 1071, họ chiếm Jérusalem.

Làm chủ xứ này rồi, họ nghiêm cấm tin đồ đạo Đa-lô tới thánh địa và giết hại những kẻ đi hành lễ. Ngoài lý do thuộc tin ngưỡng ấy, còn những lý do khác không kém phần quan trọng là các lãnh chúa muốn nhận cơ hội chiếm đất, bọn võ sĩ phong kiến thích phiêu lưu tới những nơi xa lạ; hạng nông dân muốn tìm tới những nơi họ có thể cày cấy tự do; lý do sau cùng là tin đồ đạo Đa-lô ở Phi châu bị người Thổ đánh

thịt thú vật. Để bài trừ tà giáo, giáo hoàng Innocent III (I-nô-xăng đệ tam) quyết định thánh chiến (1208) và trong vòng 18 năm cả vùng Nam nước Pháp bị ngập trong máu lửa.

2. Các sử gia coi việc người Thổ xâm lăng châu Á cũng như người Germain xâm lăng Đế-quốc La-mã. Kết quả là văn-minh suy sụp. Công thương nghiệp sa sút và nông nghiệp phong kiến mạnh lên tiêu diệt tinh thần tôn trọng cá nhân của văn-minh hồi giáo. Với người Thổ văn-minh hồi giáo không còn khoan hồng đối với các tôn giáo độc thần như hồi thế kỷ 9, 10 mà trở thành cuồng tin hẹp hòi. Vì cuồng tin mà người Thổ Hồi giáo đóng cửa Jérusalem, khiến tin đồ Đa-lô hằng hải xông vào chiến tranh thập tự thứ nhất.

đuổi, nay phản công lại người Thổ.

Giáo-hoàng Urbain II (Uyết-banh đệ nhị) đề xướng chiến tranh tại hội-nghị công giáo Clermon (Cờ-lec-mông) ngày 27 tháng 11 năm 1095, và Pierre l'Ermite (Pie-léc-mít) lãnh công việc hô hào quần chúng.

Trong một thông tri gửi các giáo-sĩ, giáo-hoàng hứa xá tội cho những tội nhân nào tham dự chiến tranh. Vợ con, tài sản của chiến sĩ được giáo hội bảo vệ. Những kẻ đói khổ, thất nghiệp bọn lưu manh thừa cơ hội kéo từng đoàn đi cướp giết. Đến đâu họ bị xua đuổi, nguyên rủa đến đó. Họ chết đường chết sá rất nhiều. Qua tới Tiểu-á ít người thoát khỏi tay người Thổ.

Trong cuộc chiến tranh thập tự đầu, ngoài các lãnh chúa, nhất là các lãnh chúa nước Pháp, không có một quốc vương nào tham dự.

Số lính chánh qui gồm một triệu người. Họ đến tụ họp trước thành Constantinople năm 1097 dưới quyền chỉ huy của một ông hoàng Bỉ, công tước Godefroi de Bouillon (Gốt froa đơ Buôi-dông). Từ đó họ tiến sang châu Á. Khi tới Jérusalem họ chết gần hết, phần bị quân Thổ giết, phần thiếu nước uống. Số quân còn lại chỉ độ 40 ngàn người. Nhờ đức tin thúc đẩy, họ tấn công Jérusalem và khi chiếm được, họ tổ chức tỉnh này thành một quốc gia phong kiến theo khuôn mẫu chế độ phong kiến châu Âu chia thành thái địa bao gồm các lãnh thổ Edesse (È-dết-xơ) Antioche (Ang-ti-ô-sơ) và Tripoli (Tri-pô-li). Nhưng các thái địa này lại xung đột nhau. Quốc-vương Jérusalem không đủ quyền lực chế ngự các chư hầu ; bọn này đeo đuổi mỗi người một đường lối chánh trị riêng.

Trong lúc ấy thì kẻ địch hăm dọa từ phía. Hoàng đế Alexis (Aléc-di) ở Constantinople dùng đủ mọi cách giành lại xứ Antioche, còn người Hồi-giáo thì toan lấy lại những đất đai họ mất.

Không bao lâu người Thổ phản công, đánh phá các vùng la-tinh. Năm 1146, họ chiếm xứ Edessa, đuổi người theo đạo Đa-tô ra khỏi một phần xứ và hăm dọa xứ Antioche. Nhiều cuộc chiến tranh thập tự khác vì thế mà xảy ra nữa (1).

Năm 1147 quốc vương Pháp Louis VII (Lu-i đệ thất) và hoàng đế Conrad III (Cồng-rát đệ tam) chủ trương cuộc chiến tranh thập tự thứ hai, nhưng bị đại bại ở Tiểu Á. Kết quả chỉ gây thêm khó khăn cho các xứ la-tinh. Nhờ các quốc-vương Jérusalem can đảm thành này mới giữ được.

Năm 1187, quốc-vương Ai-cập, Saladin (Sa-la-danh), chiếm lại được Jérusalem, bắt quốc-vương franc ở Jérusalem là Guy de Lusignan (Guy-dờ Lu-xi-nhân) cầm tù. Người Franc chỉ còn giữ được các xứ Tyr, Antioche và Tripoli.

Quốc vương Frédéric Barberousse (Phơ-rê-dê-ric Béc-bơ-rút) của Đức, Philippe Auguste (Phi-lip Ô-guyét)

(1) Ban đầu, những người tham dự Chiến tranh Thập tự đều có một đức tin hồn nhiên đối với đạo Đa-tô. Họ hưởng ứng tiếng gọi của giáo-hoàng một cách, thành thực và sẵn sàng, nhận giáo-hoàng làm hướng đạo hoàn toàn. Nhưng, những người tiếp tục tỏ ra thiếu tư cách, lợi dụng đức tin một cách không xứng đáng, làm cho nó phải yếu đi. Các cuộc chiến tranh thập tự sau thiên về chánh trị, kinh tế nhiều hơn. (Esquisse de l'Histoire Universelle H G Wells).

của Pháp và Richard Coeur-de-Lion (Ri-sa) của Anh mở cuộc chiến tranh thứ ba nhưng không giải thoát được Jérusalem. (1)

Năm 1202-1204 cuộc chiến tranh thứ tư khai diễn. Lần này thập tự quân không tiến vào Ai-cập và Palestine (Ba-lết-tin) mà lại đánh phá Constantinople, hủy hoại đế quốc Hy-lạp, thành lập một đế quốc la-tinh phía Đông. Đế quốc này tồn tại được trên nửa thế kỷ, đến 1261.

Trong lúc đánh Constantinople, quân thập tự tỏ ra tham tàn, man rợ. Họ đập phá các di-sản nghệ thuật để lấy vàng, bạc, châu báu, nấu cả tượng đồng, những kiệt tác điêu khắc của Hy-rong cổ lưu lại để đúc tiền.

Lần thứ năm, thập tự quân đánh xứ Ai-cập, nhưng không kết quả. Lần thứ sáu, hoàng đế Frédéric II không đánh mà lại thương nghị với tin đồ đạo Hồi, xin cho tin đồ đạo Da-tô đi hành lễ ở Jérusalem. Lần thứ bảy và thứ tám do Saint-Louis điều khiển đều bị thảm bại (2). Đó là những lần sau cùng.

*

(1) Frédéric Barberousse bị chết đuối khi vượt qua Tiểu-Á ; Philippe Auguste, sau khi chiếm thành Jean d'Acre thì bắt hòa Richard Coeur de Lion nên bỏ quân đội lại đó mà về ; Richard Coeur de Lion tiến tới Jaffa (Jáp-pha) và Ascalon (Át-xơ-ca-lông) chiếm được hai thành này nhưng không hạ nổi Jérusalem. Rốt cuộc ông thương thuyết với Saladin và xin được cho tin đồ Da-tô đi hành lễ thành này.

(2) Lần thứ bảy Thập tự quân gặp lụt ở sông Nil (Nin) và bị dịch, chết rất nhiều, Saint Louis bị bắt và phải trả một số tiền lớn mới được thả. Lần thứ tám Saint Louis bị dịch chết dưới chum thành Tunis.

Chiến tranh Thập tự phát sinh vì lý do tín ngưỡng nhưng kết quả của cuộc chiến tranh ấy chỉ làm cho đức tin của tín đồ Đa-tô giảm đi mà thánh mộ Jérusalem không được giải thoát. Về phương diện chánh-trị cũng kể như thất bại đối với người chủ trương và người tham dự. Quốc gia Jérusalem vừa được thành lập thì các thái địa phong kiến, thành phần quốc gia này, và các đô thị duyên hải Antioche, Tyr (Tia) Acre (A-cơ) đã xung đột nhau. Hơn nữa, chiến tranh gián tiếp tiêu diệt chế độ phong kiến. Hàng ngàn lãnh chúa và vô số võ-sĩ phải bỏ mạng. Nhiều sản nghiệp của quý tộc bị khánh tận và một số lớn công hầu trở thành nghèo nàn. Trái lại giai cấp thương nhân thành thị nhờ chiến tranh mà trở nên giàu có. Họ đã bỏ tiền ra cho lãnh chúa đánh giặc, tất nhiên họ lần ắt được lãnh chúa hay ít nhất cũng thoát ly được thế lực bọn này và tổ chức uy-quyền riêng của họ. Đồng thời chánh phủ lãnh chúa yếu thì chánh phủ quân chủ trung ương mạnh. Các tầng lớp xã-hội quý tộc chung quanh vua và nền quân chủ được bành trướng và củng-cố.

Về kinh tế quân thập tự chiếm hải cảng lớn ở Syrie, tạo điều kiện cho các đô thị Venise (Ve-ni) Gê-ne (Gê-n) Pise (Pi) phát triển mạnh. Các hải cảng Marseille (Mác-xây) Barcelone (Bác-xơ-lôn) hoạt động lại được, nhờ có con đường hàng-hải Tây phương và Đông phương khai thông. Thương nghiệp các nước chung quanh địa-trung-hải hưng vượng và lần ắt các trung tâm thương mại ở đại-lục. Các sản phẩm Đông phương tràn về Âu-châu, nhất là do các hải-cảng Ý.

Thương nhân tải về phương Tây nào là thảm, gương soi, đồ đạc, khí giới chạm cùn, vải quý, lụa, nhung, các giống rợ Tây phương, sau khi tiếp xúc với người phương Đông văn minh hơn, đã học được lối sống phong lưu, cao nhã nên rất ưa thích những xa-xi phẩm này.

Đó là những kết quả quan trọng đặc biệt. Nếu kết quả chánh trị làm cho chế độ phong kiến suy yếu thì chính kết quả kinh tế mới đẩy chế độ ấy vào chỗ diệt vong. Công thương nghiệp chính là những mâu thuẫn chánh sanh ra trong lòng nó để sau này giết chết nó. Với chiến tranh thập tự, công-thương nghiệp phát triển, tạo thành một giai cấp thị-dân đương đầu lại với lãnh chúa. Giai cấp này một mặt xây dựng nền kinh tế tư bản, lung đoạn nền kinh tế nông nghiệp phong kiến, một mặt tổ chức một lực lượng chánh trị mới lật ất chánh quyền phong kiến để một ngày kia gây thành cách mạng lật đổ chánh quyền này, thành lập một chế độ xã-hội khác mà nền tảng kinh tế là công thương.

Toát - yếu

—O—

1.— Thời đại phong kiến, giáo đường được tổ chức rất kiên cố, và giáo-hoàng có đủ uy quyền như các đế-vương. Nhiều đoàn thể tôn-giáo trung thành với giáo-hội Lã-mã được thành lập như đoàn thể Cluny, Clairvaux v.v... Các đoàn thể này suy dọa dần. Đến thế kỷ

thứ 13 có đoàn thể Franciscain và Dominicain cũng gọi là đoàn thể hành khất (*ordres des mendiants*) xuất hiện chủ trương sống nghèo nàn và lấy sự truyền đạo làm mục đích.

2.— Trong xã-hội phong kiến giáo-hội đóng một vai trò quan trọng. Giáo-hội dùng khi giới tinh thần bất tín đồ phục tùng, đối với tà đạo, nó dùng tôn-giáo pháp đường hoặc chiến tranh thập tự.

3.— Lịch sử ghi lại 8 cuộc chiến tranh thập tự lớn. Cuộc đầu, quan trọng nhất, tín-đồ Da-tô lấy lại được thành Jérusalem (1099) và thành lập quốc-vương la-tinh ở Palestine. Nhưng các cuộc sau không đem lại kết quả đáng kể. Cuộc thứ tư họ chiếm được Constantinople và thành lập Đông Đế-quốc la-tinh. Nhờ chiến tranh thập tự mà thương nghiệp địa-trung-hải phát mạnh và chế độ phong kiến sớm tiêu diệt.

CHƯƠNG IX

Sự tiến hóa của chế độ phong kiến.

1. Mâu thuẫn trong chế độ phong kiến.
2. Thể dạng chánh trị của chế độ phong kiến : chánh phủ lãnh-chúa và chánh phủ quân chủ trung ương tập quyền.

1

Chế độ phong kiến xuất hiện trong một tình hình xã-hội hỗn loạn. Vì lẽ tự vệ mà ai cũng thấy cần phải tôn người cầm đầu và tạo cho người cầm đầu ấy một lực lượng để giữ gìn an-ninh chung. Nhưng khốn thay, chế độ xã-hội mới này lại chất chứa đầy mâu thuẫn tai hại hơn nữa. Giai cấp quý tộc, với danh nghĩa bình vực nhân dân đặt dưới quyền mình, quay lại đàn áp bóc lột họ một cách quá đáng và đẩy họ vào những cuộc chiến tranh phong kiến thảm khốc. Chánh phủ lãnh chúa (gouvernement seigneurial) thật là một tổ chức bóc lột nhức nhối, độc đoán, tàn bạo, một chánh phủ không có thực quyền vì không đủ kiên cố để bảo vệ trật tự chung và quyền lợi của mỗi người. Dân chúng không tìm được an-ninh và công lý trong chế độ ấy, dần dần qui tụ lại một nơi khác, hoặc trong các liên-hiệp-hội ở thành thị, hoặc tìm tới một ông vua có đủ uy quyền hơn.

Nhờ sự phát triển thương mại và kỹ nghệ, các tổ chức ở thành thị mạnh lên, chi phối các lãnh chúa và buộc họ phải trả lại quyền tự-chủ.

Chiến tranh Thập tự một mặt làm cho kỹ-nghệ thương mại phát triển, tức là làm cho lực lượng các thành thị tăng gia, một mặt tiêu diệt bớt các lãnh chúa cùng các đoàn võ sĩ tham gia chiến tranh, tức làm cho địa vị quân chủ cũng cố. Chế độ phong kiến từ đó đã suy vong. Nhà vua lần lần đàn áp được các chư hầu trong ngành, thành lập được một chánh quyền trung-trong tập quyền khá mạnh và một tổ chức cai trị đều đặn có thể giúp cho nhân dân tránh được hành vi tàn bạo địa phương. Trong chế độ phong kiến khi gần tới lúc cáo chung, tập tục bớt tàn bạo, đời sống nhân dân dễ chịu hơn. Nông nô không phải đóng góp phục dịch nhiều như trước. Họ có thể dùng tiền thay thế mọi sự lao dịch. Nông dân tự-do có thể mua lại đất của lãnh chúa. Một số đông lãnh chúa vì chiến tranh phải suy sụp và bị thành-thị chi phối phải chịu giải phóng nông-nô. Hơn nữa, đứng trước những phong trào bạo loạn giết qui tộc, địa chủ, đốt phá thành trì, lãnh chúa thấy uy quyền tuyệt đối của họ không còn chỗ đứng vững, nên tỏ ra nhân đạo hơn. Chiến tranh phong kiến bớt dã man và được hạn chế nhờ những tổ chức hòa bình của giáo đường.

Những cải thiện ấy có làm cho bộ mặt phong kiến bớt hung dữ, nhưng ác tính của chế độ lãnh-chúa chỉ có thể mất được là khi nào chính thân nó bị tiêu diệt mà thôi.

2

Lực lượng tiêu diệt được chánh quyền lãnh chúa là chánh quyền quân chủ trung ương tập quyền.

Cuộc tranh đấu của hai chế độ ấy hoặc dài hoặc ngắn, nhưng rốt cuộc nhà vua một mặt dựa vào lực lượng có sẵn trong chế độ lãnh chúa, một mặt khác dựa vào giai cấp phú hào, tầng lữ và một phần các chư hầu quý tộc ở các thái địa lớn, tổ chức được một chính phủ thích hợp hơn và lật đổ được chính quyền lãnh chúa.

Vào mặt thời của chế độ lãnh chúa, uy quyền vua loại bỏ uy quyền chư hầu, Giai cấp quý-tộc lệ thuộc trực tiếp vua. Lực lượng quân chủ bảo vệ an-ninh trong nước. Nhất là sau khi thuốc súng ở Trung-hoa được người Âu-châu đem áp dụng vào chiến tranh, pháo binh và bộ binh lấn át hẳn giai cấp võ sĩ phong kiến.

Giai cấp này ; biến thành địa chủ hoặc người đánh giặc mướn, hoặc phu lưu đi đày, đò, làm công việc tàn-sát, cướp giựt. Họ không còn làm nền tảng cho quân đội nữa.

Tóm lại, khi chế độ lãnh chúa đã chết thì tánh cách quân sự của giai cấp quý tộc và sự mạng xã-hội của nó cũng mất theo luôn. Nhà quý tộc không còn là kẻ cầm đầu xã-hội mà trở thành một người chủ đất thường. Xã-hội không còn quý tộc chung quanh và nữa. Và hết là một chủ-tể. Tài sản cá nhân và tự do cá-nhân càng phát triển thì nền tảng xã-hội của giai cấp quý tộc phải sụp đổ.

Nhưng khi chính phủ trung-ương tập quyền thành lập, củng cố, chế độ phong kiến đã tiêu diệt hẳn chưa? Trong chính phủ trung-ương tập quyền, nhà vua mới thu tóm hết quyền lực chính trị của các lãnh chúa vào

tay mình mà thôi. Các đặc quyền xã-hội khác thì phần nhiều được nhà vua để nguyên và còn tăng gia thêm nữa là khác. Một số công-hầu còn được trọn quyền trong thái địa mình. Như vậy, bọn quý tộc phong kiến tuy mất quyền chánh trị, nhưng vẫn còn giữ các đặc quyền kinh tế và xã-hội. Nhà vua khi đánh đổ chế-độ phong kiến chỉ nhằm vào mục đích thay thế bọn lãnh chúa, giành lấy quyền chủ tể, tập trung các địa phương lại để làm thành một chánh quyền duy nhất mà tánh cách thể tập vẫn không thay đổi. Đạt được mục đích ấy rồi, nhà vua không biến cải chút nào tình trạng thổ địa. Những mối liên quan sanh sản còn y nguyên. Địa chủ vẫn bóc lột nông-dân, và nông dân phải nộp địa tô cho địa chủ. Phần cốt yếu của chế độ phong kiến là kinh tế nông-nghiệp với sự bóc-lột nông dân. Kinh tế ấy còn thì phong kiến còn. Bởi vậy mà dưới chánh phủ trung-ương tập quyền, chế độ phong-kiến bị tiêu diệt về mặt chánh trị còn về mặt kinh tế và mặt xã-hội nó vẫn được duy trì.

Như vậy chế độ quân chủ trung-ương tập quyền chỉ là một thể dạng chánh trị khác cao hơn của chế độ phong kiến mà thôi. Trong thể dạng này, quyền chánh trị ở trong tay một ông vua duy nhất, khác với thể dạng lãnh chúa, quyền chánh trị ở trong tay nhiều lãnh chúa. Từ thể dạng này sang thể dạng kia, chế độ phong kiến đổi thể dạng chứ không bị tiêu diệt.

Nó bị tiêu-diệt là khi nào nền kinh-lẽ phong-kiến biến đổi.

Toát - yếu

—O—

1. Chế độ phong kiến xuất hiện với sứ-mạng bảo-vệ an-ninh cho những người thành lập ra nó. Nhưng khi lãnh sứ mạng ấy, giai cấp thống-trị lấy sự bóc lột và chiến-tranh làm mục-dịch và gây ra tai họa liên miên. Dân chúng phải tìm tới một uy-quyền khác. Và do đó chánh phủ trung-ương tập quyền ra đời.

2. Chánh phủ sau này chỉ là một thể dạng cao hơn hết của chế-độ phong-kiến. Trong chánh phủ này quyền chánh trị thuộc về vua, nhưng đất đai vẫn còn trong tay quý tộc, địa chủ. Nông-dân vẫn bị bóc lột như xưa. Chế độ phong kiến chỉ bị tiêu-diệt khi nào nền kinh-tế tác thành ra nó thay đổi mà thôi.

CHƯƠNG X

Văn - minh Tây phương trong Thời đại Trung-cổ

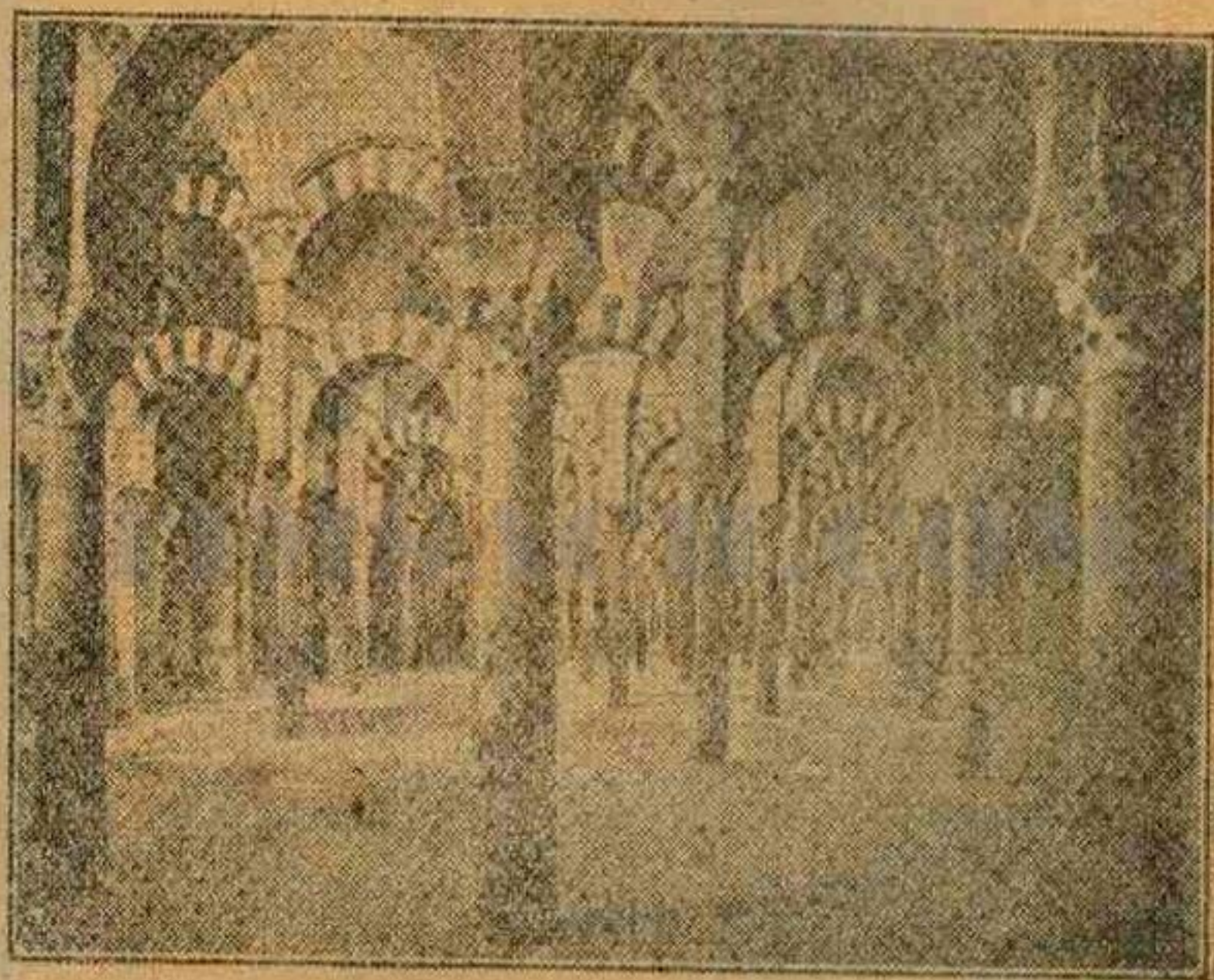
1. — Nông nghiệp : sanh hoạt nông dân.
2. — Công nghệ : sanh hoạt công nhân và cách tổ chức trong ngành thủ công.
3. — Thương nghiệp phát triển — Uy thế các thương nghiệp đồng minh — Các cơ sở thương mại Bắc-Âu và Địa-trung-hải.
4. — Thành thị trong thời Trung cổ.
5. — Đời sống các vương giả và phú hào.
6. — Đời sống tinh thần của xã hội : giáo dục, học thuật, văn nghệ, kiến trúc.
7. — Nghệ thuật kiến trúc : nghệ thuật « roman » và nghệ thuật « gothique ».
8. — Tình hình văn nghệ các xứ lân cận Pháp, Anh, Đức, Ý, Ý-Pha-Nho.

1

Từ thế kỷ 11 trở về trước, đời sống kinh tế còn thô lậu. Phần căn bản vẫn là nông nghiệp, nông nghiệp cũng còn lạc hậu, không nuôi nổi dân chúng.

Đất đai của lãnh chúa mà ta gọi chung là thái

địa gồm có hai phần : một phần lãnh chúa giữ và bắt nông nô cấy ; một phần nhường lại cho nông dân tự do làm để trả thuế. Ngoài việc ruộng nương, người ta còn làm các thứ đồ dùng tại chỗ : y phục, dụng cụ. Kinh tế có tánh cách cá nhân, tự túc và tự nhiên.

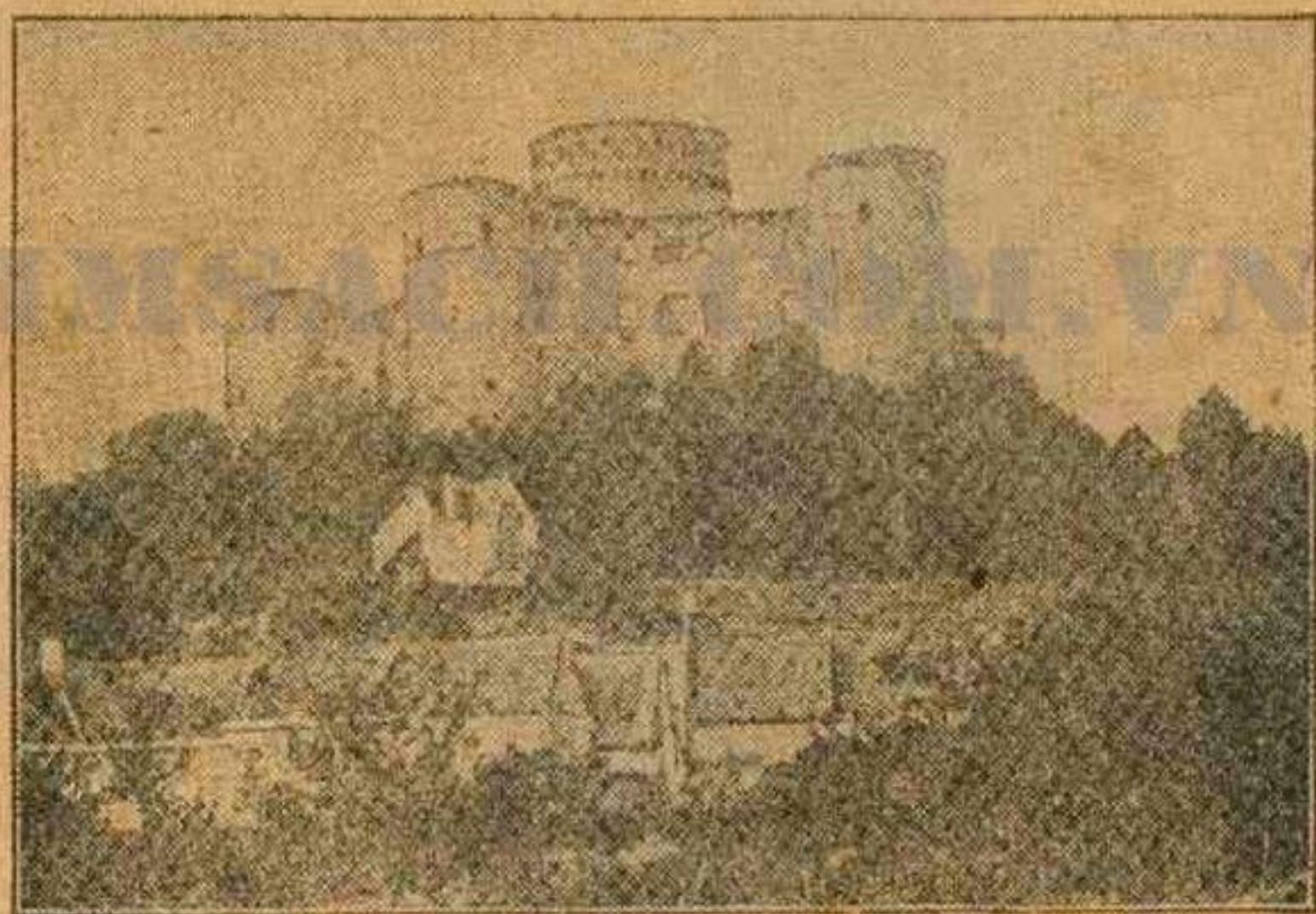


Kiến trúc Hồi-giáo
(xem bài ở chương IV)

Nhưng dần dần có lẽ vì nạn cướp giết do người Normand gây ra khi giống người này đến xâm lấn, mà nông dân tụ họp lại chung quanh thành trì lãnh chúa hoặc các tu viện. Mực sống của họ rất thấp vì dụng cụ sinh sản còn thô sơ, số sản xuất không kịp với nhu cầu. Phân trợ lại không đủ. Một năm trồng lúa, họ

phải cho đất nghỉ hai năm. Số huê lợi vì vậy mà phải sụt nhiều lắm.

Đến thế kỷ 12, dân số tăng lên. Lãnh chúa cải thiện điều kiện làm việc để khuyến khích dân lao động mở thêm đất mới. Những đất đai bấy lâu bỏ hoang biến thành đất phì nhiêu. Nghề chăn nuôi phát triển và số súc vật thêm nhiều. Giai cấp quý tộc thấy rằng nông dân càng được no đủ thì càng làm việc đắc lực nên họ cũng nới tay hơn trước.

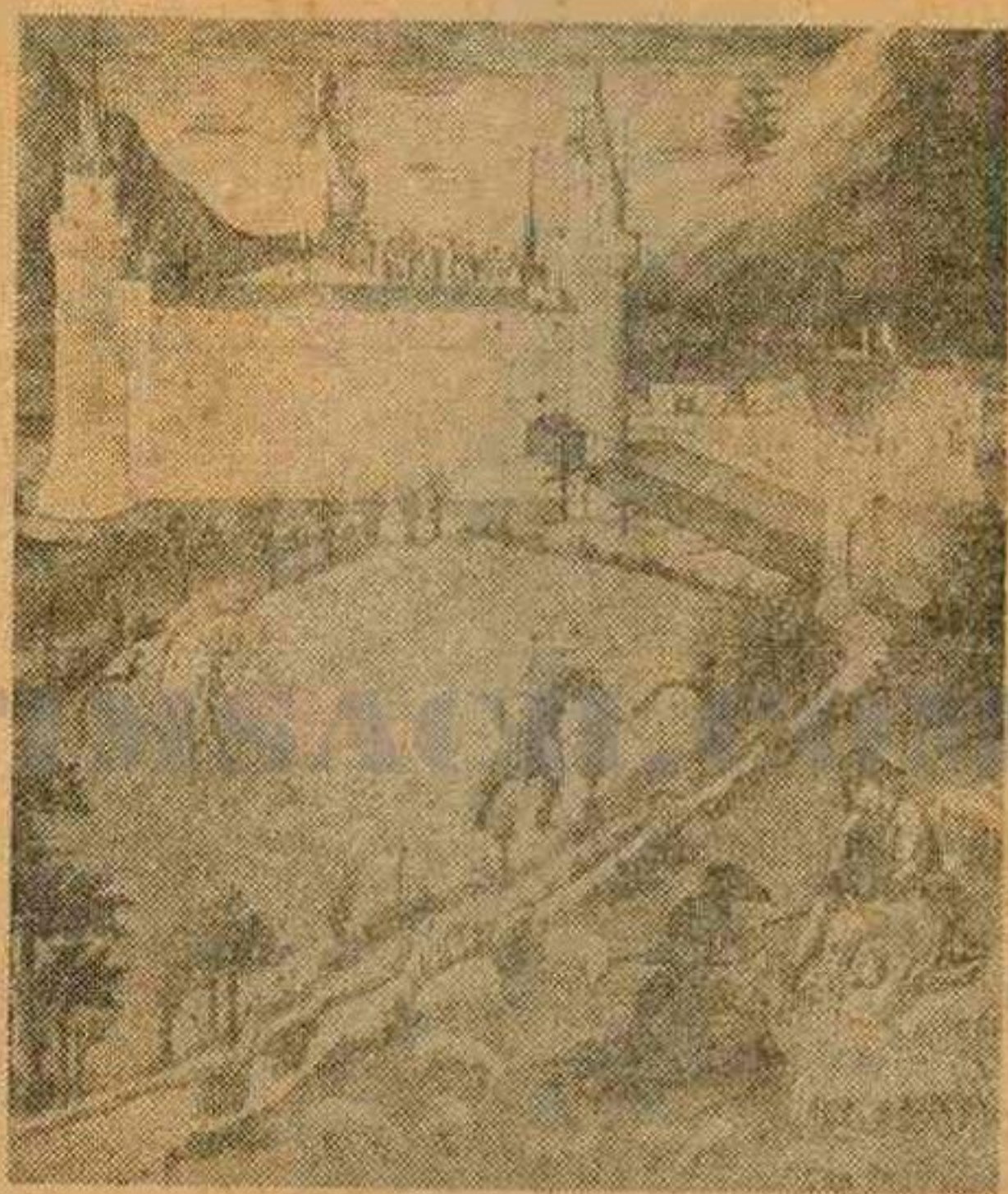


Một thành trì phong-kiến
(xem bài ở chương VII)

2

Kỹ-nghệ phát triển cùng một mực như nông nghiệp. Thợ thủ công qui tụ về các thành thị. Họ không

còn làm những công việc bác tập mà chuyên mỗi người một nghề, nghề nào theo nghề nấy. Để bình vực quyền lợi cho nhau, họ tổ chức thành hội, thành nghiệp



Cảnh nông-dân làm việc trong đất lãnh chúa.

Phía trước, hai nông-dân hót lông cừu. Bên kia sông hai người cầm liềm gặt lúa. Sau cùng là thành trì. Một cái cầu bằng gỗ bắc ngang hồ đi vào một cái cửa nhỏ đục ngang hông tường.

(xem bài ở chương VII)

doàn (corporation) gồm cả thợ và chủ. Người chỉ-huy nghiệp đoàn là một giám định có uyên thâm với pháp sự phân xử hội viên khi xảy ra xung đột, đặt

qui luật hạn định công việc làm và phạt và những người không tuân theo qui luật ấy.

Ai muốn làm thợ phải có chun trong nghiệp đoàn. Ai muốn gia nhập nghiệp đoàn phải tập sự một thời gian từ ba tới mười hai năm, tùy theo nghề. Thợ có thể thành chủ, nếu được người chỉ huy nghiệp đoàn chấp thuận và phải chịu sự thi hạch về mặt lý thuyết lẫn mặt thực hành. Về thực hành người thợ ấy phải làm một món đồ thật tinh xảo thuộc nghề mình gọi là một đồ khéo (chef-d'oeuvre). Giữa chủ và thợ không có gì là cách biệt lắm ; họ cùng làm việc trong một xưởng và sống một cảnh sống tương tự.

Họ làm việc trong những xưởng hợp từng nhóm bốn năm người. Xưởng ấy đồng thời cũng là tiệm bán hàng. Làm xong món nào họ bán ngay món ấy. Có khi khách mua đến tại chỗ xem họ làm và chực để lấy hàng. Món nào chưa bán được thì họ trưng bày ngay tại chỗ làm việc. Thì giờ làm việc không nhất định, thường thì từ mặt trời mọc tới mặt trời lặn.

Các ngành thủ công hợp lại thành phường hay thành đường phố. Bởi vậy ngày nay có những đường còn giữ lại tên ngành thủ công. (1)

Sự cạnh tranh giữa nghiệp đoàn cũng thường xảy ra lắm. Vì binh vực quyền lợi, tiệm thợ may kiện tiệm bán đồ cũ tại sao lại bán quần áo mới. Ngay

(1) - Như ở bên Pháp có đường phố gọi là : rue des Bouche-rons (phố hàng thịt) des Tisserands (phố thợ dệt) des Orfèvres (phố thợ bạc v.v..) như ở Hà Nội có phố hàng lông, hàng trống, hàng buồm, hàng đồng v.v.

trong một nghiệp đoàn giữa chủ và thợ bạn cũng thường có sự xích mích ; chủ hay làm khó thợ trong lúc thi hạch để thợ không thể trở thành chủ được mà cạnh tranh với mình. Qui luật hạn định sự chế tạo tỉ mỉ quá làm cho óc sáng kiến của thợ khó mở mang.

3

Sở dĩ nông nghiệp và công nghệ phát triển được là nhờ thương-mãi phát triển. Trước thế kỷ 12 tình trạng thương-mãi rất đình trệ. Người thợ làm ra món hàng nào thì bán ngay tại chỗ. Nghề tiểu thương chưa có. Thương nhân đi tới các xứ xa, mua và bán các sản phẩm lạ, quý hoặc nguyên liệu cần thiết cho kỹ nghệ. Nhưng cách thức buôn bán ấy cũng không đủ điều kiện mở mang. Đường giao thông đã hiếm mà giặc giã lại nhiều. Thương nhân qua lại địa phận các lãnh chúa phải trả thuế rất cao, tiền tệ từ nước này qua nước khác không nhất định, kim khí dùng làm tiền tệ như vàng bạc chưa được sản xuất nhiều. Từ thế kỷ 12 trở đi, điều kiện thương mãi mới được cải thiện. Đường giao thông mở mang ; những nơi đèo núi có chỗ trú ngụ ; các đô thị có khách sạn. Phương tiện chuyên chở cũng được sửa đổi. Người ta biết đóng móng sắt vào chân ngựa, biết thắng từng đoàn ngựa vào xe, và thay vì buộc giây vào cổ làm cho ngựa nghệt thở, người ta ràng vào bả vai để sức ngựa không giảm bớt.

Trung-tâm mậu dịch là chợ phiên họp ở những nơi nhất-dịnh và vào ngày nhất-dịnh. Các thương nhân

tu hợp tập nập tại đó.

Để bình vực quyền lợi cho mình, bọn thương-nhân tổ hợp thành đoàn thể gọi là thương nghiệp đồng-minh. Họ thường dùng sông ngòi : vận-tải bằng đường sông đã mau mà lại yên ổn, chắc chắn. Các thương nghiệp đồng-minh mạnh nhất thường tổ-chức vận tải hàng hóa bằng đường sông. Họ chiếm độc quyền từng con sông. Thương thuyền nào không thuộc đồng-minh muốn qua lại con sông ấy phải nập thuế.

Việc buôn bán bằng đường biển cũng phát triển mạnh như đường bộ. Từ thế kỷ thứ 12 trở đi nhờ có hải-dăng dọc theo ven biển, nhờ địa-đồ, nhờ sự thông dụng kim-ch-²-nam và sự cải-thiện bánh lái tàu (1) mà sự chuyên chở đường biển bớt nguy hiểm. Các thương cảng ở Pháp, nhất là ở Đức, Ý phát đạt rất mau.

Thương nghiệp đồng-minh mạnh nhất là La Hanse (La-hăng). Tầm hoạt-động của nó bao trùm khắp Bắc Âu. Thành lập năm 1283, mà đến cuối thế kỷ 14, Đồng Minh ấy đã chi-phối được chín chục đô-thị, tổ-chức một đội thương-thuyền và chiến thuyền, lấn át cả các vua chúa. Nó bắt vua Đan-mạch phải nhường ngôi, bắt người Thụy-điển, Na-uy phải nhận nó làm trung-gian trong mọi việc mâu-dịch. Ở các nước Nga, Na-uy, Flandre (Phơ-lăng), Anh, nó đều mở hội buôn lớn. Nó làm chủ Bắc-hải và biển Baltique (Ban-tích). Thủ-đô của nó là Lubeck (Lu-béc). Nhưng chính Bruge (Bruy)

(1) Ngày xưa bánh lái tàu là một mái dầm tra vào một cây gọng đóng phía sau hoặc bên hông tàu. Sự điều khiển rất khó và tàu không thể đi ngược gió.

mới là chỗ tụ tập đủ mặt các thương-nhân châu Âu và là trung-tâm điểm của nền thương-mãi Bắc-Âu. Bruges là một dịch-thủ đáng sợ của La Hanse.

Công cuộc thương-mãi Địa-trung-hải còn quan-trọng hơn nữa.

Khi người Ả-rập xâm-lăng Đông đế-quốc La-mã thì con đường Địa-trung-hải nằm trong tay rợ Sarrazin. Các xứ phía tây không thể mua được các thứ nguyên-liệu cần thiết cho kỹ-nghệ dệt. Nhưng từ khi người Normand chiếm đảo Sicile (Xi-xin) và quân Tháp-tự mở lại con đường giao-thông với phương Đông thì các thương nhân Ý, Languedoc (Lăng-gơ-dốc), Y-phanho đến Alexandrie, Chypre (Síp) Beyrouth (Bây-rút) Byzance mua các thứ gia-vị, đường, hương-liệu, thuốc nhuộm, tơ lụa, vải, sa, thảm, ngọc trai, đồ thủy-tinh, đồ sành, cá, lúa mì, da, nô-lê..., và các sản-phẩm phương Tây, kim thuộc, vàng, bạc, rượu, khi giới, nhất là nỉ của xứ Flandre và Ý. Hai thành phố thương-mãi thịnh-vượng nhất là Gênes (Gên) và Venise (Vơ-ni).

Venise có một đội thương thuyền đến 3300 chiếc. Xưởng đúc tàu qui tụ tới 16.000 thợ. Kỹ-nghệ Venise cũng rất phát đạt. Sản phẩm chế-tạo là gương soi mặt danh tiếng nhất châu Âu, đồ ren, thêu, nữ trang, đèn bạch lập, được phẩm chế tạo theo phương-pháp người Hồi-giáo. Đến thế-kỷ 15, khi người Thổ-nhĩ-Kỳ xâm chiếm Constantinople, cắt đứt đường giao thông giữa Venise và phương Đông thì nền thương mãi thành này cũng bắt đầu sa sút.

4

Các đô-thị thời Trung cổ còn nghèo nàn lắm. Đường phố quanh co, chật hẹp, sát với thêm nhà, và đầy người qua lại ồn ào. Bao nhiêu rác rến đều đổ vào đó để làm chỗ heo ỉu, gà bươi ; tiếng rao bán hàng rong đồn dập ; đất thì sinh lầy ; ban đêm không đèn đóm kẻ gian qua lại tấp nập. Nghĩa địa ở ngay giữa châu thành, chung quanh các giáo đường.

Nhà thì cất bằng gỗ, chen chúc nhau. Tầng trên chồm ra ngoài từng dưới khiến cho mái nhà hai bên đường giao lại với nhau, ánh sáng ít khi lọt tới đất.

Trong những đô-thị ấy, tai họa đáng sợ nhất là hỏa hoạn và bệnh truyền nhiễm. Trong khoảng 25 năm (từ 1200-1225), thành phố Rouen (Ru-ăng) bị hỏa hoạn sáu lần (1). Năm 1348, dịch hạch giết chết một phần ba dân số châu Âu. Bệnh cùi cũng tàn hại dân chúng không ít. Bệnh viện không đủ cho bệnh nhân nằm.

Thuốc men hồi ấy chưa có gì đáng kể. Người bệnh phải nhờ đến lang băm, thầy mo, dùng các thứ thuốc kỳ dị mà họ tin là thần dược, linh đơn như, rễ cây mandragore (măng-dra-go) (2), sừng con kỳ lân (3), các

(1) Tuy nhiên cũng có nhiều đô thị lớn. Năm 1250 dân số châu thành Rouen lên tới 70.000 người, Châu thành Ba-lê vào năm 1328 có đến 300.000 người ; đường sá đã lát đá. Dưới triều Philippe Auguste (Phi-líp Ô-guyét), điện Louvre (Lou-vrơ) một kiến trúc vĩ đại dùng làm vừa thành trì vừa lao ngục.

(2) Cây có rễ như củ nhân-sâm, giống hình người, người thời ấy tin rằng khi bị bứt thì nó biết kêu la.

(3) Giống thú hoang đường.

thứ châu báu khác mà họ cho là linh nghiệm. Óc mê tin rất nặng, không những thường dân ngu dốt mà giai cấp quý tộc vương-giả cũng không hơn gì. (1)

5

Đời sống vật chất của giai cấp quý tộc từ thế kỷ 11 đến 14 thêm nhiều tiện nghi. Trong các đền đài, tường vách đều sơn phết hoặc bọc thảm. Nền nhà lát gạch đánh bóng hoặc lát đá. Ngày lễ bái, người ta tùy mùa mà rải hoa hoặc cỏ tươi. Ánh sáng thì có nến cắm trên chum đèn bằng gỗ, bằng đồng, hoặc thau. Trên trần nhà có cả đèn nhiều ngọn. Ở đô-thị, nhờ sự phát triển của thương-mại, bọn thương nhân, phú hào tranh đua với quý tộc trong việc trang hoàng nhà cửa và lối sống kiêu-xa.

Họ bắt đầu chú ý đến những bữa ăn thịnh soạn dọn trên bàn có trải khăn. Họ biết dùng muối; nhưng nhà thì đến thế kỷ thứ 16 vẫn chưa có, nên họ dùng ngón tay. Do đó mà có thói quen rửa tay trước và sau bữa ăn. Họ dùng gia vị để làm cho món ăn thêm đậm đà, kích thích : hồ tiêu và hạt cải được họ thích nhất.

Đồ đạc thì to lớn nặng nề, Trước kia chỗ ngồi chỉ có thứ ghế dài, rồi đến trường kỷ chạm trổ tỉ mỉ, có lót nệm ; tủ thì có những cái thùng, cái rương rất lớn gắn bản lề sắt, ống khóa kiên-cố dùng chốt các vật quý ; giường thì treo màn. Nhưng đến thế kỷ thứ 14 người

(1) Một võ-sĩ đến ngày làm lễ tuyên thệ, nhất định không hành lễ chỉ vì vị quốc vương mình hôm ấy đã có một lần nháy mắt. Họ cho đó là một điềm rất xấu.

ta biết dùng nệm hoặc giường lót lông chim.

Y-phục cũng thành ra phiền phức, mỗi thế kỷ một thay đổi tùy theo địa vị xã-hội của mỗi hạng người. Đến thế kỷ thứ 14, cách ăn bận đã sang trọng lắm, Người ta biết dùng da lông của các giống chồn, hắc-điền-thử, sóc, để kẻ vào cổ áo.

Đời sống xa xỉ ấy làm tăng thêm nhu cầu. Kỹ nghệ, thương mại đều phát triển mạnh để thỏa-mãn các chu cầu ấy.

6

Thời đại trung-cổ, vào thế kỷ 11, học thuật và văn-nghệ cũng bắt đầu phát triển. Sự phát triển ấy đi song với chiến tranh Thập-tự và phong trào kinh tế.

Công việc giáo dục do tăng-lữ đảm đương. Giấy phép dạy học do giáo-sĩ cấp. Bực sơ học thì dạy tại các trường nhỏ ở giáo khu ; bực cao hơn thì dạy ở các tu viện hoặc thành thị. Từ thế kỷ 11 trở đi mới có những trường học lớn nhưng thuộc quyền giáo-hội như tăng-viện Notre Dame (1).

Những nơi dành riêng cho sự dạy dỗ vẫn chưa có. Ai muốn dạy phải tự mượn lấy chỗ, và lương thầy giáo do học trò trả. Phần đông học trò đều nghèo khó. Có người ăn xin để học. Đến cuối thế kỷ 12, học-viện

(1) Tại đây sinh viên ngồi trên những bó rơm lát giữa đường ngoài trời để nghe thầy giảng. Đồng thời nhiều trường học kiểu ấy mọc lên. Nhưng không bao lâu, vì tăng viện phản đối, thầy trò kéo nhau lên đóng trên triền núi Sainte Genevière, giữa đồng ruộng và vườn nho.

mới được thành lập. Lúc đầu học viện ấy là trú sở của sinh viên nghèo, giáo-sư đến đó để giảng dạy. Mãi về sau, đến thế kỷ 15, trú sở ấy mới thành ra trường học chánh thức.

Trong các trường lớn, thứ ngôn ngữ được dùng làm chuyển ngữ là tiếng la-tinh và bài học chỉ giảng bằng miệng. Sách học rất hiếm, và lẽ tất nhiên là rất đắt. Nghề in chưa có, người ta phải viết lên da thuộc mỏng. Phương pháp dạy là phương pháp kinh viện, Thầy giáo chỉ bình giảng những sách chuyên về mỗi khoa. Sách của nhà triết học Hy-lạp Aristote (A-rít-tốt) được trọng dụng nhất.

Cuối thế kỷ 12 và thế kỷ 13, đại học đường mới xuất hiện. Nổi danh nhất là các đại học đường Ba-lê, Montpellier (Mông-pênh-li-ê) ở Pháp, Bologne (Bô-lôn) ở Ý, Oxford (Ốc-phơ), Cambridge (Căm-brit) ở Anh.

Trong các đại học đường ấy sinh viên phải học bốn khoa : Thần học (1), Tôn-qui, Y học và Văn-nghe.

(1) Vào thế kỷ 13 thần-học còn được coi là khoa học chánh vì giáo dục trước hết phải nhắm vào mục đích tôn-giáo. Nhưng ảnh hưởng triết học thượng cổ vẫn mạnh. Nhiều bậc thầy dụng ý hỗn hợp tư tưởng triết học với tư tưởng tôn giáo, nhưng có người lại đặt tôn giáo vào phạm vi đức tin và dùng kinh nghiệm quan sát để khảo cứu thiên nhiên. Nhưng khoa học vẫn còn ấu trĩ vì thiếu khi cụ tinh-xác. Công việc khảo cứu khoa học và triết lý lan rộng ra ngoài dân gian. Nhiều người không thuộc hạng giáo sư, thông thái, cũng tìm đọc những sách bản về nguyên tố : trời, đất, không-khí, lửa, thú vật, cây cỏ, đá. Ngoài những tài liệu minh xác, vẫn có những lối giải thích ngây ngô do tin tưởng dị đoan đời thượng cổ để lại. (xem tiếp trang 92)

Văn nghệ được dạy trước nhất vì đó là môn-học phổ thông, căn bản. Văn-nghệ lại chia ra làm tam khoa gồm có văn phạm, biện luận pháp, hùng biện thuật, và tứ khoa gồm có toán-học, hình-học, thiên-văn-học, nhạc học.

Đồng thời với sự mở mang học thuật, tác-phẩm văn chương được sản xuất, hầu hết viết bằng tiếng la-tinh. Danh tiếng nhất là tác phẩm của Thomas D'Aquin (Tô ma Đa-canh) và Roger Bacon (Rô-jê Ba công).

Bên cạnh văn-chương la-tinh, văn chương bình dân cũng được phát triển. Tác phẩm danh tiếng là những áng anh hùng ca (Les Chansons de geste) miêu tả lại phong tục khắc khổ của các hiệp-sĩ thời phong kiến. Bài « La Chanson de Roland » được dân chúng ưa thích nhất. Ngoài ra còn những thi phẩm dài ca tụng các anh hùng thượng cổ như vua Alexandre (A-lex-dăng) vua Priam (Pri-am) v.v...

Phong tục về sau trở nên thuần thực dần. Cùng với phong trào hiệp sĩ, một thứ nhã thi xuất hiện ca ngợi đời sống phiêu-lưu và tình yêu. Văn chương hồi này không chuyên tả những trận giao phong nữa

Vào thời kỳ đại Trung-cổ người ta biết trái đất tròn, nhưng trên địa cầu họ chỉ biết có châu Âu, một phần châu Á và phía Bắc châu Phi. Họ tin rằng trung tâm châu Phi có giống kỳ lân sừng dài mọc giữa trán, có giống người không đầu, miệng và mắt mọc ở giữa ngực; có giống tai thật lớn có thể phủ kín toàn thân khi họ gặp tai họa và có giống đứng một chun. (Le Moyen âge — A. Boussuat)

mà rần lo phân tích tình cảm. (1) Đến thế kỷ thứ 13 có những tiểu thuyết phúng thích, hài kịch, chuyện ngụ ngôn ra đời (2). Trong cuốn tiểu thuyết « La Conquête de Constantinople » (Chinh phục thành Constantinople) viết bằng thứ văn xuôi thông dụng, tác giả Geoffroy de Willehardouin (Jốp-phrôa đờ Vin-lơ-hạt-đoan) thuật lại trận chiến tranh Taập-tự thứ 4. Cũng trong thời gian ấy, ở Đức, Ý nhiều bản anh hùng ca khác viết bằng thơ ngữ ra đời.

7

Thời đại Trung cổ, nghệ thuật kiến trúc trước hết phải phụng sự tôn-giáo. Nghệ thuật kiến trúc được phổ cập nhất ở Tây Âu là nghệ thuật roman.

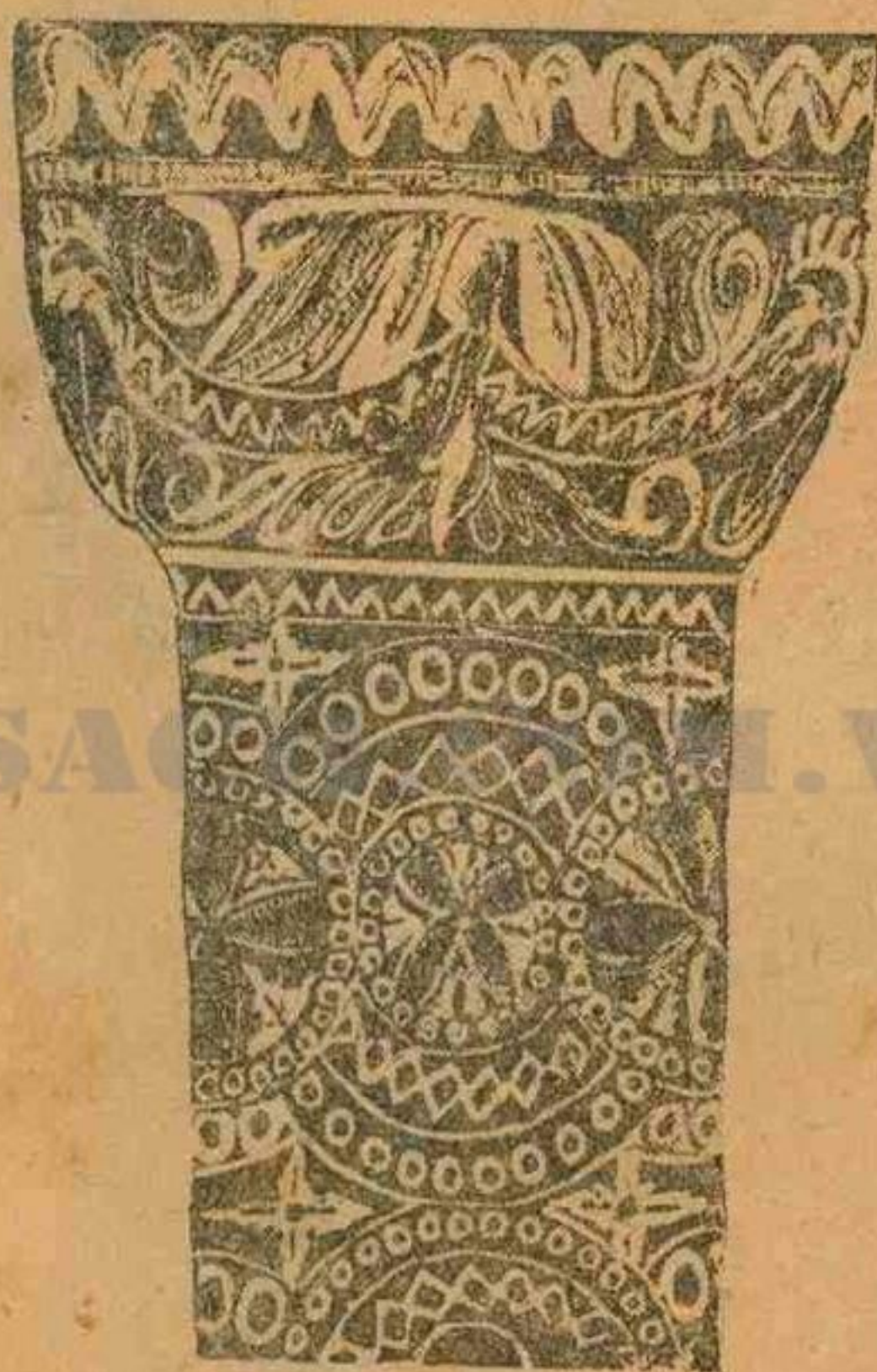
Nghệ thuật này phát triển vào khoảng 1060 đến 1150. Đặc điểm của nó là hình nửa ống tròn và vòng cung bán nguyệt. Những vòng cung ấy tựa vào cột mập lùn ; đầu cột xòe ra như chiếc nón rộng. Bên ngoài có những cột áp vách thật kiên cố. Toàn thể ngôi nhà có vẻ chắc chắn, nhưng nặng nề.

Nghệ thuật roman tùy từng vùng mà biến thể, ít

(1) Trong xã-hội phong kiến, đến lúc ấy, người võ-sĩ phải là người phong nhã và tinh thần hiệp sĩ phải lấy đạo đức làm nền.

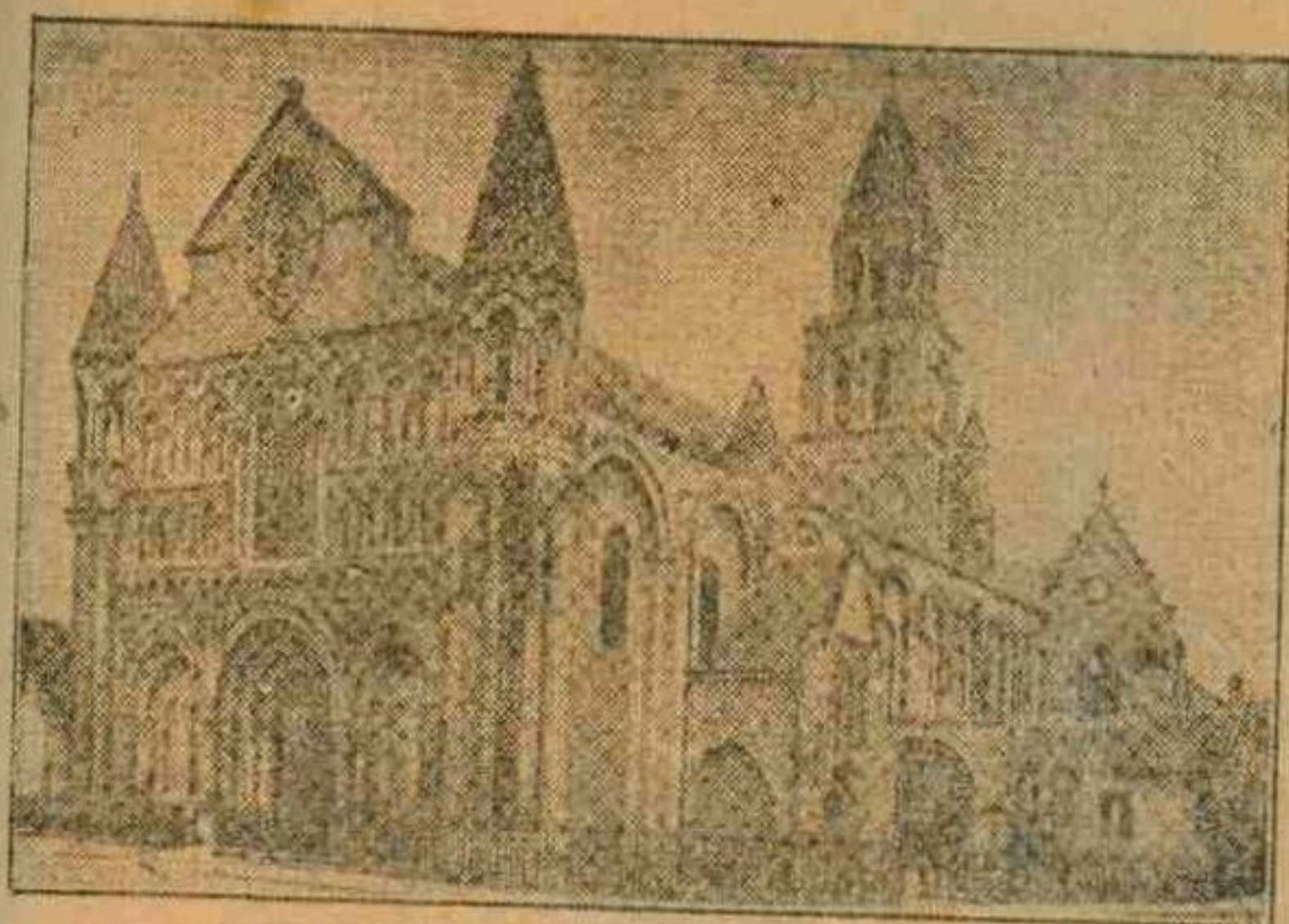
(2) Xã-hội phú hào đã mạnh. Những tay phú hào giàu có thích truyền tích và ngụ-ngôn. Tác phẩm Roman de Renard chế giễu các tầng lớp xã hội từ vua tới cùng đinh, được họ hoan nghinh.

hoặc nhiên. Nhà kiến trúc phải để ý tới khí hậu, nguyên liệu xây cất và phong tục của mỗi vùng mà chăm chế, sửa đổi.



Đầu cột theo kiến trúc roman

Vào cuối thế-kỷ 12 và trong vòng thế kỷ 13 tình hình xã-hội lại biến chuyển. Phải tăng lữ không giữ độc quyền văn nghệ nữa. Những đoàn thể tôn giáo cũ đã suy dọ. Những đoàn thể mới không ăn náu trong



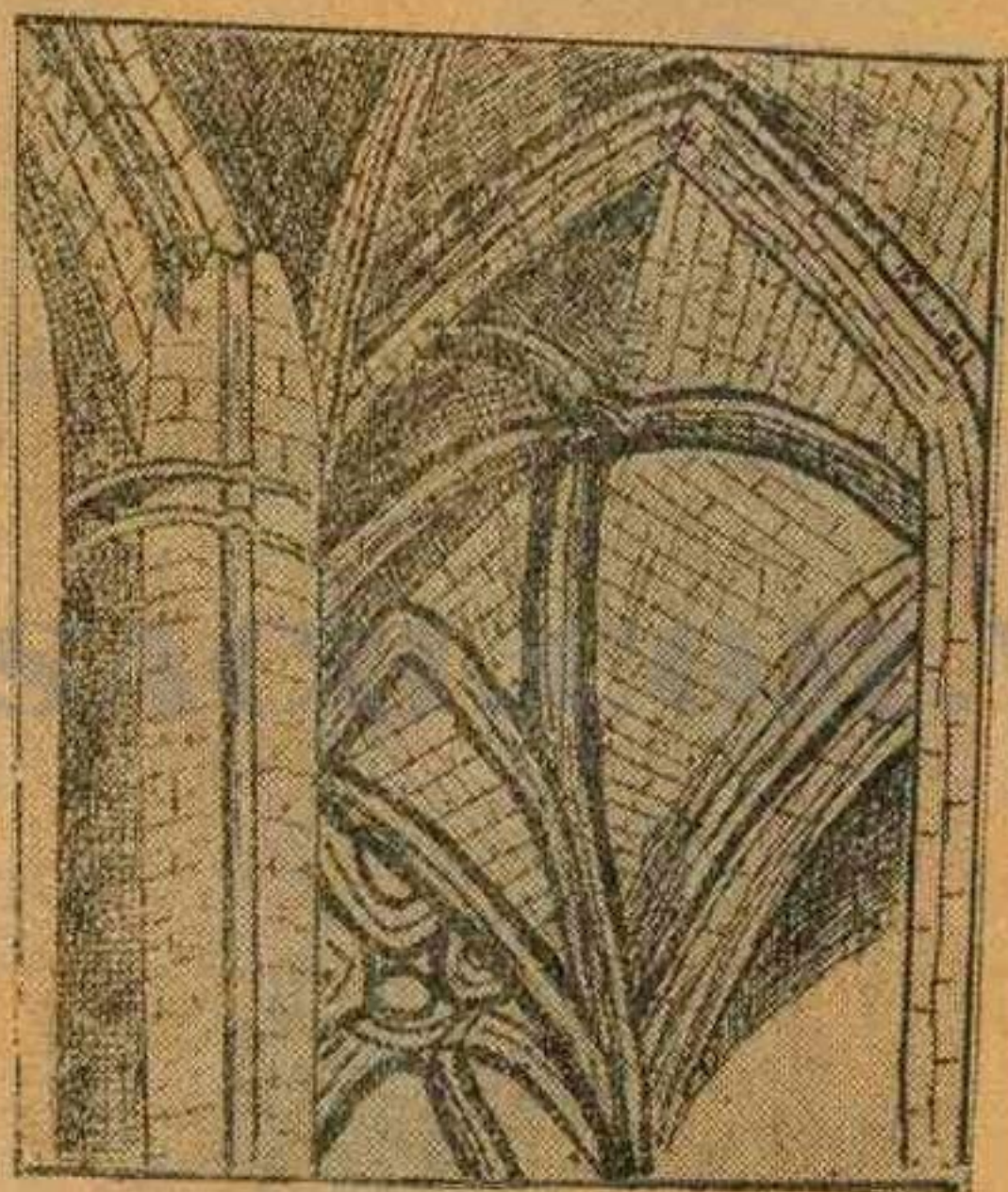
Kiến trúc Roman
(nhà thờ Notre dame de Poitiers)

tu viện mà xen lẫn vào thế tục, chủ trương đời sống
đam bạc. Bởi vậy thứ kiến trúc lộng lẫy không được
họ ưa thích.

Từ đó nghệ thuật « gothique » (gô-tích) ra đời
thay thế cho nghệ thuật roman. Bản đồ kiến trúc
giáo đường vẫn như cũ, nhưng đặc điểm nghệ
thuật gothique là vòm nhà có gán, hình tròn nhọn đầu
tréo lên nhau và cột xây cuốn vòng cung. Vòm nhà
nhẹ hơn, cột chống bên ngoài được giảm bớt. Toàn thể
có vẻ thanh bai. Tường vách được thay thế bằng
những cửa kính nhiều màu.

Nghệ thuật gothique được công chúng hoan
nghênh và nhờ họ giúp đỡ mà trong một khoảng thời

gian ngắn, nhiều giáo đường được xây dựng theo nghệ thuật này. Những giáo đường danh tiếng nhất là Notre Dame de Paris (Ba-lê) Chartres, Rouen, Reims, Bourges, Amiens. Kiến trúc gothique xuất hiện đầu tiên ở Pháp nên người ta cũng gọi là kiến trúc pháp.



Hình cung nhọn tréo
(Kiến trúc Gothique)

So với các giáo đường kiểu roman, giáo đường kiểu gothique cao rộng hơn. Nhưng các kiến-trúc sư vẫn chưa-vừa ý, về sau họ còn tiếp tục cải thiện thêm kỹ thuật xây cất. Vào thế kỷ 13 và 14, giáo đường càng ngày càng cao thêm. Đó là kiến trúc rợ.

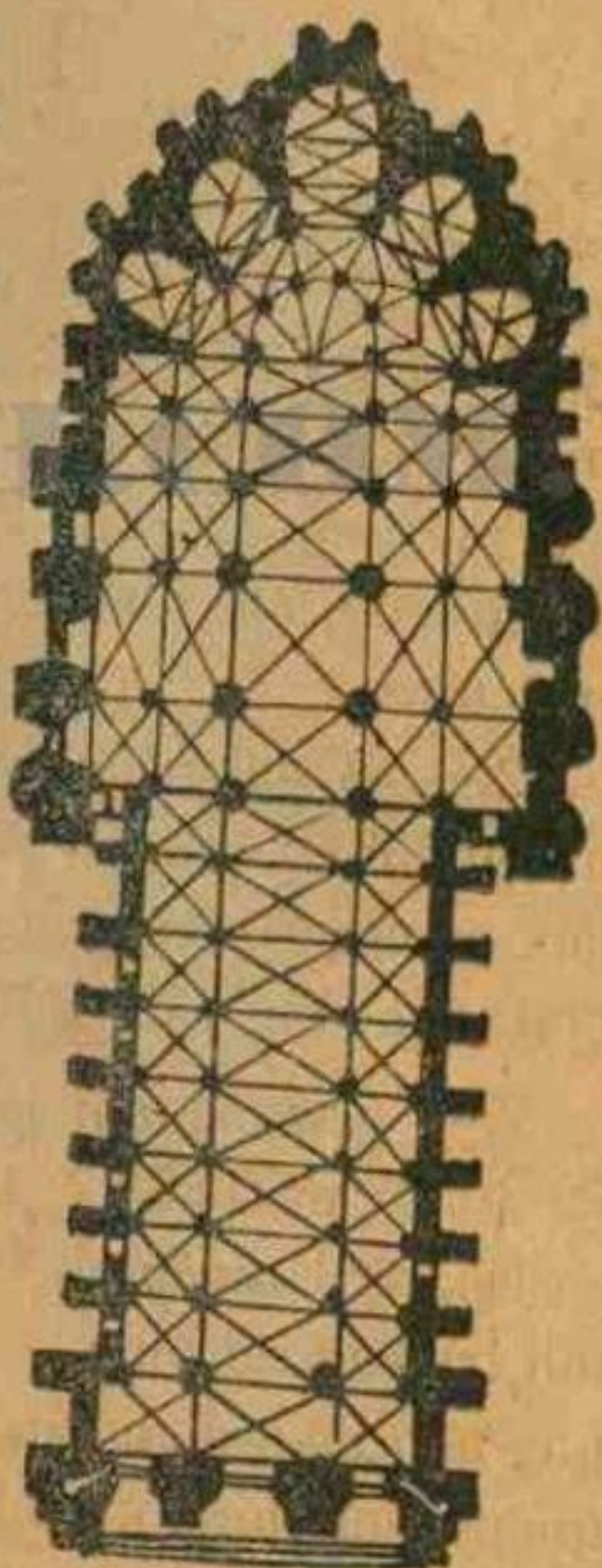
8

Các nước Anh, Đức, Ý-pha-nho, Ý đều chịu ảnh hưởng trào lưu văn nghệ Pháp. Những áng anh hùng ca, nhã-thi của pháp được họ đem ra dịch, và các thi nhân Ý, Đức đều phỏng theo thi ca Pháp để sáng tác.

Nhưng đến thế kỷ 13 và đầu thế kỷ 14, nước Ý chiếm được một địa vị quan trọng trong sự phát triển văn nghệ châu Âu. Các di - sản của đế quốc La-mã được lưu truyền ở Ý đầy đủ hơn nước nào cả, và cố nhiên ảnh hưởng lớn đến văn nghệ nước ấy.

Về văn chương nước Ý sản xuất ba văn nhân danh tiếng : Dante (Đăng) Boccace (Bốc-cách) và Pétrarque (Pê-trác).

Về nghệ thuật , người Ý chịu ảnh hưởng nghệ thuật by-zantin (tức Hy-lạp). Những tác phẩm nghệ thuật thời thượng cổ lưu lại trong xứ rất nhiều và chi phối các kiến-trúc-sư và các nhà điêu khắc. Cuối thế kỷ



Bản đồ một nhà thờ theo kiến trúc Gothique

họa Ý tiến triển mạnh. Giotto thoát ly ảnh hưởng byzantin và tìm cái gì có tánh cách nhân loại và cảm động nhất trong tôn giáo để làm cho họa phẩm mình có một vẻ đẹp trịnh trọng. Nhìn vào thái độ và bộ điệu ta thấy được cả cái tâm trạng của nhân vật, các nhà hội họa xứ Florence đều nối theo đường lối của ông vạch ra để sáng tác.

Toát-yếu

—O—

1.— Thế kỷ 11 trở về trước, mức sống của xã-hội, Tây phương còn thấp lắm. Lối sản xuất còn lạc hậu, dụng cụ còn thô-sơ. Người ta làm ra chỉ đủ nuôi thân mà thôi. Từ thế kỷ 12 về sau mức sống mới bắt đầu tăng lên, nhờ người ta biết trồng lúa chăn nuôi hơn trước.

2.— Kỹ nghệ lúc ấy cũng phát triển. Thợ bắt đầu làm nghề chuyên-môn và biết tổ-chức thành nghiệp-doàn, có người cai quản và có qui luật hẳn hoi. Công việc làm không vất vả lắm, và đời cũng dễ chịu hơn.

3.— Thương mại là động lực chánh của sự phát-triển kỹ nghệ. Thế kỷ 12 về sau đường giao thông tiện lợi, sự chuyên chở được cải thiện, thương mại bành trướng rất mau. Các thương nhân tổ chức những trung-tâm mậu-dịch quốc tế rất lớn, tức là các thương nghiệp đồng-minh. Trung tâm thương mại quan trọng nhất là La Hanse và Bruges ở Bắc-Âu, Gê-nơ và Venise ở Địa-trung-hải.

4.— Đô-thị thời Trung-cổ phần nhiều còn chật hẹp dơ bẩn, thường hay bị bệnh truyền nhiễm và hỏa hoạn tàn phá. Con người chưa biết phép vệ sinh và còn đặc óc di-doan, mê tín.

5.— Thế kỷ 11 trở đi, đời sống vật chất tiến bộ rất nhiều. Bọn quý tộc và thương-nhân biết trang-hoàng nhà cửa, biết thưởng thức các món cao-lương. Từ đồ đạc trong nhà đến y-phục và đồ ăn thức uống đều sang trọng hơn trước.

6.— Mức sống tinh thần cũng lên cao. Người ta chú ý tới học vấn, và sự học tập do đó mỗi ngày một mở-mang. Ở các trường đại-học, tiếng la-tinh dùng làm chuyên-ngữ, và các sinh viên phải học bốn khoa : Thần học, Tôn qui, Y học, Văn-ngệ. Học thuật và văn nghệ đều tiến bộ và nhiều tác phẩm danh tiếng ra đời.

7.— Nghệ thuật kiến trúc thì có nghệ thuật roman xuất hiện vào cuối thế kỷ 11 và đầu thế kỷ 12. Cuối thế kỷ 12 thì có nghệ thuật gothique giản dị hơn nghệ thuật roman và được công chúng ưa thích hơn.

8.— Văn nghệ nước Anh, Ý-pha-nho, Ý đều chịu ảnh hưởng văn nghệ Pháp. Nhưng đến thế-kỷ 14, nghệ thuật Ý chiếm một địa vị quan-trọng ở châu Âu, nhất là về hội họa.

CHƯƠNG XI

Chiến tranh trăm năm

1. — Nguyên nhân chiến tranh.
2. — Tình hình nước Pháp dưới triều Jean le Bon và Charles V.
3. — Dưới triều Charles VI, nước Pháp bị qua phân.
4. — Jeanne d'Arc giải phóng nước Pháp.

1

Nguyên nhân chính trị gây ra chiến tranh Trăm năm là hai vua Anh Pháp tranh ngôi. Vua Edouard III (Ê-du-a đê tam) nước Anh tự cho mình là người thừa kế của Philippe le Bel (Phí-líp lơ Bêl) vua nước Pháp vì ông là cháu ngoại (1).

(1) Trước thế kỷ 11, nước Anh là một thuộc địa của người La-mã trong 400 năm, kể đến lọt vào tay người Saxon (455-526), người Angles (547-584). Đến thế kỷ 11, người Đan-mạch đến chiếm một phần lớn nước Anh và dựng thành vương quốc của Kanut (Ca-nút). Kanut truyền được hai đời thì năm 1042 người Anglo-saxon đánh đuổi người Đan-mạch và lập Edouard le Confesseur lên ngôi. (1042-1066).

Edouard le confesseur chết, một lãnh chúa xứ Normandie là Guillaume le Conquérant (người Pháp) chiêu mộ võ-sĩ xứ Normandie, Bretagne, Flandre, vượt biển tới xâm chiếm nước Anh và làm vua. Ngôi truyền tới Edouard III là mười đời. Khi xảy ra trận giặc Trăm-năm, chế độ quân chủ Anh đã mất dần tánh cách chuyên chế, và chính thể đại nghị đã manh-nha.

Nguyên nhân kinh tế là hai nước Anh, Pháp tranh giành quyền lợi ở Flandre (Flăng). Từ trước, nước Anh giao thiệp mật thiết với Flandre, một thái-địa thuộc vương-quốc Pháp. Anh bán cho Flandre len và mua lại mĩ. Sau vì các thị-xã Flandre nổi loạn, vua Philippe VI đánh dẹp và tiêu diệt được loạn quân (1328) tái lập ảnh hưởng Pháp ở Flandre, làm cho thương mại Anh chịu thiệt. Để trả đũa, vua Edouard III cấm chở len qua Flandre. Không bao lâu người Flandre thấy mất nhiều quyền lợi nên bỏ Pháp theo Anh.

Chiến tranh xảy ra, nước Anh thắng thế vì tuy các quốc vương Pháp dũng cảm, nhưng không bằng quốc vương Anh mưu lược và quả quyết. Quân đội Anh lại khéo tổ chức hơn quân đội Pháp.

Năm 1340 khi chiến thuyền Pháp bị liên quân Anh và Flandre phá rối, quân Anh tràn lên đất Pháp như vào chỗ không người.

Năm 1346, vua Edouard đệ tam xâm chiếm và tàn phá xứ Normandie, đánh bại quân Pháp ở Crécy (Crê-xy), chiếm hải-cảng Calais (Ca-le) đuổi dần chúng Pháp ra khỏi hải cảng này cho bọn phú hào Anh sang ở.

2

Chiến tranh đến đây tạm đình, vì Âu châu lúc ấy bị binh dịch hạch tàn phá. Năm 1355 thì chiến tranh tái diễn.

Khi quân Anh đổ bộ lên Normandie, ngàn khổ nước Pháp trống rỗng. Vua Jean II le Bon (Jăng đệ nhị) vì cần 3 vạn quân và một số chiến phí rất lớn là

năm triệu đồng nên phải triệu tập quốc hội. Giai-cấp phú hào phải đóng góp nặng hơn hết nên đòi vua phải giao quyền kiểm soát tài chánh cho những người do quốc hội cử lên. Từ đó nước Pháp noi theo nước Anh đi vào con đường đại-nghị lập hiến (parlementarisme constitutionnel).

Năm 1356 ở trận Maupertuis (Mô-péc-tuy) quân Pháp thất bại, Jean le Bon (Nhân-tử) bị cầm tù. Triều đình Pháp càng nguy ngập thêm. Người ta thấy cần phải thiết lập hiến-pháp để đưa toàn-thể dân-tộc ra chống giặc. Tại Ba-lê, hoàng-thái-tử Charles V (Sát đê ngũ, nhiếp chánh. Giai cấp phú hào cương quyết tổ chức thành chánh đảng. Nhưng tại quốc hội ý kiến không thống nhất làm cho sức hoạt động của giai cấp ấy không nhất trí và liên-tục. Etienne Marcel chủ trương biến đổi vương-quốc Pháp thành một liên-bang thị-xã dân-chủ, gây ra một phong-trào cải cách chánh-trị do Ba-lê cầm đầu. Nhưng hoàng thái-tử chống lại. Quần chúng nổi loạn chiếm đền vua, đem máu màu xanh đỏ dội lên đầu hoàng thái-tử và cho đem những tên cố-vấn của ông ra giết.

Cuộc bạo động này gây ảnh hưởng khắp xứ. Ở Vendée (văng dê) phong trào Jacquerie (1) chống qui tộc nổi lên rất mạnh. Một luồng gió cách mạng dân chủ thổi tràn khắp nước Pháp, nhưng quân bạo động bị giai cấp qui tộc tàn sát thẳng tay. Nhà vua trốn

(1) Jacques Bonhomme là tên dùng chế nhạo nông-dân Pháp thời Trung-cổ. Jacquerie là phong trào bạo loạn do bọn Jacques (tức là nông-dân) gây ra chống lại bọn qui-tộc, bọn võ sĩ, bọn cướp đường bóc lột họ. Phong-trào bị đàn áp rồi thì

khỏi Ba-lê, và tại Compiègne (Com-pi-e-ngo), ông triệu tập quốc hội, được quốc hội chấp thuận cho số quốc dụng cần thiết. Etienne Marcel bị ám sát. Nhà vua đánh bại được phong trào cách mạng.

Lúc ấy thì quân Anh đã tiến tới Bourgogne (Buốc-gôn) và quân Pháp đã bị đại bại. Vua Jean II bị cầm tù ở Anh chịu ký tờ qui hàng. Nhưng Charles được quốc hội ủng hộ không chịu buông bỏ khi giới. Rốt cuộc nước Pháp phải ký hòa ước Bretigny (Brê-ti-nhi) (1360) để chấn chỉnh lại nội tình. Theo hòa ước ấy, Pháp phải nhượng lại cho Anh Edouard III vùng Gas-cogne (Gas-cô-nhơ), Guyenne (Gui-dên), Poitou (Poa-tu) và Calais (Ca-le) và một số chiến phí 3 triệu lạng trắng bằng vàng, ngược lại vua Anh không tranh ngôi vua ở nước Pháp nữa.

Jean le Bon chết (1364) hoàng thái-tử Charles lên ngôi tức là Charles V (Sặt đệ ngũ)

Charles V lo cứu vãn nguy trạng của nước Pháp, giao công việc chống người Anh cho Bertrand Duguesclin (Đuy-ghết-cô-lanh). Ông này hàng được quốc vương Navarre, dẹp được những toán cường đạo chuyên cướp đường (gọi là Compagnie). Đối với quân Anh, Duguesclin vì sức yếu nên cố tránh những trận đánh lớn và áp dụng chiến thuật đánh lẻ-tẻ cốt làm

bọn võ-sĩ, chuyên nghề đánh giặc mướn không còn kiên nhẫn nữa. Nhân hòa-ước Brétigny ký xong, chiến-tranh dứt, chúng không có việc làm và kết thành từng đoàn gọi là «Compagnie», bắt cóc người rồi cho chuộc. Người bị chúng bắt thường bị tra tấn tàn nhẫn, nếu không chịu chỉ chỗ giấu tiền. Khắp nước Pháp bấy giờ không một nơi nào tránh khỏi tay bọn ấy.

cho kẻ địch mệt mỏi. Nhờ chiến thuật này ông chiếm lại những đất đai nhường cho Anh theo hòa ước Brétigny, tiêu diệt được ba đạo quân Anh khi quân này kéo xuyên qua nước Pháp.

Năm 1380, khi Duguesclin và Charles V chết, người Anh chỉ còn giữ được Bayonne, (Bây-dôn) Bordeaux (Boóc-đô) và Calais (Ca-le) mà thôi.

3

Người kế vị cho Charles V là Charles VI mới có 12 tuổi. Chánh quyền bị phân chia giữa chú, bác của vua là các công tước xứ Anjou (Ang-ju) Berry (Be-ry) Bourgogne (Buộc-gôn). Bọn hoàng-thần này có tài ăn chơi hơn là cai trị. Tài sản nhà nước không bao lâu đều đổ vào yến tiệc. Trong nước thường có loạn và loạn thường bị đánh dẹp một cách tàn nhẫn. Năm 1388 Charles VI đuổi bọn hoàng thần, sửa lại triều chánh, nhưng đến năm 1392 vua mắc bệnh điên. Bọn hoàng thần lại lên cầm quyền ; cảnh truy lạc trong triều lại tái diễn.

Đồng thời công tước xứ Orléans (Ôc-lê-ăng) và công tước xứ Bourgogne tranh quyền nhau. Công tước xứ Orléans bị giết. Trong nước lại diễn ra cuộc nội chiến giữa hai phe Bourguignon (Buộc-ghi-nhông) của công tước xứ Bourgogne và phe Armagnac (Ăc-ma-nhắc) của công tước xứ Orléans. Dân chúng không chịu được thống khổ lại nổi lên làm loạn. Năm 1413, có một lúc bọn dân nghèo Cabochien (Ca-bô-siêng), tức là phe đảng của Caboche (Ca-bô-sơ) làm chủ thành Ba-lê.

Nhân tình hình ấy, vua Henri IV nước Anh (Hăng-ri đệ tứ) xua quân qua Pháp và thắng trận Azincourt (A-danh-cua), năm 1415.

Dựa vào quân Anh, Jean sans Peur (1) thủ lãnh phái Bourguignon muốn chiếm giữ cả nước, nhưng không bao lâu bị hoàng thái tử giết trong một cuộc hội kiến. Con của Jean sans Peur là Philippe le Bon (2) liên minh với quân Anh để chống Pháp. Hoàng hậu phải ký hiệp ước Troyes (Troa), bỏ con mình đi để nhận vua Anh (Henri V) nối ngôi vua Pháp. Nước Pháp vì hiệp ước Troyes thành ra lệ thuộc nước Anh.

4

Khi Charles VI chết (1422) nước Pháp đã lâm vào một tình-trạng hết sức thảm khốc. Đất đai bị phân chia, nạn đói, nạn cướp tàn hại dân chúng. Trong nước có đến hai vua : Henri VI (Hăng-ri đệ lục) chiếm giữ miền Bắc nước Pháp và vùng Guyenne, còn Charles VII (Sát đệ thất) vua chánh thức của Pháp bị phế vì hiệp-ước Troyes thì ngự-trị trên các lãnh-thổ miền Nam sông Loire (Loa). Địa-vị Charles VII không lấy gì làm vững lắm.

Năm 1428, quân Anh vây Orléans, thành trì binh phong của lãnh thổ Charles VII, và khi họ sắp hạ thành thì Jeanne d'Arc (Jăn-Đa) xuất hiện. (3)

(1) Jăng vô-ủy, (không biết sợ)

(2) Philip Nhân từ.

(3) Jeanne d'Arc là con một gia-đình nông-phu ở vùng

Ngày 30 tháng 4, Jeanne vào thành Orléans thì ngày 8 tháng 5 quân Anh bị đánh lui. Từ đó khắp nước Pháp nổi lên một luồng gió hy-vọng.

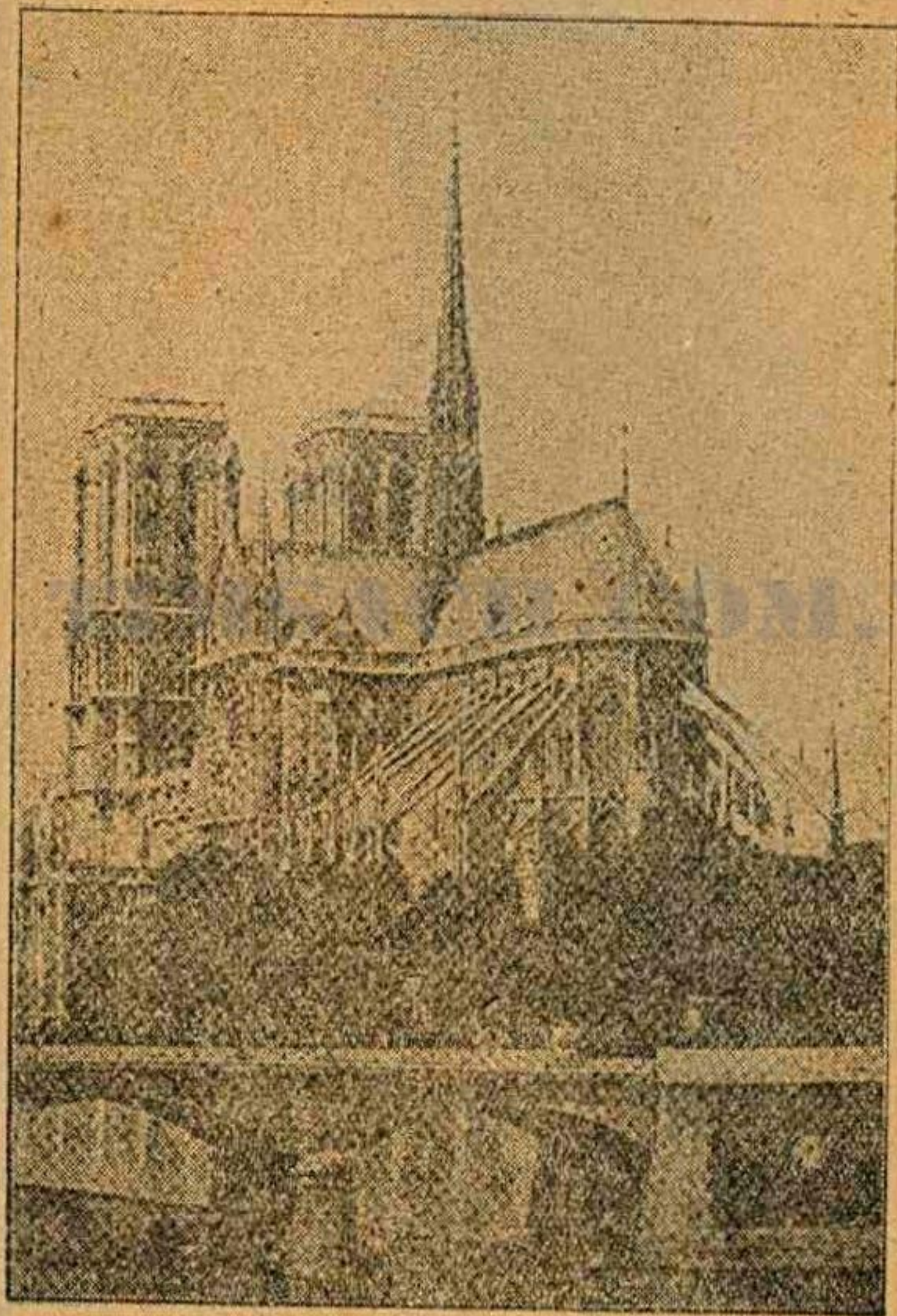
Kể đó Jeanne rước vua về Reims (Rê-m) để chịu lễ tấn phong theo tục lệ bấy giờ. Nhưng không bao lâu trận đánh Ba-lê thất bại, vua phải trở về phía Nam.

Năm 1430, không chịu được thái-độ ganh tị của bọn cận thần và cũng chán cảnh sống an-nhàn, lười biếng, suy dọ của một triều-đình phong kiến, Jeanne lại ra quân đánh giải vây thành Compiègne (Com-pi-è-gne). Nàng bị quân Bourguignon bắt bán lại cho người Anh, bị giam cầm rất khổ sở. Sau cùng tôn-giáo pháp-đình, dưới quyền điều khiển của người Anh, kết nàng về tội tà giáo, xử nàng phải hỏa thiêu, và ngày 30 tháng năm 1431, nàng bị đem lên giàn lửa tại Rouen (Ru-ăng). Năm ấy nàng được 19 tuổi.

Năm 1435, lãnh chúa xứ Bourgogne cùng Charles VII, ký hòa ước Arras (A-ra) phân định ranh giới lãnh thổ của mỗi bên. Quân Anh vì hiệp ước này phải yếu

biên-giới tỉnh Lorraine (Lo-ren) và Champagne (Sâm-ban) nước Pháp. Năm 13 tuổi, trong lúc chăn cừu nàng nghe tiếng nói thiêng-liêng giục nàng cứu hoàng-thái-tử (Charles VII) và giải nguy nước Pháp. Có người hoài-nghĩ Jeanne d'Arc là một nhân-vật có thực. Chuyện Jeanne d'Arc người ta có bịa ra một phần nào để gọi lòng ái-quốc của người Pháp lúc ấy chăng? Jeanne d'Arc là tưng-'rưng của nông-dân Pháp, một tượng-trung trong sạch từ thể xác đến tinh thần. Nàng ra đời để chứng tỏ rằng sự mạng của bọn quý tộc phong kiến và bọn võ sĩ đã hết. Việc cứu nước chỉ còn trông cậy vào nông-dân mà thôi.

thế. Khắp xứ Pháp dân chúng nổi lên chống lại họ. Năm



Kiến trúc Gothique.
(nhà thờ Notre dame de Paris)

sau người Pháp chiếm lại Bá-lê (1436) Năm 1444, người Anh xin ngưng chiến.

Khi chiến tranh tái diễn (1449), Charles VII khôi phục xứ Normandie, rồi Guyenne. Năm 1453, quân Anh rút khỏi Bordeaux (Boóc-đô). Đến đây Chiến-tranh Trăm năm kết liễu. Trên đất Pháp người Anh chỉ còn giữ được hải-cảng Calais.

Toát-yếu

—O—

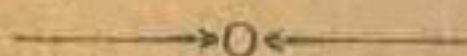
1.— Vì vua Anh Edouard III đòi ngôi vua nước Pháp và vì sự tranh giành quyền lợi ở Flandre giữa hai nước mà sanh ra Chiến Tranh Trăm năm. Pháp bại trận ở Crécy (1346) và ở Poitiers (1356) phải ký hiệp ước Brétigny nhường cho Anh gần trọn Tây bộ nước Pháp

2.— Pháp lâm vào tình trạng nguy khốn. Nông dân (Jacquerie) bạo động; bọn cường đạo (Compagnie) cướp phá, giai cấp phú hào đòi kiểm soát chánh quyền (1357). Nhưng hoàng-thái-tử Charles vẫn làm chủ được tình thế (1358).

3.— Dưới triều Charles VI (1380-1442) bọn vương thân tranh giành địa vị gây thành nội chiến. Nước Pháp suy-yếu bị bại binh ở Azincourt (A-danh-cua), phải ký hiệp ước Troyes (1420) chịu lệ thuộc nước Anh

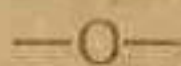
4.— Khi vua Charles VII lúc ấy chỉ giữ được Nam bộ nước Pháp sắp bị đánh thì Jeanne d'Arc xuất hiện,

giải vây Orléans, cứu nước vua về làm lễ tấn phong ở Reims. Nhưng trận Compiègne nàng bị bắt và bị hỏa thiêu tại Rouen (1431). Kế đó, lãnh chúa xứ Bourgogne bỏ Anh, ký hiệp ước Arras (1435) với vua Pháp. Nước Anh thất thế bại trận liên tiếp. Về sau, khi chiến tranh dứt, Anh chỉ còn giữ được Calais mà thôi.



Kết luận phần thứ nhất

MỘT ĐIỂM QUAN TRỌNG CẦN CHÚ Ý



Các rợ phương Tây khi tràn vào đế quốc La-mã, đã chấm dứt thời Thượng cổ và mở đầu một thời kỳ khác trong lịch sử, thời kỳ Trung cổ. Chế độ xã-hội trong thời kỳ này là chế-độ phong kiến. Điều đáng chú ý trong thời kỳ này là các dân tộc Tây-Âu khi bị dồn ép trong cương-vực lãnh thổ mình thì hướng sự tiến hóa xã-hội đi vào bề sâu. Không thể tràn vào các vùng đất hoang, rừng rú, để tiến theo bề rộng như các dân tộc phía đông sống giữa đại lục mênh mông, họ chen chúc tạo lập những vùng kinh tế, văn hóa của những thành thị kỹ nghệ. Kết quả những phần tử nông dân giàu óc sáng kiến, tháo vát biến thành thương nhân, thủ công, sau này kết tụ thành đệ tam giai cấp tức là giai cấp thị dân hay tư sản giai cấp.

Vai trò giai cấp thị dân trong sự tiến hóa của xã-hội quan trọng vô cùng. Nhờ có giai cấp ấy mà lịch sử Tây phương vượt qua giai đoạn phong kiến để tiến tới

giai đoạn tư bản hùng-cường. Vì thiếu giai cấp ấy mà lịch sử Đông phương đứng mãi một chỗ đề rồi chịu lệ thuộc Tây phương. Triều đại có thay đổi, nhưng trạng thái xã-hội trước sau như một. Đó là một sự thật đáng ghi lại để nhận rõ những bước đường tiến hóa sắp tới ở thời Cận đại và Hiện-dại.

Giai cấp tư sản sau này là một trong những yếu tố chủ động trong các cuộc biến đổi thúc đẩy xã hội tiến lên.



Dưới gót các rợ, văn minh Tây Âu vào thế kỷ thứ 6 về sau đã suy dọa lắm. Trong đám rợ ấy, người Franc gồm có nhiều phần tử quả quyết và thuần nhất hơn cả. Quốc gia Franc thoát được tình trạng lụn bại chung và về sau tạo nên những cường quốc Đức Pháp. Từ thời Clovis qua Charlemagne đến chiến tranh thập tự, thời kỳ quân chủ chuyên chế, người Franc và sau này người Pháp mở rộng con đường tiến hóa. Cuộc đại cách mạng thế kỷ 18, Pháp đã thay đổi một chế độ xã-hội trên khắp lãnh thổ châu Âu. Và cuộc cách mạng ấy do giai cấp tư sản đảm nhận.

PHẦN THỨ HAI

TRUNG HOA TỬ NGŨ-ĐẠI .VN

ĐỀN NGUYỄN



CHƯƠNG I

Nhà Bắc-Tống

1. — Nhà Bắc Tống diệt thập quốc, thống nhất Trung Hoa
2. — Chánh thể trung ương tập quyền dưới triều Tống :
kết quả hay và dở.
3. — Sự phát triển của xã-hội Trung hoa dưới triều Tống :
kinh tế, chánh trị, văn hóa.
4. — Nhà Tống dưới áp lực của Bắc Liêu và Tây hạ.
5. — Kế-hoạch cải cách của Vương-An-Thạch.
6. — Người Kim diệt Bắc Tống.

1

Sau loạn Hoàng-Sào, nhà Đường suy nhược Tiết độ sứ các trấn nổi lên chống lại triều đình, mỗi người tự tạo một địa vị độc lập.

Rốt cuộc Chu-Toàn-Trung, ở trấn Đại-lương, cướp được ngôi Đường, lập lên nhà Hậu-Lương. Nhưng không bao lâu ngôi vua lại về tay kẻ khác và cứ như thế trải qua 53 năm (từ 907-960) gồm có năm đời Hậu-Lương, Hậu Đường, Hậu Hán, Hậu Tấn, Hậu Chu, tổng cộng 13 vua ; sử gọi là Ngũ-dại.

Thời Ngũ-dại, những người xưng hùng dựng thành mười nước độc lập ; sử gọi là Thập quốc.

Đời Hậu Chu, vua Thế-Tôn mất, con là Tôn Huân lên ngôi xưng là Cung-đế. Vua Cung-đế mới có bảy tuổi, bốn quân nhân muốn nhân đó cướp ngôi. Triệu-khuông-Dẫn được lệnh đem quân đi dẹp giặc. Đến Trần Kiều Khuông Dẫn gây thành cuộc binh-biến khiến tướng sĩ đem hoàng bào mặc cho mình rồi xưng đế, đem binh trở về Biện-kinh bỏ Cung đế lập thành nhà Tống tức là Tống-Thái Tổ.

Lên ngôi xong, Thái-tổ lo bình định Thập quốc : phía Đông-nam đánh Nam Đường và Ngô-Việt, phía Nam, đánh Nam-bình và Nam Hán ; phía Tây đánh Hậu Thục ; phía Bắc đánh Bắc Hán. Các nước ấy đều thua cả, trừ Bắc Hán đến Thái-Tôn mới dẹp xong. Từ đó nước Tàu được thống nhất.

2

Muốn tránh cái họa tiếm đoạt thường xảy ra, Thái-Tổ tìm cách giải trừ binh quyền, của công thần, triệt để lập chế độ trung-ương tập quyền, đem tất cả đất đai, binh lực, tài chánh của các phiên trấn ngày trước quí tụ vào triều đình trung ương cả. Đồng thời Thái Tổ, tổ chức quyền trung ương thành Trung-thư sảnh coi việc chánh trị, khu mật viện coi việc binh lính, Tam-ty sự coi việc tài chánh và đặt chức Ngự sử trung thừa giữ quyền giám sát. Các cơ quan này đối với nhau thì độc lập, nhưng đều họp lại trong tay

hoàng-dế. (1)

Chánh sách này tuy nhất thời làm cho địa vị hoàng đế vững chắc hơn, nhưng trái lại cũng gây ra nhiều kết quả tai hại. Một là những người tài năng không được dùng ở biên trấn đều lặn về kinh-dò, mà ở đây thì chức vụ cao trọng có hạn. Người thừa chỗ thiếu, họ kết bè lập đảng tranh giành địa vị của nhau khiến chánh trị trong nước phải hư nát. Hai là quân lính luân phiên mãi thì sự luyện tập không chu đáo ; các quan văn thay tiết-độ sứ thì kinh nghiệm không đủ để chỉ huy ; khi có giặc sức đương cự với quân địch tất nhiên phải thiếu. Ba là lúc mất mùa đói kém chánh phủ dùng chách sách chiêu-mộ những người thất nghiệp lưu manh vào quân đội làm cho tài chánh trong nước vì phải nuôi một số lính quá đông mà phải hao hụt. Ba cái kết quả ấy về sau hãm nhà Tống vào một tình thế hết sức nguy ngập.

3

Ngoại trừ những khuyết điểm nói trên, chế-độ trung ương lập quyền và sự thống nhất lãnh-thò làm

(1) Ở phiên trấn có tiết độ sứ nào từ chức hay chết thì triều đình cho quan văn đến thay. Việc quân chính và dân chính có thông phán xem xét và tâu lên triều đình. Lực lượng các tiết độ sứ đều lập trung về trung ương. Ở các lộ có quan chuyển vận sứ kiểm điểm việc thu xuất tài chính, số thừa phải nộp về triều đình, mỗi năm triều đình cho quân sĩ ở kinh ra thay quân sĩ biên trấn để không ai được ở lâu một chỗ, có thể gây tình quen thân với nhau và tạo thành một sức mạnh. Vua lại dùng chức của tể-tướng Triệu-Phổ hãm dọa các công thần có uy-thể, buộc họ phải từ chức.

thành một sức tiến triển mạnh của Trung-Hoa.

Về kinh tế thì công-nghệ phát đạt hơn đời Đường. Số thợ dùng trong xưởng dệt, xưởng nấu sắt, xưởng binh khí của tư-nhân và của nhà nước lên tới số trăm, số ngàn, số vạn. Công nhân làm thuê càng ngày càng đông ; số công nhân cưỡng bức và nô tì thì lại giảm bớt. Điều ấy chứng tỏ công nghệ đã có một nền tảng vững chắc. Thủ-công-nghiệp cũng hợp thành những tổ chức công-đồng rộng lớn không lấy khu vực lại lấy tinh đồng nghiệp làm tiêu-chuẩn.

Đồng thời thương nghiệp cũng phát triển mạnh. Sự đi lại buôn bán không còn bị hạn chế trong khu-vực nhỏ hẹp của các tay quân phiệt phong kiến ngày trước mà lại được thông suốt toàn cõi. Nền kinh-tế đến đây đã có tánh cách quốc gia. Một giai cấp thương nhân xuất-hiện, trong đó có nhiều tay giàu lớn. Người ngoại-quốc đến buôn bán ở các thương-cảng ở Đông-Nam nước Tàu như Quảng châu, Tuyền châu và Hàng châu rất nhiều. Nhiều đô thị lớn được thành lập, dân số có đến hàng trăm ngàn người.

Tiền tệ thì ngoài vàng, bạc, tơ lụa, người Tống đã biết dùng tiền giấy do các nhà phú hào làm ra gọi là giao tử. Đến đời Nhân-tôn Chính phủ giữ lấy quyền phát hành giao tử, nhưng mỗi kỳ số phát ra không được quá 1.256.340 quan. Giao-tử là thứ tiền giấy cổ nhất.

Nông nghiệp thì nhà Tống lo cứu vãn lại tình hình nguy ngập của thời Ngũ-dại để lại. Thời ấy vì loạn lạc mà ruộng đất một phần phải bỏ hoang, một phần lọt vào tay quý tộc, quan liêu, địa chủ, thương-

nhân. Vì lẽ ấy mà sang đời Tống, lúc đầu nông nghiệp không theo kịp công-nghệ và thương-mãi. Nông-dân không đủ ruộng đất cày cấy, mặc dầu nhà nước chú ý khai khẩn thêm nhiều. Đã vậy mà nông-dân còn phải chịu lắm phụ-dảm. Ngoài thuế ruộng họ còn nạp những món thuế phụ-gia (tức là thuế đặc biệt ngoài thuế chánh), thuế-dinh và các tạp thuế khác. Đời Nam Tống chiến-tranh càng nhiều hơn, nhân dân phải gánh thêm những số chiến-phi lớn. Có năm họ phải đóng góp tới gần 100 triệu quan.

4

Phương diện tri thức thì Nho giáo được dùng làm một lợi khí thống trị của bọn quan liêu. Các học giả đời Tống đem tư tưởng Lão, Trang pha lộn tư tưởng Khổng-Tử tạo thành một thứ Tân-Khổng-giáo nhằm mục-dịch vừa chế ngự bọn anh hùng phong kiến muốn thoát ly quyền lực hoàng đế như thời Ngũ-dại, vừa dập tắt tinh thần quật cường của nông-dân phản-nất, vừa chi phối áp lực của người ngoại tộc Liêu, Kim đã chịu ảnh hưởng văn hóa Trung-quốc rất nhiều. (1)

Các triết-gia Trung-quốc đồng thời là những tay văn chương lỗi lạc vừa là học giả uyên-thâm, tận lực chú-giải học thuyết Khổng-tử, dựng lên một học phái duy-lý và tự-nhiên. Người đại diện của phái này là Chu-Hy, về Tống học trong sách *Trung-hoa sử-cương*

(1) Chu-Liêm-Khê, Trương-hoành-Cử, Trình-minh-Đạo, Trình-y-Xuyên, Chu-Hy là những học giả đề xướng Tống-học

Ông Đào-duy-Anh có nói : « Tổng học có tinh thần suy cứu bản thể Vũ-trụ và bản-tính nhân loại. Chu-Tử giải thích câu «Tri tri tại cách vật» trong sách Đại học rằng: « Tri là suy đến tột mực, tri là tri thức vậy ; suy những điều tri thức của ta cho đến tột mực, muốn cho không cái gì là không biết đến nơi đến chốn ; cách là đến, vật là sự vật, tìm cho đến lý của sự vật, muốn cho đến chỗ cùng cực ». Điều ấy biểu thị một phương pháp qui nạp gần với khoa học. Song phương pháp qui nạp ấy không phát triển được đầy đủ, cho nên tự nhiên khoa học không phát triển được. Tổng nho lại tinh về học huấn hũ và biểu hiện được tinh thần phê bình. Cái tinh thần tự do tư tưởng ấy mạnh mẽ được là nhờ ảnh hưởng kinh tế thương nghiệp phát đạt... ».

Về nghệ thuật đời Tống được coi như là thời đại quang vinh nhất. Văn nhân Tống vừa giữ lễ lối cổ điển từ Hàn-Dũ để lại, vừa làm cho văn thể được phóng thích, uyển chuyển, lưu loát hơn. Họ thi-vị hóa văn xuôi, gạn bỏ những điển cổ đã làm cho lời văn nặng nề, tư tưởng lối lăm. Thơ đời Tống tự do hơn đời Đường. Đặc biệt nhất là loại từ, âm điệu phong phú, phổ vào nhạc được. Trong thơ ngoài cái đẹp nghệ thuật còn hàm súc tư tưởng triết lý nữa. (1)

Hội họa Tống cũng đã đạt đến chỗ tinh vi. Họa sĩ không kể đến nguyên tắc viễn thị (principes de perspective) và thuật cho bóng. Bị người Tây-phương

(1) Âu-dương-Tu, Tô-tuần, Tô Thức, Tô Triệt. Tăng-Củng Vương-an-Thạch là những văn nhân thi-sĩ danh tiếng nhất của nhà Tống và của Trung-Hoa.

chỉ trích, họa-sĩ Trung quốc bảo rằng thuật cho bóng làm cho bức tranh mất vẻ đẹp, và nguyên tắc viên thị làm hỏng tinh thần nghệ thuật. Theo ý họ họa, phẩm không cốt diễn tả đúng sự thật mà làm bật nổi tinh thần của sự thật ấy. Phải chăng khuynh hướng nghệ thuật ấy thiên về tượng trưng và ấn tượng? Một đặc điểm nữa là họa sĩ không dùng nhiều màu. Nước mực (thủy mặc) đủ cho họ tạo nên một bức tranh có sức cảm xúc phi thường. Họ bảo rằng đứng trước bức tranh thủy-mặc khán giả có thể dùng tinh thần của mình mà thấy đủ màu sắc được.

Về đồ sành người Tống ghi được một tiến bộ tối quan trọng là họ tìm được nước men. Từ đời Thuấn, người Tàu đã biết nung đất để làm đồ dùng. Đời Đường đồ đất nung có phần tinh luyện, da mịn và không rịn nước. Sang đời Tống mới phát minh được nước men và vẽ được hình. Nhưng hình vẽ ấy chưa được tinh vi như đồ sành, đồ kiểu đời Minh. Trên nước men trắng ngà họ mới vẽ được những cảnh hoa, những dấu hiệu màu gạch thúi (ocre). Đồ sành có tiếng đời Tống để lại là đồ da rạn và đồ nước men màu lục lợt (céladon).

4

Nửa thế kỷ đầu, nhà Tống thúc đẩy được nước Tàu tiến mạnh trên đường thịnh vượng. Nhưng đời sống thái-bình làm cho quân lính trở thành vô dụng, mất hết năng lực chiến đấu. Cho nên khi vua Thái Tôn đem quân lên phía Bắc toan khôi phục lại đất Văn, đất Yên bị người Liêu chiếm thì chẳng những cả ba

dao quân của ông đều bị thua to mà người Liêu còn thừa cơ hội ấy xâm lấn miền Bắc, làm cho nhân dân phải khổn khổ.

Năm 1125, người Liêu vượt qua biên giới, chiếm thủ đô Khai-phong ở hạ vực sông Hoàng-hà. Quân đội nhà Tống không đủ sức ngăn cản nên triều đình phải xin nghị hòa, phải nạp cho Liêu mỗi năm 10 vạn lạng bạc, 20 vạn tấm lụa để quân Liêu rút về. (1)

Từ đó nước Tống yếu thế. Tiếng thì trăm năm sau hai nước Liêu Tống vẫn giao hảo với nhau mà sự thật thì Tống bị Liêu bức sách đủ điều.

Lãnh thổ của Liêu hồi ấy gồm cả Đông-tam-tĩnh, Mông Cổ, Tân-cương và đất Yên, đất Vân tức là bắc bộ tỉnh Hà-bắc, Sơn-tây ngày nay (2)

Ngoài áp-lực của Bắc-Liêu, Tống còn bị áp-lực của Tây-Hạ, (3) một nước ở phía Tây-bắc Tàu, giáp ranh với Liêu. Tây-hạ trước kia, dưới triều Đường, cũng lệ thuộc Trung-quốc, và đời Tống sơ cũng còn xưng thần. Nhưng sang đời Tống Chân-tôn, vua Tây-hạ là Nguyên-Hạo biết hướng việc tổ chức xã-hội Tây-

(1) Trong sách « Les grands courants de l'Histoire universelle » ông Jacques Pirenne nói Tống phải nộp cho Liêu mỗi năm 175.000 ki-lô vàng và một triệu tấm lụa. Nhưng nước Tàu hồi ấy đủ sức sản xuất số vàng lụa ấy không? Hay là sử-gia Trung-quốc vì quốc thể mà giảm bớt con số thuế cống ấy?

(2) Người Liêu nguyên là giống rợ Khiết-đan đến ở phía Bắc nước Tàu từ năm 836, chiếm cứ Bắc kinh, lập thành một cường quốc và đến năm 1125 tiến quân về phía Nam đánh thắng được nước Tống.

(3) Người Tây-hạ là giống Tây-tạng.

hạ theo khuôn-mẫu xã-hội Trung-hoa, tự tạo lấy một sức mạnh rồi đánh lấy 18 châu Hà-tì-y tức là bắc-bộ các tỉnh Thiểm-tây, Cam-túc, Tuy-viên và đất Tây-sào, Mông cổ ngày nay, lập thành một nước hùng cường, hằng năm vào đánh phá Trung-quốc.

Nhà Tống vì còn phải đối phó với nước Liêu nên đành phải cầu hòa với Tây hạ và chịu cống nạp trả 25 vạn rưỡi cân, và bạc 25 vạn rưỡi lạng như đã nộp cho Liêu.

5

Ngoài áp lực Bắc liên Tây-hạ bên ngoài, triều đình Tống còn phải đối phó với những phong-trào biến-loạn bên trong. Nông dân vì không kham nổi thuế má và sự bóp nặn của bọn địa chủ, bọn cho vay nặng lãi, nổi lên phản đối chánh phủ. Họ nêu lên khẩu hiệu «chia của» để thúc đẩy phong trào (1). Tình trạng nhà Tống mỗi ngày một nguy ngập, nhưng triều đình không biết phải xử trí cách nào.

Lúc ấy có Vương-an-Thạch đưa kế hoạch cải-cách gọi là Tân pháp gồm có mấy điểm sau này :

Phép thanh miêu— . Chánh phủ cho dân vay tiền

(1) Đời Thái-Tôn nhà Bắc-Tống Vương-Tiêu-Ba khởi loạn ở Tứ-Xuyên giết hại quan lại và phủ hào rất nhiều (993). Đời Huy-lôn nhà Bắc-tống, Phương-lập phản loạn ở Chiết-giang tàn phá cả miền Giang-nam (1120). Đời Cao-tôn nhà Nam-Tống Chung-Tương và Dương-Yên nổi loạn ở Hà-nam. Ở Hoải-nam, Tống-Giang chiếm cả vùng Kinh-đông và Giang-bắc. Truyện bọn Tống-giang được viết thành tiểu thuyết, tức bộ Thủy-hủ.

khí lúa còn xanh, đến khi lúa chín thì trả lại với hai phần lời, (Vay của địa-chủ phải trả đến 100 phần lời.) mục đích giúp nông dân tránh nạn cho vay nặng lãi.

Phép miễn dịch.— Người nào không làm sưu dịch được thì lấy tiền nộp thay. Nhà nước lấy tiền ấy mướn người thất nghiệp, mục đích thêm công ăn việc làm cho dân.

Phép thị dịch : nhà nước mua lại các nhà buôn những hàng hóa không bán được để bán, còn các nhà buôn ai cần tiền, thì nhà nước cho vay với một số lời nhẹ, mục đích là giúp tiểu thương và tiểu công-nghệ đứng vững được.

Phép quân du.— Chỗ nào có phẩm vật nhiều, nhà nước chở tới chỗ thiếu, mục đích trừ cái nạn con buôn đầu-cơ tăng giá hàng.

Phép phương điền, quân thiế — Đo ruộng đất cho đúng để đánh thuế cho đều.

Phép bảo giáp. — Dùng dân thay cho lính để tập cho họ biết phòng vệ địa phương, đến khi hữu sự họ có thể đi lính được.

Vương-an-Thạch sa thải quân sĩ già yếu, mộ thợ giỏi để chế tạo binh khí, cốt ý tổ chức một đội binh hùng hậu đủ sức giữ gìn bờ cõi.

Phép bảo mã.— Giao ngựa cho dân nuôi, và miễn thuế cho người nào nuôi được, mục đích là khuyến-khích sự nuôi ngựa, phòng khi chiến tranh có nhiều ngựa mà dùng.

Phép nông điền thủy lợi.— nhằm vào mục đích làm cho đất ruộng sanh sản được nhiều.

Vương-an-Thạch cho đặt một cơ quan chỉnh-lý tài chánh tại kinh đô gọi là Tam-ti điều-lệ-ti có nhiệm vụ ghi chép những món tiêu phí của quốc gia hằng năm, biên thành sách tịch để ban bố khắp nước. Nhờ sự chỉnh-lý ấy mà số tiền tiêu phí vô ích được giảm đến bốn phần mười. Số tiền lợi ra đó, được dùng để tăng lương bổng cho quan lại hầu tránh nạn những nhiều dân.

Vương-an-Thạch còn cho lập trường học khắp nơi ; cho dạy các khoa học chuyên-môn như luật-học, y-học và dùng người có chân tài làm thầy dạy.

Chương trình cải cách của Vương-An-Thạch kể ra có lợi rất nhiều cho nhà Tống và nước Tàu bấy giờ. Nhưng bọn quan lại thủ cựu, bọn địa chủ, phú hào bọn cho vay nặng lãi hết sức phản đối. Trong triều chia ra làm hai phe : cựu đảng (1) và tân đảng (2) kinh chống nhau không ngớt, khiến cho chánh trị trong nước càng thối nát thêm. Những kẻ có phần sự thực hiện cải cách lại không làm đúng, nên kết quả không ai được thỏa mãn mà mọi người đều bất bình.

Giữa lúc ấy thì nước Liêu xâm lấn cương giới phía Tây, lấy mất bảy trăm dặm đất, phía nam cuộc viễn chinh đánh Giao-chi bị thất bại làm cho Trung-hoa thêm hao binh tổn tướng.

Tống-Thần-Tôn mất. Triết-tôn còn nhỏ. Triều đình qui tội làm lụn bại quốc gia cho các nhà « cải

(1) Cựu đảng gồm có Tư-mã-Quang, Hàn-kỳ, Phú Bật, Âu-dương-Tu v.v...

(2) Tân đảng gồm có Lã-Huệ-Khanh, Chương-Đôn v.v...

cách ». Bà Thái-hoàng-thái-hậu Cao-thị cầm quyền chánh cho vời Tư-mã-Quang thủ lãnh cự đảng ra làm tể tướng thay Vương-An-Thạch và bãi bỏ hẳn Tân-pháp.

Không bao lâu, Tư-mã-Quang mất, cự đảng lại chia làm ba phái (1) tranh giành ảnh-hưởng lẫn nhau. Nhưng khi Triết tôn thân chinh thì ông lại dùng người của tân đảng. Bọn này đem Tân-pháp của Vương-an-Thạch ra dùng và giết hai người của cự đảng ngồi ngàn nhà.

Đến đời Huy-tôn, thì chánh quyền lại lọt vào tay đàn bà, tức là Thái-hậu Hường thị. Thấy cái họa đảng tranh làm cho quốc gia càng ngày càng suy nhược thêm, Thái-hậu muốn dung hòa hai phe tân, cự. Hàn-Trung-Ngan, cự đảng và Tăng-Bổ, tân đảng, cùng được cử làm Tướng quốc.

Nhưng kết quả cái họa bè đảng không dứt được. Hai người được vua Huy-tôn tin dùng là hoạn quan Đồng-Quân, và Sài-Kinh thuộc tân đảng. Tuy Sài-Kinh theo Tân pháp của Vương-An-Thạch, nhưng cốt dùng Tân pháp làm lợi khí chống lại phe địch chứ không cốt lo sửa sang việc nước. Về sau, bỏ cả Tân pháp, ông chỉ biết xài-phi của nước, đục khoét nhân dân, làm cho nước thêm nghèo dân thêm khổ. Triều đình còn phạm lỗi chánh trị rất lớn là muốn gây uy-thể mà nghe lời Đồng-Quân liên minh với nước Kim đánh nước Liêu, để sau khi dẹp được Liêu xong Tống bị Kim xâm lấn.

(1) Phái Lạc do Trình-Hỷ cầm đầu, phái Thục do Tô Thục cầm đầu, phái Sóc do Lưu-Chi cầm đầu.

6

Người Kim nguyên là các giống rợ Nữ-Chân gọi là Sinh-nữ-chân và Thục nữ chân ở khoảng thượng du sông Hắc-Long. Thời Ngũ-dại rợ này lệ thuộc nước Liêu. Đến đời vua Tôn-chân nước Liêu, tù trưởng rợ Sinh-nữ-chân nổi lên, xưng vương, đặt tên nước là Đại Kim và đem quân xâm lấn nước Liêu, chiếm được Trung-Kinh. Vua Liêu là Thiên-Tộ phải trốn.

Triều Tống tưởng có thể nhân tình thế suy-nhược của Liêu, hợp sức với Kim để lấy lại những đất đai bị Liêu chiếm ngày trước. Nhưng kết quả quân Tống đánh không lại quân Liêu mà đất đai thì lọt vào tay Kim cả.

Diệt xong Liêu, Kim đã không chia cho Tống một tấc đất nào đã lấy được của Liêu, còn bắt Tống phải nộp mỗi năm một triệu quan tiền và 200 ngàn thạch lương mới chịu trả đất Yên-kinh (Bắc kinh) và 6 châu lại cho Tống.

Nhưng Tống chưa kịp nộp tiền và lương thì Kim đã kéo quân sang vây hãm Biện kinh, bắt Thượng-hoàng Huy-tôn, vua Khâm tôn cùng hậu phi, hoàng tộc hơn 3 ngàn người đem về Bắc.

Nhà Bắc-Tống đến đây là dứt.

Toát yếu

—O—

1. Sau loạn Hoàng-Sào, nước Tàu gặp loạn Ngũ-dại. Trong khoảng 53 năm các nhà Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Hán, Hậu Tấn, Hậu Chu nối tiếp nhau.

Đến đời Hậu Chu, Triệu-Khuông-Dẫn cướp ngôi Cung đế lập thành nhà Tống và thống nhất Trung-hoa.

2. Lên ngôi, Triệu Khuông Dẫn liền bãi bỏ chế độ tiết-dộ-sứ, thiết lập chánh phủ trung- ương tập quyền, làm cho quyền hoàng đế kiến cố hơn trước.

3. Kinh-tế nước Tống phát-triển mạnh. Công-nghệ, thương-mãi đều sung thanh hơn đời Đường. Giao-dịch với ngoại quốc mở rộng ; thương-cảng lớn thêm. Tiền giấy đầu tiên gọi là giao-tử được phát hành. Về nông nghiệp, chánh phủ tu chỉnh tình hình hoang phế từ Ngũ-dại, nhưng đời sống nông dân còn kham khổ lắm.

Các học giả Trung hoa do Chu-Hi cầm đầu sửa đổi Khổng-giáo làm thành một lợi khí đặc lực của chế độ quân chủ chuyên chế. Văn thơ Tống đến lúc cực thịnh. Văn thể phóng dật, uyển chuyển, nội dung thâm áo, ý vị. Hội họa có lối thủy-mặc là đặc biệt nhất. Đồ sành thì người Tống tìm được nước men.

4. Đến đời Thái-tôn, nước Tống bị Liêu và Tây-hạ áp bức. Triều đình phải nạp rất nhiều vàng và lụa cho hai nước ấy mới được họ dễ yên. Trong lúc ấy thì nông dân bị bóc lột nổi lên làm loạn.

5. Để cứu nguy, Vương-An-Thạch cho thi hành Tân-pháp để dân đỡ nghèo và nước đủ sức đương đầu với ngoại địch nhưng tân pháp bị bọn quan lại thủ cựu, địa-chủ, phú hào phản đối và kẻ thừa hành không làm đúng.

6. Kết quả tình hình trong nước rối thêm. Về sau nước Tống kết liên với người Kim đánh Liêu. Nhưng khi diệt được Liêu Kim quay lại xâm lấn Tống, bắt giam thượng hoàng và vua, dứt nhà Bắc Tống.

CHƯƠNG II

Nhà Nam - Tống

- 1 — Nam-Tống dưới áp-lực người Kim.
- 2 — Người Mông-cò mở cuộc xâm lăng.
- 3 — Mông-cò tiêu-diệt nước Kim và nước Tống.

1

Quân Kim bắt Huy-tôn và Khâm-tôn đem về Bắc giam ở Ngũ-quốc-Thành, rồi lập Trương-Bang-Xương làm Sở-đế. Khang-vương là em Khâm-tôn trốn thoát được chạy xuống phía Nam xưng đế lấy hiệu là Cao-tôn.

Những người theo phò Cao-tôn chia làm hai phái, một phái chủ chiến, gồm có bọn Lý-Can, Tôn-Trạch v.v... một phái chủ hòa gồm có bọn Hoàng-Tiêm-Thiện, Uông-bá-Ngan. Vua nghe lời phái chủ-hòa, ngăn trở sức chống giặc của phái chủ chiến. Lý-Can làm tướng được hơn hai tháng thì bị bãi bỏ. Tôn-Trạch cố sức cầm chẹn quân Kim ở đất Biện được ít lâu, nhưng không được vua nghe, cũng buồn mà chết.

Từ đó quân Kim lại tiến lên, khi thế càng ngày càng mạnh. Vua Cao-tôn phải chạy về Hàng-châu ra Lâm-an-phủ, dùng làm quốc đô và thành lập nước Nam Tống.

Không bao lâu, người Kim lại động binh nữa. Lần này họ gặp sức chống cự quyết liệt của Lư-Kỳ, Hàn-thế-Trung, Nhạc-Phi. Nhưng trong lúc Nhạc-Phi đánh đuổi quân Kim gần tới Biện-kinh thì tể tướng Tần Cối nhất định chủ hòa cho triệu Nhạc-Phi về triều và lập mưu giết đi.

Từ đó nhà Nam-Tổng lại phải cắt đất cầu hòa. Vua Tống phải xưng thần, chịu cho vua Kim sách phong và mỗi năm phải nộp cống 200 ngàn lạng bạc và 200 ngàn tấm lụa.

Cao-tôn mất, Hiếu-tôn có ý khôi phục lại nước, nhiều lần tuyên chiến với Kim mà không kết quả. Hiếu-tôn truyền ngôi cho Quang-tôn, nhưng Quang-tôn vì hay đau yếu phải truyền lại cho Ninh-tôn. Trong đời Ninh-tôn tể tướng Hàn-sá-Trụ nhân vua Thế-tôn nước Kim mất, trong nước nhiều nơi nổi loạn, xua binh bắc phạt. Kết quả quân Tống lại thua, đành thần phải giết Hàn-sá-Trụ, cắt thủ cấp đem nộp cho Kim để cầu hòa.

Như vậy trước sau Tống không thoát khỏi áp lực của Kim, và Từ Huy-Tôn trở về sau áp lực ấy lại còn nặng hơn gấp bội.

2

Trong lúc Kim và Tống kinh chống nhau thì phía sau nước Kim có giống người Mông-cổ gọi là Oĩrat (Oai-ra) nổi lên. Khi nước Kim mới đẩy giống người này thường cho họ mượn binh, nhưng về sau vì có nước Kim thù báo không đúng lời giao ước nên họ

quay lại chống Kim, lập thành một nước gọi là Đại-Mông-Cổ, xưng độc lập. Nước Kim nhiều lần đem binh đánh dẹp, nhưng bị thua, phải cắt đất nhường cho họ và hằng năm phải nộp thêm bò, dê, đậu, gạo.

Đến cuối thế kỷ 12 thì trong một bộ lạc Oïrat có Thiết-mộc-Chân xuất hiện.

Nguyên là tù trưởng thị-tộc rồi lên tù trưởng bộ lạc, Thiết-mộc-Chân kết hợp được các bộ lạc Oïrat, đánh dẹp được người tartare (tạc-ta), người Keraït (Cư-rai), và năm 1206, nghiêm nhiên làm chúa đế-quốc Mông-cổ tự xưng Thành-cát tư-hãn tức là vua Thái-tổ nước Mông-cổ. Ông tổ chức được một đội kỵ-binh rất lớn, gồm 15 ngàn người, rồi từ vùng núi Altaï (An-tai) tràn xuống các tỉnh phía Bắc Trung-hoa do người Kim chiếm giữ, tàn sát hết dân chúng trên lãnh thổ chiếm cứ được. Năm 1215, thành Bắc-kinh bị tàn phá và dân trong thành bị tàn diệt. Thiết-mộc-chân toan giết luôn mười triệu dân các tỉnh thần thuộc nước Kim, và làm cho đất đai trở thành hoang-dịa để nuôi súc vật thì có một ông hoàng nước Kim bị bắt ở Bắc-kinh khuyên nèn để dân chúng sống và bắt họ nộp cống 500 ngàn lạng bạc, 80 ngàn tấm lụa và 400 ngàn斛 lương. Thiết-mộc-Chân nghe theo và dựa vào nguyên tắc ấy cho đánh thuế. Từ đó sự giết chóc dã-man bắt đầu.

Giao việc chinh phục nước Kim cho bộ hạ, Thiết-mộc-chân quay sang phía Tây, bình-dịnh các nước miền Trung-Á rồi một mặt cho người thẳng sang châu Âu, vòng biển Caspienne (Cách-piêng) vượt núi Oural (U-ran), tiến tới Crimée (Cri-mê), và cửa sông Danube

(Đa-núp) ; một mặt khác ông quay về phía Đông diệt nước Tây-hạ, đề rồi tiến đánh nước Kim. Nhưng chưa hạ được Kim thì mắc bệnh chết tại núi Lạc-bàn (năm 1226).

3

Oa-khoát-dài, con Thành-cát tư-hãn, lên nối ngôi Đại-hãn tức là vua Thái-tôn nhà Nguyên, Oa-khoát-dài liên-kết với nước Tống đánh nước Kim. Thành Biện-kinh thất thủ, Kim-chủ trốn thoát nhưng không bao lâu phải tự-vận ; vợ con bị quân giặc bắt cả. Đến đây nước Kim bị tiêu diệt, ngôi truyền được chín đời vua, cộng 20 năm.

Kim mất rồi, thanh thế Mông-cổ càng ngày càng lớn. Oa-khoát-dài một mặt sai Bát-dò sang đánh châu Âu, một mặt sai Đường-Cổ đánh Cao-ly và con là Khoát-Đoan đánh Tống. Giữa lúc ấy thì Oa-khoát-dài chết (1241), công cuộc chinh phục châu Âu lại phải đình.

Mông-Kha lên ngôi Đại-hãn, sai em là Hốt-liệt-ngột đem binh tiến sang phía Tây chiếm Tây-bộ châu Á (1), và Hốt-tất-Liệt binh định nước Đại-ly (Vân-nam) chiếm nước Thổ-phồn, còn mình thì đem quân đánh Tống (1252) chiếm tỉnh Tứ-xuyên, vây Hiệp-châu. Nhưng Hiệp châu chưa hạ được thì Mông-Kha chết. Hốt-tất-liệt tiếp tục cuộc chinh phục nước Tống. Thừa tướng Tống là Giả-tự-Đạo phải cắt đất mà nộp lễ cầu hòa.

(1) Gồm nước Ba-tư, các nước Tiểu Á, các nước Ba-nhĩ-cân.

Hốt-tất-liệt lên ngôi, đổi quốc hiệu là Nguyên tức là Nguyên-thế-tổ, dời đô về Yên-kinh và gọi là Đại-dô (1271). Công cuộc đánh Tống vẫn tiếp tục. Năm 1275, quân Nguyên hạ thành Nam-kinh (giết hại đến triệu người) và 1276, thành Quảng-châu bị chiếm. Năm 1279, Thế-tôn đem quân đánh Nam-Tống. Đình-thần Tống không một ai lo chống giữ, nhà vua phải hạ lệnh cần vương. Văn-thiên-Tường, người Giang-tây, hưởng ứng, đem gia-sản ra mộ quân lính đánh nhau với quân Nguyên. Vì thế yếu, Tường bị bắt, nhưng chịu chết chứ không chịu khuất phục nhà Nguyên, Quân Nguyên lại hạ thành Lâm-an bắt luôn Cung-đế. Vua Đoan-tôn lên thay và đóng ở Phúc-châu, không bao lâu bị quân địch đánh đuổi chạy ra đảo Can-châu và chết ở đây. Quảng-vương, em vua Đoan-tôn, được lập làm vua ở đảo Nhai-Son. Quân Nguyên lại kéo tới vây đánh nữa, thừa-tướng Lục-Tú-Phu công vua nhảy xuống biển. Trương-thế-Kiệt muốn theo đường thủy trốn sang Annam, nhưng giữa đường gặp bão, thuyền chìm. Nhà Tống làm vua được 320 năm, ngôi truyền được mười tám đời.

Toát - yếu

—O—

1.— Khi người Kim bắt Huy-tôn và Khâm-tôn thì Khang-vương trốn về phía Nam lập thành nước Nam Tống. Tề-tướng Tần-Cối chủ-trương hòa với Kim nên giết Nhạc-Phi và tiêu diệt phe chủ chiến. Áp lực của

Kim từ đó càng nặng nề hơn và nhà Nam-Tổng phải chịu lệ thuộc Kim.

2.— Trong lúc Kim, Tống kinh chống nhau thì người Mông-Cổ do Thành-cát Tư-hãn cầm đầu lập thành nước Đại-Mông-cổ, cho quân chiếm-cử các tỉnh miền Bắc Trung-hoa và tràn sang châu Âu.

3.— Oa-khoát-dải, con Thành-cát Tư Hãn diệt được nước Kim rồi tiếp tục đánh châu Âu và Tống. Oa-khoác Đài chết, Mông-Khà tiếp tục công việc chinh phục và sang đời Hốt-tất liệt thì nhà Nam Tống cũng bị tiêu diệt.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG III

Nhà Nguyên (1.279-1.368)

1. — Thành-cát-Tur-hãn.
2. — Ảnh hưởng các nước văn-minh, nhất là Trung quốc đối với người Mông cổ.
3. — Chánh sách thống trị của người Mông cổ ở Trung Hoa.
4. — Đế quốc Mông cổ sụp đổ.

Diệt được Tống, người Mông-cổ chiếm toàn bộ Trung-quốc. Đế quốc Mông-cổ bấy giờ mở rộng phía Đông đến Cao-ly, phía Bắc đến Tây-bá-lợi-á, phía Nam đến Hy-mã-lạp-sơn, phía Tây gồm một phần bán đảo Tiểu-Á và Nga-la-tư.

Giống Mông cổ nguyên là một trong những giống dân du-mục ở vùng hoang địa Bắc-bộ châu Á từ biển Caspienne đến Trung-hoa. Đến thế kỷ 12, phần đông các giống dân ấy còn ở vào tình trạng man-rợ. Văn-minh của họ là văn-minh du-mục từ xưa để lại. Xã-hội chia thành giai cấp trên là bọn tù trưởng cùng võ sĩ làm thành giai cấp quý tộc, dưới là giai cấp nô-lệ gồm có những bộ lạc bại trận bị bắt chẵn nuôi súc vật và đi lính. Giai cấp quý tộc bầu tù trưởng. Và các tù trưởng họp lại cử lên một khả-hãn (1)

(1) Vua hay tù trưởng các giống rợ Thát-đát, Mông cổ.

Vì không ở yên một chỗ, các giống dân ấy dùng lều làm nhà ở, xê dịch bằng ngựa hoặc bằng xe. Chỗ nào có tù-trưởng hoặc khả-hãn ở thì họ lập thành trại lớn. Họ dã-man đến nỗi coi sinh mạng con người như cỏ rác. Khi nào chiếm cứ được một xứ văn-minh hơn thì họ giết chết hết dân chúng, và để đất đai trở thành hoang-địa dùng làm đồng nuôi súc vật.

Phía Tây hồ Baikal (Bai-can) có giống người Mông Cổ « Oïrat » (1), (nghĩa là liên-kết) sống kế cận người Tartare một giống du-mục dã-man nhất ở phía Bắc Mãn-châu. Người Oïrat chia thành bộ-lạc. Các bộ lạc này khi thì đánh nhau, khi thì hợp nhau để đi đánh nơi khác. Thành-cát-tư-hãn xuất thân từ một trong những bộ lạc man-rợ này như trên kia đã nói.

2

Bởi vậy cuộc chinh phục của Thành-cát-tư-hãn là một việc ghê-gớm nhất, tàn-khốc nhất chưa từng thấy trong xã-hội loài người. Nhưng dần dần tiếp xúc với giống người văn minh hơn, Thành-cát-tư-hãn nhiễm văn - hóa của họ, nhất của người Thổ-nhĩ-kỳ và Mông-Cổ tiến bộ hơn. Sau khi làm cho máu người chảy thành thác xương người chất thành non, Thành-cát-tư-hãn biết lo lập lại trật tự, an ninh trên một vùng đất rộng từ biển Caspienne tới Bắc-kinh, chấm dứt những cuộc xung đột tôn giáo giữa đạo Da-tô và đạo

(1) Rợ thất-đất.

Hồi, và các cuộc chiến-tranh phong-kiến giữa người Thổ-nhĩ-kỳ ở Trung-bộ châu Á.

Vừa chinh phục, Thành-cát-tur-hãn vừa lo việc tổ chức. Ngay từ lúc được cử làm khả-hãn các bộ lạc Mông-cổ, ông đã đem áp-dụng hình luật cho xử tử những kẻ giết người, trộm cắp, oa trử, lừa dối, ngoại tình. Chánh sách cai trị của ông là một chánh sách hoàn toàn phong kiến. Vì khả-hãn đứng trên hết, rồi đến các vương thân quý tộc, tướng tá, mọi người đều phải trung-thành với cá-nhân khả-hãn. Quân đội cũng là quân đội phong kiến gồm có những người trong giai cấp quý phái và do những người quý phái cao cấp chỉ huy. Uy quyền của khả-hãn có tánh cách thiêng liêng tuyệt đối, khác hẳn với uy quyền của quan lại. Vì khả-hãn thay trời mà trị dân, thế theo ý trời mà chinh phục. Tuy nhiên đối với tin ngưỡng địa phương ông giữ thái độ dung hòa. Trong triều ông đặt chức đại phán quan và các bản án đều được ghi chép để làm nền tảng cho pháp luật trong nước.

Phong tục cũng thuần thực dân. Người Mông-cổ không tàn sát, không cướp giựt như buổi đầu mà biết bắt dân bị chinh phục nộp cống và triều đình đem cống vật chia cho bọn vương thân quý tộc tùy công-trạng và địa vị mỗi người.

Khi Thành-cát-Tur-hãn chết thì các con ông đã là những ông vua có đủ triều đình, nghi lễ rồi. Về mặt lý thuyết, nguyên-tắc bầu cử khả-hãn vẫn còn, nhưng về mặt thật tế thì ngôi vua có tánh cách truyền nối. Thành-cát-Tur-hãn chọn con

thứ ba là Oa-khoát-dải để truyền ngôi. Hội đồng qui tộc chấp thuận nhưng vì đế quốc Mông-cổ rộng quá nên phải chia đất đai cho các con khác : Sát-hãn-dải, Khâm-sát và Ý-nhĩ.

Oa-khoát-dải đóng đô ở trung-tâm Mông-cổ, và tổ chức việc cai trị theo thể thức xã-hội Trung-hoa. Để thành lập ngân khố, ông cho đánh thuế ; người Tàu thuộc nước Kim trước kia phải nộp thuế từng gia-đình, dân thành thì nộp từng đầu người ; dân Mông-cổ cũng phải nộp 10 phần 100 số súc vật họ chăn nuôi.

Các xứ bị chiếm được giữ nền cai trị riêng của mình. Các thân vương mông-cổ được phong thái ấp rất lớn tại đất mông-cổ. Họ là phiên tướng hoặc đại diện khâm-hãn ở các địa-phương. Quân đội cũng trở thành một tổ chức thường trực chừng 12 vạn người.

Nhiều trường học được mở ở Bắc kinh làm chỗ khai hoá con cái hàng qui tộc để họ theo kịp các dân tộc văn-minh. Oa-khoát-Đài muốn cho các nước trong đế quốc được hưởng trật tự, thái bình và thanh vượng. Tuy nhiên những nước chưa chinh phục được vẫn bị tàn phá, các dân tộc chưa khuất phục vẫn bị đàn áp một cách tàn nhẫn.

3

Đời Mông-Kha (Nguyên-Hiến-Tôn) thì đế quốc đã thanh cường đến tột bậc. Bộ máy cai trị đã vững chắc, đều đặn. Vị đại-hãn chẳng những là một lãnh tụ chánh trị mà là một lãnh-tụ các giáo phái nữa.

Đời Hốt-tất-liệt (Thế-tôn) thì đế-quốc mở rộng về phía Nam. Thế-tôn gây ảnh hưởng đến Ấn-độ, Nam-dương quần đảo, Chiêm-thành, Java (Gia-va). Trong cuộc xâm-lăng ấy, quân Nguyên chỉ thua Nhật-bản và Annam mà thôi. Năm 1274 Thế-tôn gởi một đội chiến thuyền 900 chiếc sang Nhật, nhưng không thắng nổi người Nhật ; đến 1281 lại gởi 4000 chiếc nữa. Lần này hạm đội gặp bão giữa đường. Năm 1282 vua Nguyên cho thái-tử là Thoát-Hoan sang đánh Annam, quân Nguyên cũng lại thua ; và năm 1287, họ đại bại tại Annam một lần nữa. Những lần thất bại này tất nhiên làm cho thế lực nhà Nguyên ở Trung quốc giảm đi nhiều lắm và cũng là một những nguyên nhân suy vong của họ sau này.

Vì rộng lớn quá mà không bao lâu đế quốc Mông cổ bị phân liệt. Khi Thế tôn xưng đế ở Trung-quốc, thì A-ly-bất-kha em vua, cũng tự lập làm vua ở Hòa-lâm, các thân vương khác giúp Hải đồ, cháu vua, nổi loạn ở phía Bắc. Chính lệnh của Đại hãn không được mọi nơi tôn trọng và mỗi khi có việc truyền ngôi đại-hãn thì mỗi lần xảy ra chuyện tranh giành làm cho cơ nghiệp nhà Nguyên phải sụp đổ.

Trong đời Thế tôn lại hay xảy ra việc đánh dẹp, chinh phục khiến nhân dân phải chịu nhiều thảm phụ, nổi cơ cực vì thế mỗi ngày một chồng chất thêm.

Giữa người Mông-cổ và người Hán, triều đình có một thái độ chênh lệch. Bao nhiêu chức vụ cao-trọng về chánh trị, quân sự đều giao cho người Mông-cổ. Người Hán chỉ được giữ những địa vị phụ thuộc và

luôn luôn bị đề phòng. Bởi vậy toàn thể dân tộc Hán từ qui tộc đến nông dân không ai bằng lòng chế độ nhà Nguyên cả và họ chờ cơ hội để nổi dậy. (1)

Đời Thuận-đế chánh trị nhà Nguyên gặp nhiều khó khăn về tài-chính. Thuế má không đủ cung cấp cho quân-đội, và bù đắp các khoản chi dùng quá độ của triều đình và quan lại. Các cuộc viễn chinh ở Nhật bản, Nam dương, Chiêm thành và Annam hao tốn vô kể. Đầu thế kỷ 14, cuộc giao thương với Ấn-độ, khi ấy bị người Thổ-nhĩ-kỳ xâm lấn, lại đình trệ. Thương mại ở Trung-hoa phải đình trệ theo, và thương nhân không phải nạp được thuế cho nhà nước. Ngân quỹ vì

(1) Nhà Nguyên chia người trong nước làm bốn đẳng cấp : người Mông-cổ, người Sắc-mục (chỉ người Tây-vực và Âu-châu), người Hán (chỉ người Liêu và Kim còn sót lại) và người Nam (chỉ dân nước Tống trước). Trưởng quan các ti sảnh đều là người Mông-cổ hay người Sắc-mục, còn người Hán và người Nam chỉ làm những chức phụ thuộc thôi. Nho-sĩ bị người Mông-cổ miệt thị ; họ thường có câu ví : « Thứ tám là dĩ, thứ chín là Nho, thứ mười là ăn mày ».

Năm 1303, quan lại Trung-hoa bị bãi-truất đến 18.473 người. Nhưng đến năm 1307, muốn mua chuộc phái nho-gia để khỏi sinh biến loạn, triều Nguyên giả đồ tôn Không-tử làm « Đại thành-chí-thánh tuyên vương ».

« Muốn đề phòng nội loạn, họ cấm chỉ dân Giang-nam cầm binh khí, cứ 10 nhà đất một giáp trưởng để giữ người Nam. Họ lại qui trọng bọn thầy tăng, để cho họ được tự-do hoành ngược dân chúng. Khốn hại nhất là các vương công, và quan lại Mông-cổ tự-do cướp ruộng đất của nông-dân để làm mục trường và bắt người làm nô-tỳ » (Trung-hoa sử-cương. — Đào-đuy-Anh).

thế phải hao hụt. Để bù vào lỗ trống, nhà nước phát hành giấy bạc càng ngày càng nhiều, và không bao lâu vấp phải cái nạn lạm phát. Giá hàng lên cao mặc dầu nhà nước dùng quyền lực hạn chế ở một mức nhất định. Dân chúng không sắm được những nhu cầu cần thiết.

Sự lạm phát giấy bạc lại còn gây ảnh hưởng tai hại cho nền kinh tế trong xứ. Để cầm giá hàng hóa từ bên ngoài vào, nhà nước xuống chiếu bắt những người nhập cảng vàng, ngọc, hột trai đem những các thứ hàng này đổi lấy tiền giấy, nhưng tiền giấy chỉ dùng được trong xứ mà thôi. Trên thị trường ngoại quốc nó không có giá trị. Dần dần chánh phủ chỉ huy kinh tế, thiết lập chế độ trao đổi hàng hóa. Kết quả trên thị trường quốc tế thương mại Trung quốc bị sa sút, và trên thị trường trong xứ hàng hóa cũng không bán được. Sự xuất cảng nhập cảng đều bị đình trệ. Dân chúng không chịu dùng tiền giấy nữa ; nền nội-thương lâm vào một tình thế hết sức nguy ngập.

Hồi Nguyên mạt, nhân dân lại gặp nhiều tai ách. Nạn lụt và nạn sâu-keo phá hoại mùa màng. Nhà nước lại không chăm lo việc thủy lợi, số nông sản không đủ nuôi dân.

Bao nhiêu họa hoạn ấy hợp với sự bức bách của quan lại, địa chủ tạo thành một động lực cho phong trào nông dân bạo động và dân tộc tranh đấu.

4

Năm 1337, đời Thuận-đế, Châu-Quang-Khanh nổi

dây ở Quảng-châu, Bang Hồ ở Tín-dương-Châu, và nông dân quật khởi nhiều nơi hoặc ở phía Nam hoặc ở phía Bắc.

Năm 1351, cha con Hàn-sơn-Đồng lập Bạch-liên-hội, lợi dụng tôn giáo để tổ hợp nông dân, gây nhiều ảnh hưởng ở Hà-nam và Giang-hoài, Hàn sơn Đồng bị bắt. Con là Hàn-lâm-Nhi lại xưng đế. Đồng thời Trương-sĩ-Thành chiếm đất Ngô, Trần-hữu-Lương chiếm Giang-châu, Châu-nguyên-Chương chiếm Tập Khánh (1)

Tình hình nguy ngập đến như vậy mà trong triều, Thuận-đế cứ ăn chơi dâm loạn, văn quan, võ tướng khuynh loát lẫn nhau, thái tử cũng mưu đồ soán đoạt nữa.

Trong đám hào kiệt làm loạn có thầy sãi Châu-Nguyên Chương mạnh thế nhất. Năm 1367, Chương xưng vương, tuyên bố tranh đấu giải phóng dân tộc, thành lập chánh phủ của người Trung hoa, chiếm cứ vùng Giang-hoài, thống nhất phương Nam, tiêu diệt các anh hùng khác, rồi sai bọn Tử-Đạt, Thường-Ngộ-Xuân tiến lên phía Bắc, chiếm Bắc kinh (1368) đánh đuổi Nguyên-Thuận-Đế về Mông-cổ, thu lại toàn bộ Trung-quốc, lên ngôi hoàng đế, định đô ở Tập-khánh (Nam-kinh) đổi quốc hiệu là Minh. Ấy là vua Minh-Thái-Tổ.

Nước Trung-hoa vào tay người Mông-cổ trong 89 năm (1279-1368) trải qua mười đời vua, nay lại trở về

(1) Bây giờ là Nam-kinh

người Hán.

Vào giữa thế kỷ thứ 14, tây-bộ đế-quốc Mông-cổ tan rã vì ảnh hưởng chế độ phong kiến Thổ-nhĩ-kỳ. Nền kinh tế thống nhất của châu Á do Đại hãn Mông-cổ thành lập, không thể đứng vững được. Khắp nơi, từ Tây sang Đông, các dân tộc dưới quyền đô hộ Mông-cổ đều nổi dậy. Sự quật khởi của dân tộc Hán ở Trung-hoa, năm 1368, là giai đoạn chói của đế-quốc Mông-cổ.

Toát-yếu

—O—

1.— Người Mông cổ nguyên là một trong những giống dân du mục ở vùng hoang-dịa Bắc-bộ Châu Á. Trong các giống du mục này có giống Oirat sống cạnh người Tartare. Thành-cát-tư-hãn là tù trưởng của một bộ-lạc Oirat.

2.— Khi mới bắt đầu cuộc chinh phục, người Mông cổ tỏ ra hết sức tàn ác, nhưng dần dần họ biết theo kỷ-cương của người văn-minh để tổ chức đế-quốc của họ.

3.— Đời Mông-Kha và Hốt-tất-Liệt, đế quốc Mông cổ cường thịnh đến cực điểm. Nhưng vì quá rộng lớn mà đế-quốc ấy không bao lâu bị phân liệt. Chính sách cai-trị của người Mông cổ làm cho người Trung-Hoa oán ghét và do đó phong trào dân tộc nổi dậy.

4.— Đồng thời với phong trào nông dân bạo động các anh hùng đua nhau chiếm đất xưng vương. Trong bọn có Châu-nguyên-Chương mạnh nhất. Chương diệt được các anh hùng, đuổi Nguyên Thuận-đế về Mông-cổ và thành lập nhà Minh.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG IV

Tình hình-kinh tế và xã-hội Trung-Hoa dưới triều Nguyên.

Nhà Tống mất, vị Đại-hãn Mông-cổ lấy Trung-hoa làm Trung tâm cho đế quốc Mông-cổ. Cho nên nói tới đế quốc Mông-cổ tức là nói tới Trung-hoa. Khi an ninh tái lập rồi, chánh phủ lo mở mang đường sá, đào thêm sông ngòi, lập kho dựn, tóm lại là tạo những điều kiện phát triển đầy đủ cho quốc gia.

Các con đường giao thương từ Tây sang Đông bị gián đoạn từ trước được nối lại. Các thương nhân phương Tây đi lại dễ dàng. Trong số đó có Marco Polo, một thương nhân nước Ý từng lưu trú ở Trung Hoa mười sáu năm và theo những điều ông thuật lại thì về phương diện kinh tế, Trung hoa không kém những nước phát đạt nhất Tây- Âu chút nào.

Người Trung Hoa biết khai thác mỏ than đá trước hết. Tại miền Bắc dân chúng lấy than trong núi về đốt, than ấy được gọi là đá đen. Thử đến, họ biết dùng sông ngòi trong công việc vận tải. Con sông Dương-tử là mạch máu chủ yếu của kinh tế Trung-Hoa. Marco Polo nói rằng thương thuyền và hàng hóa

qua lại trên sông này nhiều đến nỗi tất cả thương thuyền và hàng hóa đi lại trên các biển và sông thuộc quyền giáo hội thiên chúa hợp lại cũng không bằng. Mỗi năm có đến hai trăm ngàn chiếc tàu chạy ngược giòng sông, không kể số tàu chạy xuôi.

Để chỉ huy nền nội thương khổng lồ ấy và để giao dịch với Ấn-độ, Nam dương quần đảo, tại các thương-cảng ở hạ lưu sông Dương-tử, Chiết-giang và vùng Quảng-châu có thành lập những thương đoàn đủ sức ganh đua với những trung tâm thương-mại quan trọng nhất ở châu Âu như Flandre, Florence.

Số phú-thương ở Hàng-châu đông không kể xiết, và họ sống sang trọng như đế-vương. Bắc-kinh là một trung tâm sản xuất tơ lụa. Mỗi ngày số lụa tải đến Bắc kinh để dệt vải kim tuyến có đến ngàn xe. Giang-châu là thị trường buôn lụa lớn ở lưu vực Dương-tử ; Hàng châu là một thành thị lớn vào bậc nhất thế giới và là một hải-cảng quan trọng nhất của Trung-hoa. Marco Polo sánh Hàng-châu với Venise ở Ý. Vô số thương thuyền từ Ấn độ, Nam dương quần đảo tải tới đó các thứ gia-vị rồi chở lụa đi Ấn độ và các nước Hồi-giáo. Các thương nhân A-rập, Ba-tư, Đa-tô qui tụ lại dày đông lắm. Ngoài ra còn có những hải cảng quan trọng như Quảng-châu, Tuyên châu, Ôn châu.

Hải-cảng Tuyên châu là một trung tâm nhập cảng lớn nhất của Trung hoa. Tất cả các thương thuyền Ấn chở gia-vị, ngọc trai, kim cương đều tới hải cảng này. Marco-Polo nói rằng : trong lúc một chiếc tàu chở hồ tiêu từ Ấn-độ đến Alexandrie hay một hải-cảng

nào khác thì có trăm chiếc vào Tuyên-châu.

Marco Polo ca ngợi thứ tiền giấy (giáo-tử) mà ông cho là tiện lợi. Theo ông, các thương-nhân đến Trung hoa nhìn nhận thứ tiền ấy cũng có giá trị bằng vàng ròng.

Trên đại lục, các đường giao thương từ Đông sang Tây được khai thông. Nhà nước lo bảo vệ các đường quan, đặt trạm, tổ chức sự canh phòng nghiêm mật khiến thương đội qua lại khỏi nạn giặc cướp.

Một giáo sĩ danh tiếng, Odoric (Ô-dô-ric) ca ngợi hệ thống bưu chính của người Mông-cổ như vậy : « Những kỵ-sĩ cỡi những con « thiên-lý-mã » chạy dựng tóc. Khi gần tới trạm thì thổi còi lên báo hiệu. Thưa trạm nghe hiệu, liền cho một kỵ-mã khác hờm sẵn, chực người kia tới thì chụp lấy công văn, và cho ngựa phi tức khắc. Cứ như thế từ trạm này sang trạm khác. Tin tức từ những vùng cách ba ngày đi ngựa có thể tới tay Đại-hân trong 24 tiếng đồng hồ.

Công nghệ cũng theo đà thương-mãi mà tiến-triển. Nhà nước thành lập quan xưởng ở các địa phương, và dùng nô-tì làm việc. Những xưởng của tư-nhân thì chủ thuê thợ làm và trả tiền công. Công nghệ dột được phát đạt mạnh hơn hết.

2

Nếu về mặt kinh tế các vua nhà Nguyên đã đề cho sự cố gắng và sáng kiến cá nhân được nẩy nở tự do thì về mặt chánh trị, họ tỏ ra chuyên chế. Quyền vua bao giờ cũng tuyệt đối dựa lên một quân lực mạnh

mề và pháp-luật nghiêm khắc. Trong việc cai trị, Đại-hãn tin dùng người phương Tây hơn người bản xứ. Marco Polo làm quan với nhà Nguyên đến 17 năm và đảm nhận những chức vụ hết sức cao trọng (1)

Về phương-diện tín ngưỡng, Đại-hãn Hốt-Tất-Liệt theo tục lệ Mông-cổ, dung dưỡng các tôn giáo.

Từ năm 1292, nhà nước tự chủ trương việc củng cố, và miễn quân dịch cho các tu sĩ Phật giáo, Lão giáo (2) Đa-tô giáo, Hồi giáo. Đa-tô giáo bắt đầu truyền bá sang Á-châu từ đó. Các giáo sĩ Đa-tô theo chân các thương nhân sang Trung quốc. Giáo hoàng Nicolas IV (Ni-nô-la đệ tứ) phái giáo sĩ Montcorvin (Mông-coóc-vanh) sang Viễn-đông năm 1289 và được Đại-hãn Thành-tòn tiếp đón nồng hậu. Hai giáo đường thiên chúa được thành lập ở Bắc-kinh. Không bao lâu hơn mười ngàn người Thất-dát theo đạo Đa-tô.

Năm 1293 nhiều phái đoàn Đa-tô giáo tới nữa. Họ được hoàng thành lập cơ sở truyền đạo khắp nước Tàu. Một giáo-sĩ Tuyên-châu được Đại-hãn cấp lương bổng, Giáo sĩ Odoric nói rằng Đại-hãn rất kính trọng

(1) Marco Polo làm thống-đốc thành Giang châu ba năm. Hình như ông được phái đi sứ ở Ấn độ. Văn khố Trung hoa có nhắc đến một người tên Polo từng tham dự vào hội đồng hoàng-gia (H. C Wells-Esquise de l'histoire Universelle). Marco Polo giữ những nhiệm vụ then chốt của Quốc gia (Jacques Pirenne — Les grands courants de l'Histoire Universelle).

(2) Có lẽ vì sợ Lão giáo có ảnh hưởng đến nông dân, nên kinh sách của đạo này bị Đại-hãn truyền đốt hết. (Les grands courants de l'histoire universelle, J. Pirenne).

đạo Đa-tô và trong một cuộc hội kiến, đã chân thành ôm hôn thập-tự-giá (1).

Ngoài ra các tôn-giáo khác như Cảnh-giáo, Hỏa giáo, Hy-lạp-giáo đều được tự do truyền bá. Nhưng chỉ có Phật giáo được tôn làm quốc giáo Năm 1284, Thế-tôn cho sứ giả sang Tích-lan rước răng Phật và năm 1288; triều đình Nguyên đổi cung điện nhà Tống làm chùa.

Tóm lại, tại Mông-cổ qui tụ đủ các giống người Ấn-độ, Ý, Ba-tư, Á-rập, Pháp, Trung-hoa ... thuộc đủ giới giáo-sĩ, tăng già, nghệ-sĩ, thương nhân, thông thái.

Điều ấy chứng tỏ người Mông-cổ muốn đem yếu tố văn minh các nước truyền bá vào trong đế quốc mình.

Cùng với kinh tế, văn nghệ Trung hoa dưới triều Nguyên cũng phát triển khá mạnh. Các tiểu thuyết gia bỏ dần những truyện thần tiên mà quay sang nghệ thuật tả chân.

Nhưng thời đại Nguyên là thời đại của thuật hát

(1) Theo H. G. Wells trong cuốn « Esquisse de l'Histoire universelle » thì tại triều Mông-cổ đạo Đa-tô bị thất bại... Các phái đoàn Đa-tô tới Trung-Hoa tỏ ra lợi dụng giáo-lý của Jesus để củng cố sự thống trị của giáo-hoàng trên thế-giới. Người Mông-cổ không thể thừa nhận một thứ đạo Đa-tô đã lệch-lạc như thế.

Vị sứ thần của giáo hoàng phái tới Bắc-kinh năm 1343 có vẻ là một nhà ngoại giao hơn là giáo-sĩ. Khi nhà Nguyên đổ thì đạo Đa-tô cũng mất hết thế lực. Dưới triều Minh và đến năm 644, không ai nói tới đạo Đa-tô ở Tân nữa.

tuồng (1), một thứ nghệ thuật thích hợp với đời sống kiêu-xa của người Mông-cổ.

Toát - yếu

—O—

1 Dẹp xong nhà Tống, người Mông-cổ lấy Trung-hoa làm Trung tâm cho đế quốc Mông-cổ. Dưới triều Nguyên kinh tế Trung-hoa phát triển mạnh, nhất là thương mại. Người ngoại quốc đem thổ sản tới Trung-hoa bán và mua tơ lụa chở về châu-Âu. Marco Polo cho rằng Trung-hoa phần thành không kém gì Châu-Âu mà còn có phần hơn nữa là khác.

2. Về chánh trị, Nguyên vẫn tổ chức thành chế độ quân chủ chuyên chế. Nhưng về tin ngưỡng thì lại tỏ ra khoan-hồng đối với các tôn giáo, có lẽ vì muốn dung hòa các lực lượng sống chung dung đế quốc Mông-cổ. Các tôn giáo được tự do truyền bá nhưng chỉ Phật giáo được chọn làm quốc giáo. Về nghệ thuật, văn-chương tả chân bắt đầu và nghệ thuật hát tuồng trỗi trượng nhất.

(1) Nghệ thuật hát tuồng hình như bắt đầu từ đời Đường. Tuồng hát đầu tiên là tuồng « Đồn-hùng-Tin tức Đường Thế Dân tại Lạc-dương-thành. » Sang đời Tống nghệ thuật đóng tuồng đã có sức cảm xúc mạnh đến nỗi khán giả tưởng sản khấu là đời thật. Đến đời Nguyên thì nghệ thuật này thịnh nhất và cũng được truyền sang nước ta từ đó.

CHƯƠNG V

Ấn-độ vào thời Trung-Cổ

1. Lịch-sử.
2. Văn-minh.
3. Đạo Phật suy.

1

Cuối Thượng-cổ, Ấn-độ cũng như các đế-quốc La-mã, Trung-hoa, Ba-tư, Saxe có một nền văn-minh rất huy hoàng. Nhưng vào Trung-cổ khi Đế-quốc La-mã bị người rợ tới xâm lăng, tàn phá, khi đế-quốc Trung-hoa chống đỡ một cách khó khăn áp lực của giống rợ phía Bắc đánh xuống, thì Ấn-độ không tránh khỏi làn sóng Hồi-giáo từ phía Tây và phía Bắc tràn vào.

Hơn ba thế-kỷ, từ thế kỷ thứ 5 đến thứ 8, Ấn-độ ngăn được làn sóng ấy, nhưng đến năm 712, người Ả-rập chiếm đất Sind (Xin), rồi Mountan (Mun-tăng), mở rộng địa vực tới vùng hạ lưu Ấn-hà. Từ đó người Ả-rập hấp thụ khoa học Ấn, nhất là khoa thiên văn và y học. Nhưng không bao lâu quốc gia Ả-rập suy, người Ả-rập không còn giữ được tham vọng ở Ấn nữa. Những mối liên lạc tinh thần giữa hai giống người Ả-rập, Ấn-độ bị gián đoạn.

Tiếp theo người Ả-rập, một giống người khác, người Thổ-nhĩ-kỳ, từ vùng hoang-dịa Tân-cương tràn vào

miền Tây Bắc Ấn-độ, và năm 933 chiếm cứ Glazna (Gò-la-na) thành lập một vương quốc thuộc Hồi-giáo.

Thế-kỷ 11, các quốc vương Thổ-nhĩ-kỳ đánh phá không ngớt bắc-bộ Ấn, xâm lấn tỉnh Penjab (Păng-jáp) Nhưng khi người Thổ Seljoucides (Xên-ju-xít) xuất hiện ở trung bộ châu Á thì vương quốc Glazna tan rã. Từ đó tỉnh Séistan (Xê-it-tan) và Penjab bị bốn phong kiến Thổ đánh phá, tranh giành không ngớt.

Năm 1192, một quốc vương xứ Glazna đánh thắng được quốc vương hồi-giáo ở Delhi đem một tên nô lệ, người Thổ, thay thế quốc vương này. Năm 1206 tên nô lệ ấy tự xưng là quốc vương Ấn. Các quốc vương Thổ ở Ấn chính là những người xây dựng nên đô hộ Thổ trên đất Ấn. Họ chia bắc-bộ Ấn thành ra thái địa và giao cho những người Thổ hoặc Ấn đã qui thuận họ cai trị. Bao nhiêu chùa chiền Phật giáo và Kỳ na giáo (Djainismes) còn sót lại đều bị phá hủy hết. Lịch-sử Bắc Ấn lúc này chỉ là một chuỗi dài kết bằng những cuộc âm mưu, bạo loạn, giết chóc.

Đến 1282, cao nguyên Dekan vẫn còn là bức bình phong ngăn người Thổ tràn xuống phía Nam và bảo vệ cho những nước Trung và Nam-Ấn được thái bình, thịnh vượng trong lúc làn sóng Mông-cổ bao trùm cả đại lục châu Á.

Nhưng không bao lâu vương quốc Telingana (Tê-lanh-ga-na) bị quốc-vương Delhi xâm chiếm. Người Thổ-nhĩ-kỳ tịch thu hết tài sản của người Ấn, chỉ chừa lại cho họ một phần đủ nuôi miệng. Quốc gia phân tán

thành thái-địa phong-kiến. Từ đó mở ra một thời kỳ tranh giành quyền thế, tài sản, giữa các lãnh chúa. Các quốc vương lại xa-xỉ đến nỗi dân chúng đóng góp bao nhiêu cũng không đủ.

Nước Ấn độ bị các lãnh chúa xứ Bengale (Băng gan), Djaunpour (Jôn-pua), Cachemir (Ca-sơ-mia) Goudjerat (Gu-ơ-ra), Malva (Man-va) chia xẻ từng mảnh. Thế lực của quốc-vương Delhi tràn xuống phía Nam. Như vậy toàn xứ Ấn bị đặt dưới quyền thống trị của người Thổ-nhĩ-Kỳ. Năm 1335, Delhi là thủ-đô đế-quốc phong-kiến Thổ. Lần đầu tiên xứ Ấn được thống nhất thành một quốc gia. Nhưng không bao lâu quốc-gia phong kiến ấy bị phân chia làm nhiều vương quốc độc lập.

Chế-độ phong-kiến Thổ-nhĩ-kỳ tràn vào Nam-bộ nước Ấn, gây ra những kết quả tương tự như các nơi khác là xã-hội lụn bại, trầm trệ. Người Dravidien (Đra-vi-điêng) mất quyền bá chủ ở vịnh Bengale mà họ chiếm giữ đã mười thế kỷ. Từ đó Ấn độ bỏ mặt biển, quay về đại lục để bị nghẹt thở trong một thứ văn minh phong kiến dưới ách giai cấp quý tộc chỉ biết bóc lột nông-nô và gây chiến tranh.

Trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ 12 đến đầu thế kỷ 14, ba triều đại kế tiếp nhau trị vì ở Delhi : Triều Nô-lê (1) bắt đầu từ 1206, triều Khalji (Khan-ji), cuối cùng là triều Touglaq (Tu-gla) chấm dứt năm 1412. Kế đó là thời phân tán kéo dài tới 1526.

(1) Dynastie des Esclaves, vị quốc-vương đầu là một tên nô-lê người Thổ-nhĩ-kỳ

2

Về mặt văn-hóa thì vào cuối thế kỷ 14 ở Ấn độ cũng như ở Ý, các vua chúa cho xây dựng những đền đài theo lối kiến trúc hồi giáo, biệt đãi thi nhân, kể cả thi nhân Ấn độ và cho dịch sách chữ phạn.

Vương quốc Jaunpour dưới triều Sharqi (Sát ki) là nơi qui tụ các văn nhân, nghệ sĩ bị quân Thổ, Mông đuổi đánh. Vương quốc Málva (Man-va), ở khoảng giữa Delhi và Bombay (Bôm-bay) ngày nay còn giữ nhiều đền đài hùng tráng xây dựng từ đầu thế kỷ 15.

Tóm lại nhờ các quốc vương thi nhau phô-trương sự hùng thịnh của mình mà văn nghệ học thuật Ấn-độ được nảy nở, trong lúc về mặt chánh trị xứ ấy bị phân tán.

Xét tổng quát thì tuy bị nạn chiến tranh xâm lấn, Ấn độ vào thế kỷ 15 vừa giàu vừa có một nền văn minh khá cao. Kiến trúc, th m trở, hội họa, âm nhạc, thi ca và cả nền học thuật cùng những sản phẩm như sa, lụa, kim cương đủ chứng tỏ nền văn minh ấy. Người Ấn tổng hợp một cách tài tình hai văn minh Ấn và Hồi. Các vua chúa Hồi thu dùng nghệ sĩ Ấn, ngược lại văn nhân Ấn hấp thụ tư tưởng hồi. Như vậy người Hồi giáo chinh phục Ấn-độ có phá hoại văn minh của nước này, nhưng lại thúc đẩy nó tiến vào những con đường mới. (1)

3

Trái lại Phật giáo lúc này bị ảnh hưởng nặng. Hồi đầu kỷ nguyên người ta không rõ Phật giáo phát

(1) Xem Histoire de l'Inde — Meille.

triển như thế nào, hình như sách vở của Ấn độ không nói tới. Nhưng bằng theo lời những vị tăng Trung-hoa sang Ấn độ, lối thế kỷ thứ 4 sau thiên chúa, thì hồi ấy Phật giáo tại Ấn độ được truyền bá rất mạnh. Đến thế kỷ thứ 5, Phật giáo thịnh nhất, lần ắt được Ấn-giáo và Kỳ-na-giáo trên khắp lãnh thổ Ấn. Nhưng từ giữa thế kỷ thứ 7 thì nó bị đạo Bà-la-môn đàn áp. Cuối thế kỷ thứ 7, nó để lộ ra nhiều dấu hiệu suy đồi. Sang thế kỷ thứ 8 phong trào phản cải cách của đạo Bà-la-môn càng làm cho đạo Phật lụn bại thêm.

Đến thế kỷ thứ 9, Phật giáo chỉ còn sống được ở Bihâr (Bi-a) và Bengale mà thôi, và tại đó, nó còn được tôn làm quốc-giáo. Một trường đại-học danh tiếng được dựng bên sông Hằng truyền bá Phật-giáo qua Tây-tang. Khi người Hồi-giáo xâm nhập Ấn-độ thì Phật giáo bị bóp chết. Năm 1193, thủ đô tỉnh Bihâr bị chiếm, chùa chiền bị phá và tăng-già bị giết sạch. Đến đây sứ mạng ngàn rưởi năm của Phật giáo trên đất Ấn đã cáo chung. (2)

Tại sao Phật giáo phát triển mạnh mẽ khắp các nước viễn đông mà lại suy tàn ở Ấn độ, nơi đã sinh ra nó ? Các nhà học giả đã đưa ra nhiều lý do. Có người thì cho rằng Phật giáo suy là tại phái tăng già suy. Họ không theo đúng con đường trung-hòa của Phật dạy, thiên về một trong hai thái cực, hoặc là khắc khổ, hoặc là khoái lạc. Phần đông dễ bị vật dục lôi cuốn nên các tôn-giáo đối lập nhất là đạo Bà-

(2) Theo bản thống kê năm 1941 thì trong 389 triệu dân chỉ còn có 232 ngàn tín đồ Phật giáo, tức là 6 phần 1 000

la-môn được dịp chỉ trích. Các tu-sĩ Phật giáo được diễn tả như là sư hổ mang, khoác bộ áo cà sa để che đậy một xác thịt dâm ô, tàn ác.

Có người cho rằng lý do suy đạo chánh là trong lúc tiến triển đạo Phật di gần tới Ấn-độ giáo (tức Bà-la-môn-giáo) để rồi hỗn hợp với đạo này. Nhưng trong lúc tranh-giành tín đồ, ấn-độ-giáo được nhiều uy-thế hơn và thắng đạo Phật.

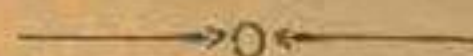
Có người lại viện ra lý-do Phật-giáo bị ngược đãi. Sự thật có lẽ không đúng. Vì đối với đạo Phật đạo Bà-la-môn tranh đấu bằng lý-thuyết hơn là bằng, võ lực. Còn người Hồi-giáo khi xâm-lăng đất Ấn có giết tín đồ Phật giáo thật, nhưng họ có khoan hồng với tín đồ Bà-la-môn đâu. Lúc ấy đạo Phật đã như ngọn đèn sắp tàn chỉ sống dựa vào triều đại Pála (Pa-la). Triều đại này ngã thì nó không làm sao đứng vững được,

Thế kỷ thứ 4, khi đạo Phật phát triển mạnh thì các vua triều Guptas (Guýp-la) tôn đạo Bà-la-môn lên làm quốc giáo. Văn thơ, tuồng hát và các tác phẩm nghệ-thuật chịu ảnh hưởng đạo Bà-la-môn rất nhiều. Triều Guptas lại tỏ ra khoan-hồng : các tôn giáo khác cũng được tự do truyền bá. Nhưng suốt trong thời Trung-cổ chỉ có đạo Bà-la-môn chống đỡ nổi sức tấn-công của đạo Hồi và chế ngự được tinh thần người Ấn.

Tóm lại xã-hội Ấn-độ trong thời Trung-cổ bị ảnh-hưởng của chế độ phong kiến ngoại-lai và từ đó trở

về sau nó cũng như Trung-hoa, không tiến lên được để rồi làm nạn nhân cho các dân tộc xâm lăng khác.

Toát-yếu



1.— Trong thời Trung-cổ, Ấn-độ cũng bị xâm lăng như đế-quốc La-mã, tuy trễ hơn. Nổi gót A-rập, người Thổ-nhĩ-kỳ, vào thế-kỷ thứ 10, từ vùng Tây bắc tràn vào Ấn-độ, biến nước này thành một quốc-gia phong kiến đặt dưới ách thống trị của người Thổ. Toàn thể xã-hội Ấn lúc này bị lụn bại, vì bọn phong kiến chỉ biết bóc lột nông nô và lo thôn tính lẫn nhau.

2.— Vào cuối Trung-cổ, văn hóa Ấn-độ có một phát-dạt. Các lãnh chúa cho xây dựng nhiều lâu đài tráng lệ, biết đãi văn nhân thi sĩ. Người Ấn-độ biết dung hòa hai văn-minh Hồi, Ấn.

3.— Đạo Phật thời Trung-cổ đã suy yếu, bị đạo Hồi đàn áp. Đến thế-kỷ 12, bị loại ra ngoài ý-thức-hệ người Ấn. Duy có đạo Bà-la-môn còn giữ được vai trò của nó.

Kết luận

THỜI TRUNG CỔ, NGẢ BA ĐƯỜNG CỦA ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG.

Tại sao cuối thời Trung-cổ TÂY PHƯƠNG tiến mà
ĐÔNG PHƯƠNG lại thoái ?



Độc lịch sử nhân loại đến cuối thời Trung cổ ta thấy Đông và Tây bắt đầu rẽ ra hai đường. Ở phương Tây các giống rợ lợi dụng di-tích của văn minh La-mã xây dựng lại xã-hội và tạo thành một cái đà thúc đẩy sự tiến hóa tràn tới như thác đổ. Không bao lâu trên cảnh hoang tàn, họ kiến thiết một lâu đài văn minh tráng lệ hơn. Trái lại, Đông phương đứng đầu là Trung hoa lại cơ hồ đứng yên một chỗ — mà đứng yên tức là thoái hóa — và về sau rơi hẳn vào địa vị lệ thuộc Tây phương. Sự sai-biệt ấy, chúng ta thấy cần phải tìm hiểu ít nữa những nguyên nhân chánh.

Các học giả hiện-đại bảo rằng sở dĩ sự tiến hóa Tây phương khác Đông phương là tại trong lịch-sử Tây phương có một yếu tố quyết-định mà lịch sử Đông phương không có, ấy là : *Tây phương có thành thị và giai cấp thị dân.*

Thật vậy, ngày xưa nước Tàu không có thành-thị và tất nhiên không có giai cấp thị-dân tức là tư-

sản giai cấp. (1) Vậy tại sao trong lịch sử Trung-hoa ta thấy nói tới thành thị và hàng phú thương. Hàng phú thương ấy không phải là tư sản giai cấp đó sao?

Đọc qua lịch-sử xã-hội Tây phương chúng ta thấy rằng từ trung-cổ về sau thành-thị chiếm địa-vị trọng yếu trong sự phát triển quốc gia. Thành thị người Pháp gọi là « Commune » mà trong lịch-sử Trung-Hoa không thấy có.

Ở Tây-phương có giai-cấp thị-dân đương đầu với địa-chủ và nông-dân làm thành một cuộc « tam giác đấu tranh ». Giai cấp thị-dân ấy không phát sinh ở Trung-Hoa. Ở Tây-phương chức thị trưởng có từ mấy thế kỷ trước, còn ở Trung Hoa từ hồi Bắc-phạt (1927) trở lên, trong quan chế nước Tàu không thấy nói tới chức ấy. Mà cái gì đã không có tên tức không có thực. Những thành-thị của Tàu trước kia chỉ là những trung tâm hành chánh và quản-sự mà thôi. Những thành thị theo thể-thức Tây phương tuyệt nhiên không thấy xuất hiện.

Thành thị Tây-phương thành lập như thế nào, ấy là một điểm mà chúng ta tưởng nên giải thích. Ở vào sơ kỳ thời đại phong-kiến, Tây-phương chưa có thành thị. Về sau nông dân tự-do hoặc nông-nô được giải phóng đến định cư chung quanh thành trì lãnh chúa, hoặc địa chủ, ly khai với nông-nghiệp, chuyên làm thủ-

(1) Ông Đào-duy-Anh trong sách « Trung Hoa sử Cương cũng nói : giai cấp thương-nghiệp tư sản không chuyển thành giai cấp sản nghiệp tư sản được, cho nên không mở được đường cho tự nhiên khoa học như ở Âu-châu », vậy tư sản giai cấp đây tức là sản nghiệp giai cấp.

công và thương-nghiệp, kinh tế dần dần phát-triển, lực lượng dần dần lớn lên, và lập thành một giai cấp thứ ba, ngoài giai cấp địa chủ và nông dân. Giai cấp này xung đột với giai cấp nông dân, vì quyền lợi của họ không nằm ở đất đai mà nằm ở công thương.

Nhưng đối với địa chủ thì giai cấp này xung đột kịch liệt hơn. Ban đầu địa chủ coi thường giai cấp thị-dân, dãi như hạng nông-nô, nhưng về sau vì áp lực của giai cấp ấy mỗi ngày một mạnh, địa chủ (lãnh chúa) phải từ-từ nhượng bộ. Giai cấp thị dân từ đó trưởng thành và trở nên một lực lượng tự trị, tự mình đề cử đại-diện cai trị thành thị. Cuối đời Trung cổ và đầu đời Cận đại, những cuộc tranh đấu như thế đầy dẫy trong lịch sử Tây phương và mỗi ngày một mạnh thêm. Thành thị mỗi ngày một thắng lợi, thanh thế thị trưởng mỗi ngày một bành trướng, thị dân mỗi ngày một lũy tích, khoa học mỗi ngày một lên cao. Cuối cùng giai cấp tư sản đứng ra làm cách-mạng, xây dựng xã hội tư bản ngày nay.

Xã-hội Trung-hoa có một giai-cấp thị dân tranh-đấu như ở xã hội Tây phương không? Lẽ cố nhiên là không.

Ở xã hội Đông phương chỉ có một thiểu số địa-chủ giàu có, còn ra là đám bần dân vô sản. Lực lượng tiến hóa tự hai hạng người này mà ra chớ không tự giai-cấp thị dân thảo vạt và cấp tiến như ở Tây-phương,

Mà cái lực lượng tiến-hóa của các giai cấp xã-hội Đông phương so với giai cấp thị dân Tây-phương như

thế nào, sự thực đã chứng rõ.

Tại sao Tây-phương có thành thị mà Đông-phương lại không ? Nguyên nhân rất phức tạp, duy có nguyên nhân sau này học giả Trung hoa Đường Ngu Thế cho là quan trọng. Sau khi chống đỡ được phái Hồi-giáo từ Nam đánh lên và Thành-cát-tư-hân từ Đông đánh sang, châu Âu không bị những cuộc chiến - tranh to lớn phá hoại cả toàn bộ. Ở Tàu thì trái lại, mỗi lần có đại loạn, cả nước không chỗ nào khỏi bị ảnh hưởng khốc hại. Nhờ ít chiến-tranh mà thành thị Tây-phương cũng-cổ được cơ-sở. Và khi đã có sức mạnh, thành thị lại hạn chế được chiến tranh, hay hạn chế được sự phá hoại của nó.

Đó là nguyên nhân sai biệt giữa Đông và Tây. Và đó là sự thật trên lịch sử tiến hóa. Sự thực ấy rất có quan hệ đến văn hóa Đông phương và Tây phương.

Lịch sử Tây phương là lịch sử tranh đấu giữa ba giai cấp địa chủ, nông dân và thị-dân. Cơ sở kinh tế của thị-dân không phải là thổ địa, mà là công-thương-nghiệp, hóa-tệ. Lúc ấy tài-phú chia ra làm thổ địa và hóa-tệ thuộc quyền sở hữu của hai giai cấp khác nhau. Địa chủ không thể kinh doanh thương nghiệp, mà thị dân qui tộc, chiếu theo pháp luật, không thể có thổ địa. Pháp luật phong kiến cấm chỉ mua bán ruộng đất tự do. Về sau cách mạng bãi bỏ pháp luật ấy. Vả lại bọn thương nhân có thể bỏ tư-bản vào các công thương nghiệp, khuếch trương thị trường hải ngoại mà không cần thổ địa nhiều.

Giai cấp thị dân chỉ tranh đấu với địa chủ trên phương diện nào đó quan hệ đến quyền lợi của họ mà thôi. Họ đòi bãi bỏ pháp luật phong kiến làm trở ngại cho sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Bởi vậy ở Tây phương vấn đề điền địa có thể gọi là vấn đề riêng giữa địa chủ và nông dân. Vấn đề này khiến nông dân quật khởi chống địa chủ, nhưng thường thường bị thất bại. Nếu nông dân được thắng lợi, ấy là nhờ có giai cấp thị dân bắt buộc địa chủ phải nhượng bộ. Giai cấp thị dân đồng tâm lợi dụng sức tranh đấu của nông dân, bãi bỏ hoặc tu-cải những pháp luật hoặc tập quán phong-kiến làm trở ngại sự phát triển của tư bản chủ nghĩa. Về sau nó lại lật đổ luôn giai cấp địa chủ, thừa hưởng cả chánh quyền, sản nghiệp của giai cấp ấy, trong đó có cả thổ địa.

Ở Trung hoa thì không thế. Trung hoa chỉ có hai giai cấp : địa chủ và nông dân. Phần nhiều đô thị Trung-hoa, trừ Thượng-hải, Thiên tân, Thanh đảo sau này biến thành trung-tâm giao dịch thương mại, còn ra toàn là trung-tâm quân-sự và hành-chánh, như Nam kinh, Bắc kinh, Vũ hán, Quảng châu v.v... không có một đô thị nào là cơ sở kinh-doanh công-thương-nghiệp phát đạt.

Nói cho đúng thì khi người Mông-cổ mở rộng đế quốc từ biên Trung-hoa tới biên Đại-trung, họ đã tạo ra ở Tàu một tình hình kinh-tế, xã-hội và văn-hóa đầy hứa hẹn. Nhưng đầu thế kỷ thứ 14 thì sự thống nhất vĩ đại ấy bị gãy đổ. Châu Á từ đó chia thành từng vùng văn minh cách-biệt hẳn nhau. Trung-quốc bị gián đoạn

với Tây-bộ Á châu, chỉ còn quay về những nước nhỏ là Nhật bản và Đông dương. Dưới triều Minh, Trung hoa cũng có hồi thịnh vượng. Cuối thế kỷ 14, thương thuyền Trung hoa qua tới Tích-lan, Ấn độ, vịnh Ba-tư, Hồng hải và chạy dọc theo duyên hải Ấn độ tới Phi-châu. Nhưng sự tiến triển ấy mà có được là nhờ khoảng năm 1370, một lãnh chúa giống Mông-cổ tên là Tamer-lan (Ta-méc-lăng) thành lập tại Trung-Á một đế-quốc phong kiến (1) làm gián đoạn sự giao-thương giữa Viễn-đông và nội địa châu Á. Trung hoa nhận cơ hội ấy chấn hưng giao dịch. Nhưng khi đế quốc phong kiến này tiêu diệt rồi, thì thương thuyền A-rập và các thương đội đại-lục hoạt động trở lại được, lần át hẳn thương-nghiệp Trung quốc.

Từ đó nhà Minh quay về quá khứ, phỏng theo thể thức tổ chức xã-hội của các triều Đường, Hán. Như vậy nền kinh tế công-thương dưới Nguyên, Minh vừa đặt được nền tảng thì đã sụp đổ. Các thành thị thương mại chưa phát triển đầy đủ và chưa kịp biến thành trung-tâm kỹ nghệ thì đã suy bại để làm chỗ cư trú cho bọn quân nhân và bọn cai trị.

(1) Termerlan, thuộc giòng dõi Thành-cát tư-bãn, thành lập một đế-quốc rộng lớn từ Tây-bá-lợi-à đến Ấn-đô. Còn giữ bản tánh của người du-mục, Termerlan tàn phá sạch những nơi chiếm cứ được từ Ấn độ tới Syrie. Cái thú đặc biệt của y là xây tháp sọ người. Sau cuộc bạo vây thành Ispahan, y xây một cái tới 70.000 sọ. Người Ai-cập, Ba-tư, Ấn-đô, Thổ-nhĩ-kỳ đều phải qui phục và nộp cống. Y làm Đại-hãn năm 1369 và chết năm 1405. Đế-quốc Tamerlan là đế quốc cuối cùng của dân du-mục.

Trong hoàn-cảnh lịch sử ấy và dưới áp lực của một chế độ cai trị chuyên chế giết chết những sáng kiến, nỗ lực cá nhân phương hai tới uy quyền hoàng-đế thì lẽ cố nhiên hạng người gọi là « công thương nghiệp gia » của Trung hoa không thể có một tinh thần thảo vát và tiến bộ như giai-cấp thị dân Tây phương được. Họ kém hẳn tinh thần đoàn kết và vì vậy không đủ sức đương đầu với áp lực phong kiến, qui tộc, không tạo nổi điều kiện phát triển của tư bản chủ nghĩa. Trên con đường lịch sử, họ không tiến lên được để lãnh cái vai trò biến cải xã-hội như giai cấp thị-dân Tây-phương. Mục đích hoạt động của họ là kiếm nhiều tiền. Khi có tiền rồi họ chọn một lối đi vừa dễ vừa chắc là mua đất để trở thành một địa chủ. Thay vì tranh đấu chống qui tộc, họ lại dựa vào qui tộc để sinh tồn.

Địa chủ và qui tộc vì cần tiền nên chịu nhường bớt một phần điền địa. Đó là nguyên nhân làm cho Trung quốc không có một giai cấp thứ ba như giai cấp thị-dân Tây-phương.

Trong lịch sử nhân loại sự tranh đấu giữa hai giai cấp đem lại kết quả khác hẳn với sự tranh đấu giữa ba giai cấp.

Nguyên nhân chánh của sự sai biệt giữa Đông phương và Tây phương là chỗ đó. Ở Tây phương, giai cấp tư sản (tức giai cấp thứ ba) đánh đổ được phong kiến, địa chủ, đổi cái quan hệ sanh sản phong kiến thành quan hệ sanh sản tư bản. Ở Đông phương cuộc tranh đấu giữa địa chủ và nông dân không đưa đến kết quả tương đương, nên xã hội trước sau làm vào chỗ bế tắc.

Ở Trung-hoa sau một cuộc tranh đấu, cả hai giai cấp đều bị tổn thương. Cứ mỗi vòng một trăm năm, mâu thuẫn dồn chứa quá nhiều, giai cấp nông dân nổi lên bạo động chiến tranh, giết hại một số người rất lớn, rồi thiên hạ trở lại thái bình. Người ta coi chiến-tranh như là một phương tiện bớt nhân khẩu để giữ mức sống quân bình rồi quay trở lại quãng đường đã đi qua từ trước.

Rồi mâu thuẫn lại dồn chứa cho đến lúc phát ra bạo động nữa. Sau một cuộc tranh đấu nông dân có thể được thắng lợi. Nhưng thắng lợi ấy không phải toàn thể nông dân được hưởng mà lại lọt vào tay một lớp địa chủ khác hoặc là một số nông dân trung gian hóa thành địa chủ.

Trong lịch sử Trung quốc những chuyện lược-đoạt quyền lợi như thế rất nhiều như bọn Trần-Thắng, Ngô-Quần, Nịch My, Huỳnh Cản, Hoàng Sào, Hàn-lâm-Nhi v.v... Trước sau nước Tàu đắm lại chỗ cũ, rốt cuộc không có lối ra. Sự chậm trễ ấy tất nhiên có ảnh hưởng lớn đến tinh thần dân tộc. Đó là nguyên nhân làm cho Trung-hoa từ Trung-cổ trở đi không tiến lên kịp Tây-phương. Cái cơ sở văn hóa của Trung-hoa cũng chính là tại đó. Còn các học thuyết Khổng-tử, Lão tử, đạo giáo của Thích-Ca chỉ là yếu tố phụ thuộc mà thôi.

Độc lịch sử Tây phương và Đông phương thời Trung cổ, chúng ta tưởng phải hiểu rõ điểm này để nhận xét đúng đắn những bước đường tiến hóa sắp tới. (1)

(1) Viết theo tài liệu của Đường Ngu-Thế.

Những biến cố lớn trong thời Trung-cổ
sắp theo thứ tự thời-gian.

Thế kỷ	Trung Đông và Âu	Biến cố	Trung Hoa
7	A-rập	Hégire : Mahomet trốn tới Médine - lý nguyên Hồi-giáo	
9	Pháp	Đế-quốc Tây-phương phục hưng. Lễ tấn phong hoàng-đế Charlemagne ở La-mã	
10			Ngũ-dại. Tống
11	Anh	Guillaume de Normandie xâm lăng nước Anh. Chiến-tranh Thập tự lần thứ nhất.	
13		Chiến tranh Thập tự lần thứ 4, Thập tự quân chiếm Constantinople.	Nguyên
15	Pháp	Jeanne-d'Arc giải-vây thành Orléans. Quân Thồ-nhĩ-kỳ chiếm Constantinople. Chiến tranh trăm năm chấm dứt	

MỤC LỤC

—O—

PHẦN THỨ NHẤT. — Thời Trung-Cổ Châu Âu. Trang

CHƯƠNG I. — Tình hình thế giới vào cuối đời

Thượng cổ. 6

1. Hai đế quốc dẫn đầu văn-minh nhân loại. 6

2. Thế giới chia làm hai vùng riêng biệt. 9

Toát yếu. 7

X CHƯƠNG II. — Đế- quốc La-mã sau khi bị Rô

xâm lăng. 11

1. Người Rô xâm lăng Tây đế quốc La-mã. 11

2. Vương quốc Franc và giòng Mérovingien. 12

3. Tình hình xứ Gaule dưới triều Mérovingien. 15

4. Đông-đế- quốc La-mã và vua Justinien. 17

5. Đế- quốc Hy-lạp. 18

Toát yếu. 19

CHƯƠNG III. — Sự bành trướng của đạo Đa-tô. 21

1. Nguyên nhân phát triển của đạo Đa-tô. 21

2. Giáo hoàng Grégoire le Grand và uy quyền giáo hoàng. 22

3. Đạo Đa-tô toàn thịnh. 23

Toát yếu. 24

CHƯƠNG IV. — Sự bành trướng của đạo Hồi. 26

1. Đế- quốc Ả-rập, Hồi-giáo và giáo chủ Mahomet. 26

2. Văn-minh Hồi-giáo. 32

Toát yếu. 38

CHƯƠNG V. — Đế- quốc Byzantin hồi Trung-cổ

Tình-hình kinh-tế, chánh-trị, xã-hội, văn-hóa 40

Toát yếu 44

CHƯƠNG VI. — Triều đại Carolingien. 45

1. Giòng Carolingien thay giòng Mérovingien ở Gaule. 45

2. Vua Charlemagne và công việc chinh phục toàn cõi

Tây-âu. 46

3. Tình hình chánh trị, xã hội và văn hóa Tây-Âu

trong thời Charlemagne. 47

4. Vương quốc Charlemagne suy vong và chế độ phong- kiến thành lập.	49
Toát-yếu.	53
<i>CHƯƠNG VII. — Chế độ xã-hội trong thời Trung-cổ :</i>	
<i>Chế độ phong kiến</i>	54
1. — Chế độ phong kiến xuất hiện.	54
2. — Chế độ phong kiến ở Pháp.	56
3. — Giai cấp quý tộc : chủ tề, chư hầu, võ sĩ, quan lại.	57
4. — Giai-cấp nông dân : nông nô, nông dân tự do.	58
5. — Đời sống nông nô.	60
6. — Giai cấp thị-dân : phủ hào, công nhân.	61
Toát yếu	62
<i>CHƯƠNG VIII. — Vai trò giáo hội trong chế độ phong kiến</i>	64
1. — Xã-hội công giáo và phong trào cải cách trong giáo- hội.	64
2. — Uy quyền tôn giáo thời Trung cổ.	66
3. — Chiến tranh Thập tự — Nguyên nhân và kết quả.	67
Toát yếu	73
<i>CHƯƠNG IX. — Sự tiến hóa của chế độ phong kiến</i>	75
1. — Mâu thuẫn trong chế độ phong kiến	76
2. — Thể dạng chánh trị của chế độ phong kiến : chánh phủ lãnh chúa và chánh phủ Trung ương tập quyền	76
Toát yếu	79
<i>CHƯƠNG X. — Văn minh Tây phương trong Thời đại Trung cổ.</i>	80
1. — Nông nghiệp : sanh hoạt nông dân.	80
2. — Công nghệ : sanh hoạt công nhân và cách tổ chức trong ngành thủ công.	82
3. — Thương-nghiệp phát triển — Uy thế các thương nghiệp đồng minh — Các cơ sở thương mại Bắc-Âu và Địa-trung-hải.	85
4. — Thành-thị trong thời Trung-cổ.	88
5. — Đời sống tinh thần của xã-hội giáo dục, học thuật, văn nghệ, kiến trúc.	90
7. — Nghệ thuật kiến trúc : nghệ thuật « roman » và nghệ thuật « gothique ».	93
8. — Tình hình văn nghệ các xứ lân cận Pháp : Anh, Đức, Ý, Tây-ban-nha.	97

Toát yếu	98
<i>HƯNG XI — Chiến tranh Trăm năm.</i>	100
1. — Nguyên nhân chiến tranh	100
2. — Nước Pháp thời Jean le Bon và Charles V.	101
3. — Triều Charles VI, nước Pháp bị qua phân.	104
4. — Jeanne d'Arc giải phóng nước Pháp	105
Toát yếu.	108
<i>KẾT LUẬN</i>	109
PHẦN THỨ HAI. Trung-Hoa từ Ngũ đại đến Nguyên.	
<i>CHƯƠNG I. — Nhà Bắc-Tống.</i>	112
1. — Bắc-Tống diệt thập quốc, thống nhất Trung-Hoa.	
2. — Chánh thể trung ương tập quyền dưới triều Tống : kết quả hay và dở.	113
3. — Sự phát triển của xã hội Trung-Hoa dưới triều Tống : kinh tế, chánh trị, văn hóa.	114
4. — Tống dưới áp lực của Bắc Liêu và Tây hạ	118
5. — Kế hoạch cải cách của Vương-An-Thạch.	120
6. — Người Kim diệt nước Tống.	121
Toát-yếu.	121
<i>CHƯƠNG II. — Nhà Nam Tống.</i>	126
1. — Nam Tống dưới áp lực người Kim.	126
2. — Người Mông-cổ mở cuộc xâm lăng.	127
3. — Mông cổ tiêu diệt nước Kim và nước Tống.	129
Toát yếu.	130
<i>CHƯƠNG III — Nhà Nguyên.</i>	133
1. — Thành-cát Tư-hãn.	133
2. — Ảnh hưởng các nước văn minh, nhất là Trung quốc.	134
3. — Chánh sách thống trị của Mông-cổ ở Trung-Hoa	136
4. — Đế quốc Mông cổ sụp đổ.	139
Toát yếu.	141
<i>CHƯƠNG IV. — Tình hình kinh tế và xã hội Trung Hoa dưới triều Nguyên.</i>	143
<i>CHƯƠNG V. — Ấn độ vào thời Trung cổ.</i>	149
Toát yếu	
<i>KẾT LUẬN</i>	156
Những biến cố lớn	194

Đính chánh

Trang	Hàng	In sai	Đọc lại
18	25	người cùng ta	người ta
24	18	thế lực	thế-tục
27	7	Đến	Đền
27	15	kết với	kết hôn với
27	21	năm mươi	năm mươi
30	9	không thêm đem	không đem
32	1	bàn bà	đàn bà
35	4	khai luận	khái luận
42	29	công bình	công bình
43	15	xâm lấn, nam bộ	xâm lấn nam bộ
47	15	quân sự	quân sự
51	26	giống	giống
52	14	nên	nên
60	7	5) Từ buổi...	Từ buổi...
			(đem số 5 đặt giữa 2 hàng 6 và 7
61	10	6) Dưới chế độ	Dưới chế - độ ...
			(đem số 6 đặt giữa 2 hàng 9 và 10)
62	23	giai cấp trung lưu	giai cấp tư-sản
65	5	giống	giống
66	3	(ordre des mendiants)	(ordre des men-
		mà	diants). Họ bỏ các
			tu-viện, lẫn vào...
66	4	như, các	như các
67	10	ban	bán
96	10	rợ	rực-rỡ
124	17	kị	kịp
134	9	Oirat (1)	Oirat
134	10	Tartare	Tartare (1)
136	9	Thanh thị	thành-thị
137	13	một những	một trong những
143	11	16 năm	17 năm
148	14	đang để quốc	đứng trong để quốc
148	17	tuồng trọng nhất	tuồng quan trọng..
			nhất.